

TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

BỘ DÀY



2

CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC
PHƯƠNG BẮC



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Biên soạn

PHAN AN

ĐINH VĂN LIÊN

TÔN NỮ QUỲNH TRẦN

NGUYỄN KHẮC THUẦN

Họa sĩ

NGUYỄN ĐỨC HÒA

NGUYỄN TRUNG TÍN

NGUYỄN HUY KHÔI

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

BỘ DÀY



2

**CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC
PHƯƠNG BẮC**

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Đức Hòa, Nguyễn Huy Khôi
Biên tập hình ảnh: Nguyễn Huy

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Chống quân xâm lược phương Bắc / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Phan An ... [và
nh.ng. khác] biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Đức Hòa ... [và nh.ng. khác]. - Tái bản lần 1. -
T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015.

300 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.2).

1. Việt Nam -- Lịch sử -- Đến 939 -- Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Phan An.

III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam -- History -- To 939 -- Pictorial works.

959.701 -- dc 22
N548

LỜI GIỚI THIỆU

Công trình *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* ra đời nhằm mục đích giới thiệu lịch sử nước nhà một cách ngắn gọn, sinh động, có hệ thống, qua cách kể chuyện súc tích và tranh minh họa.

Bộ sách tranh nhiều tập này cố gắng phản ánh con người và đất nước Việt Nam theo đúng tiến trình lịch sử với không gian, văn hóa, y phục, tính cách phù hợp với từng thời kỳ, từng triều đại cụ thể.

Bộ *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* dự kiến thực hiện xuyên suốt từ thời đại đồ đá, đồ đồng đến thời Hùng Vương dựng nước; trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc đến thời kỳ tự chủ của các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn và cuối cùng là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước vừa qua.

Bộ sách được chia làm nhiều tập, mỗi tập viết về một thời kỳ hay một nhân vật, một vấn đề tiêu biểu của thời kỳ đó. Mỗi tập có cấu trúc độc lập riêng nhưng hài hòa trong một tổng thể chung là Lịch sử Việt Nam. Trong quá trình biên soạn, các tác giả còn chú ý thể hiện các đặc điểm văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán tiêu biểu của từng thời kỳ lịch sử.

Công trình là nỗ lực chung của các họa sĩ, các cán bộ nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội tại TP Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Trẻ.

Đây là bộ lịch sử bằng tranh đầu tiên của nước ta được thực hiện với mục đích và yêu cầu như trên, nên trong quá trình biên soạn và thể hiện không tránh khỏi những sơ xuất. Ban biên soạn, họa sĩ và Nhà xuất bản Trẻ rất mong được sự góp ý của bạn đọc gần xa.

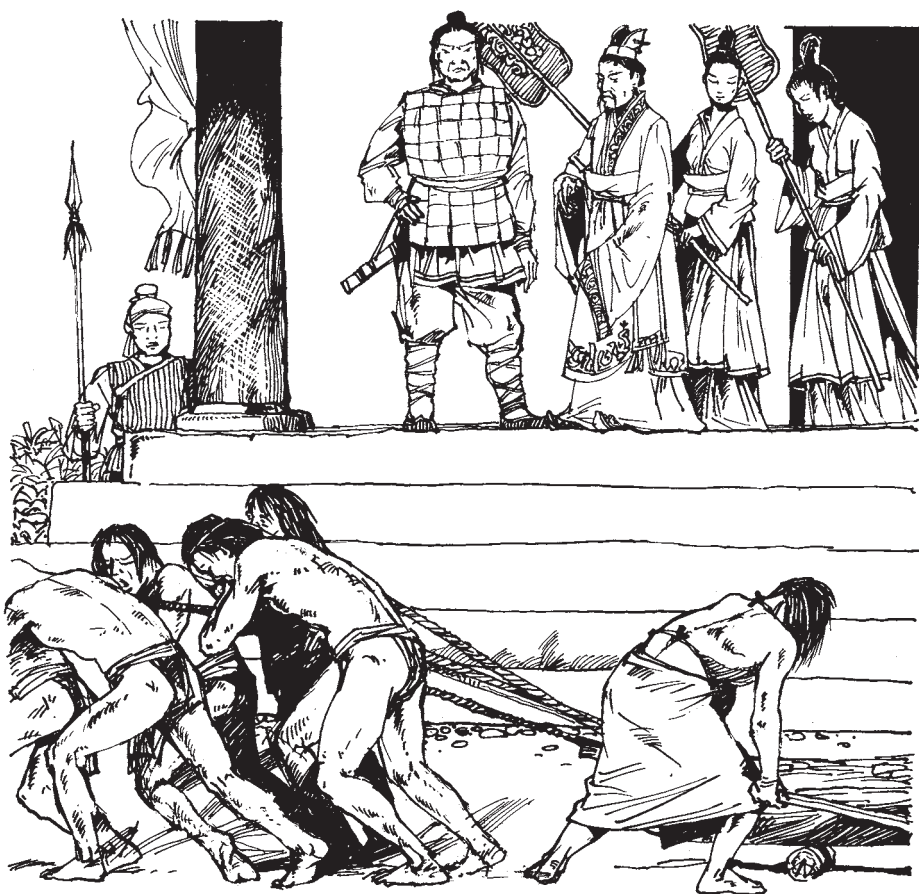
Thành phố Hồ Chí Minh
TRẦN BẠCH ĐĂNG

HAI BÀ TRƯNG





Năm 179 trước Công nguyên, Triệu Đà cướp nước Âu Lạc rồi chia nước ta thành hai quận Giao Chỉ (vùng Bắc bộ ngày nay) và Cửu Chân (vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ). Triệu Đà sai hai sứ thần coi giữ hai quận này.



Năm 111 trước Công nguyên, nhà Triệu bị nhà Hán thôn tính. Nhà Hán chia nước ta làm ba quận: Giao Chỉ (vùng Bắc bộ ngày nay), Cửu Chân (vùng Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, một phần Ninh Bình ngày nay) và Nhật Nam (vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế ngày nay), đặt trị sở ở Giao Chỉ. Năm thứ 8, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Năm 25, Lưu Tú đánh bại Vương Mãng, tái lập nhà Hán.

Nhà Hán cai trị nước ta rất hà khắc. Chúng đưa người Hán sang nước ta nắm giữ các chức quan lớn như Thái thú, Quận thừa, Đô úy thừa... Đứng đầu các huyện vẫn là các Lạc tướng Âu Lạc nhưng bị hạn chế nhiều quyền hành. Năm 34, nhà Hán cử Tô Định làm Thái thú quận Giao Chỉ. Tô Định đặt phủ Thái thú tại Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).



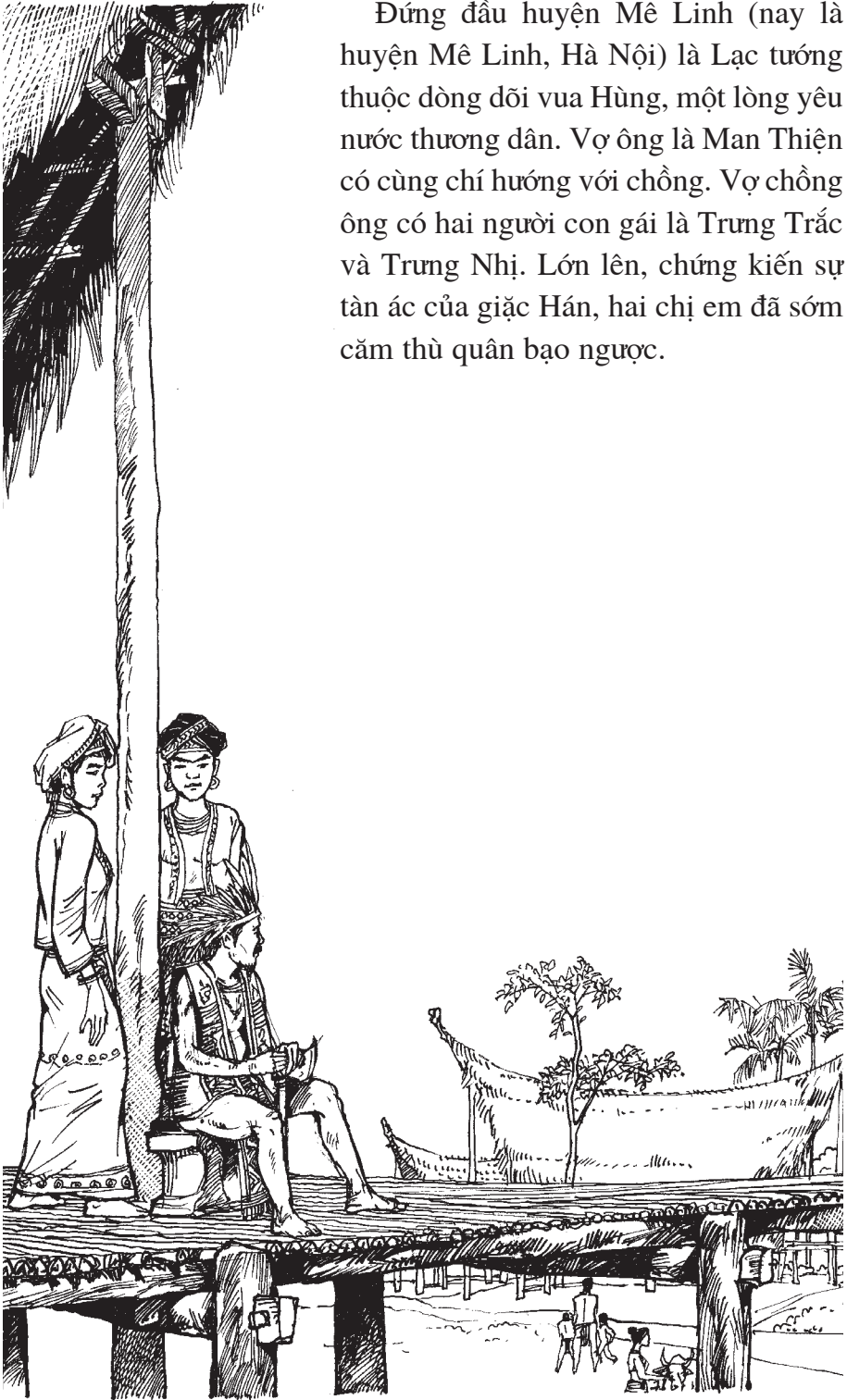
Tô Định bắt dân ta phải cống nộp nhiều loại sản vật. Người dân vừa phải đi phu dịch, vừa phải lên rừng xuống biển tìm sản vật quý. Nhà Hán bắt những người Việt có tài đem về Trung Quốc và đưa dân Hán di cư sang nước ta.



Nhà Hán buộc dân ta phải thay đổi phong tục tập quán, cách ăn mặc, các lễ nghi cưới xin, tang ma... theo phương Bắc khiến người dân Âu Lạc vô cùng phẫn uất.



Đứng đầu huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội) là Lạc tướng thuộc dòng dõi vua Hùng, một lòng yêu nước thương dân. Vợ ông là Man Thiện có cùng chí hướng với chồng. Vợ chồng ông có hai người con gái là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Lớn lên, chúng kiến sự tàn ác của giặc Hán, hai chị em đã sớm căm thù quân bạo ngược.



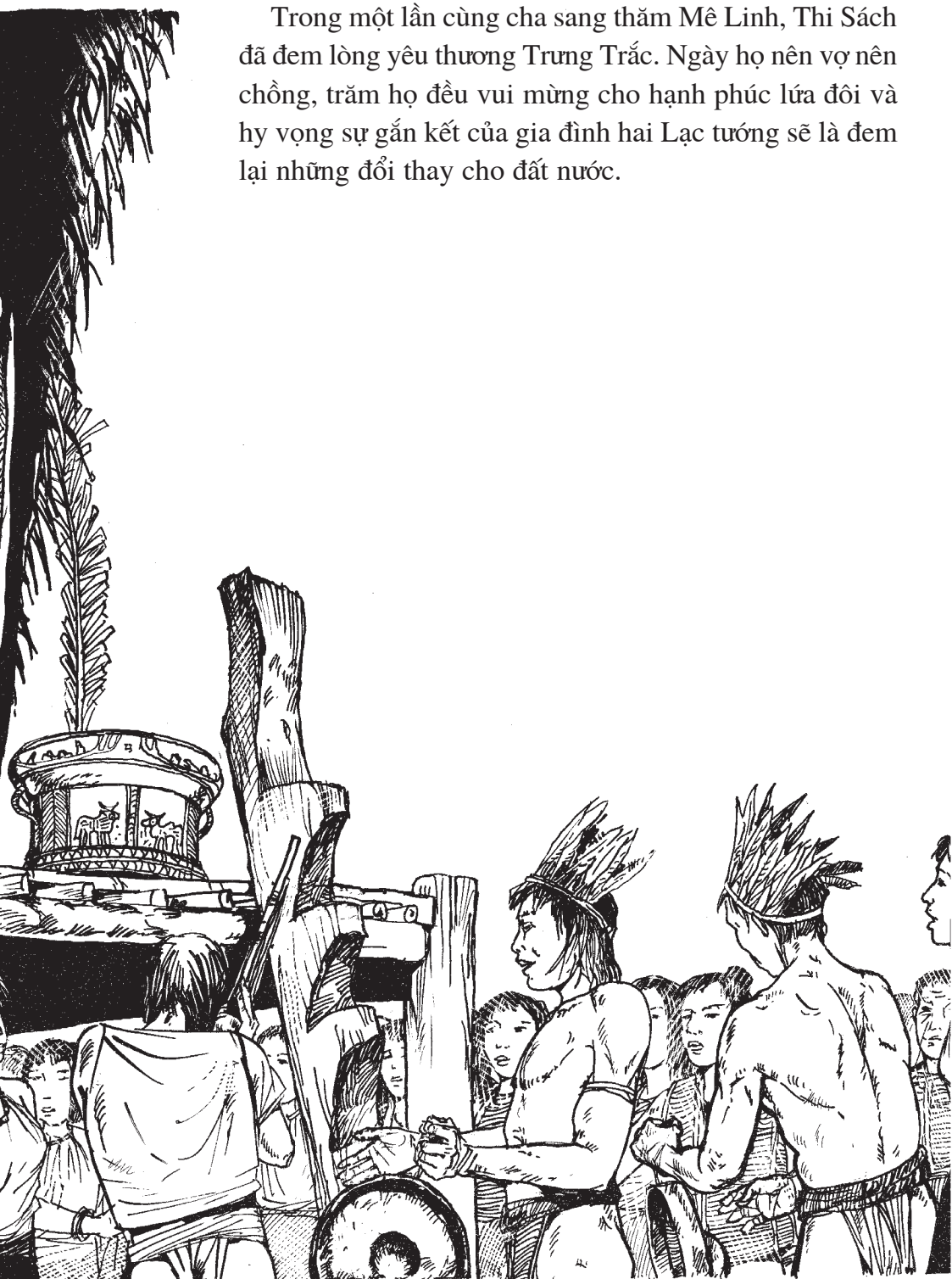
Huyện Chu Diên^(*) - nằm cạnh Mê Linh - là một huyện lớn. Lạc tướng Chu Diên là người khảng khái. Con trai ông là Thi Sách được cha truyền cho tấm lòng vì nước vì dân nên cũng sớm nuôi đánh giặc cứu nước.

** Nay là vùng đất thuộc các huyện Đan Phượng, Từ Liêm (ngoài thành Hà Nội).*





Trong một lần cùng cha sang thăm Mê Linh, Thi Sách đã đem lòng yêu thương Trưng Trắc. Ngày họ nên vợ nên chồng, trăm họ đều vui mừng cho hạnh phúc lứa đôi và hy vọng sự gắn kết của gia đình hai Lạc tướng sẽ là đem lại những đổi thay cho đất nước.



Trước khi Hai Bà Trưng dựng cờ dấy nghĩa, ở nước ta đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống lại nhà Hán. Ở vùng đất Đông Triều (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày nay) có cuộc khởi nghĩa của chàng Hối. Tuy cha làm quan cho nhà Hán nhưng chàng Hối đã cùng cậu là Phạm Công Huyền đã chiêu mộ nghĩa sĩ, hoạt động chống lại quan quân nhà Hán ở suốt một nẻo đất Đông Bắc.



Ở vùng Kê Sải (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc) có cuộc khởi nghĩa của Trần Nương. Bị lính nhà Hán ức hiếp, nàng cùng chồng là Thiên Bảo chiêu mộ hơn 1000 nghĩa sĩ, cùng nhau đánh giặc ở vùng trung du. Nghĩa quân của Trần Nương, Thiên Bảo đã khiến giặc Hán nhiều phen khốn đốn.



Ở vùng Đường Lâm (nay thuộc thành phố Sơn Tây, Hà Nội) có hai chị em Ả Lan và Lê Tuấn rất giỏi võ nghệ. Khi giặc Hán đến làng thu gom cống vật, cha của Ả Lan chỉ huy dân làng chống lại và ông bị giặc giết. Năm ấy, Ả Lan mới mười tám tuổi. Làm lễ tang cho cha xong, nàng cùng em trai kêu gọi dân trong vùng đứng lên đánh giặc.



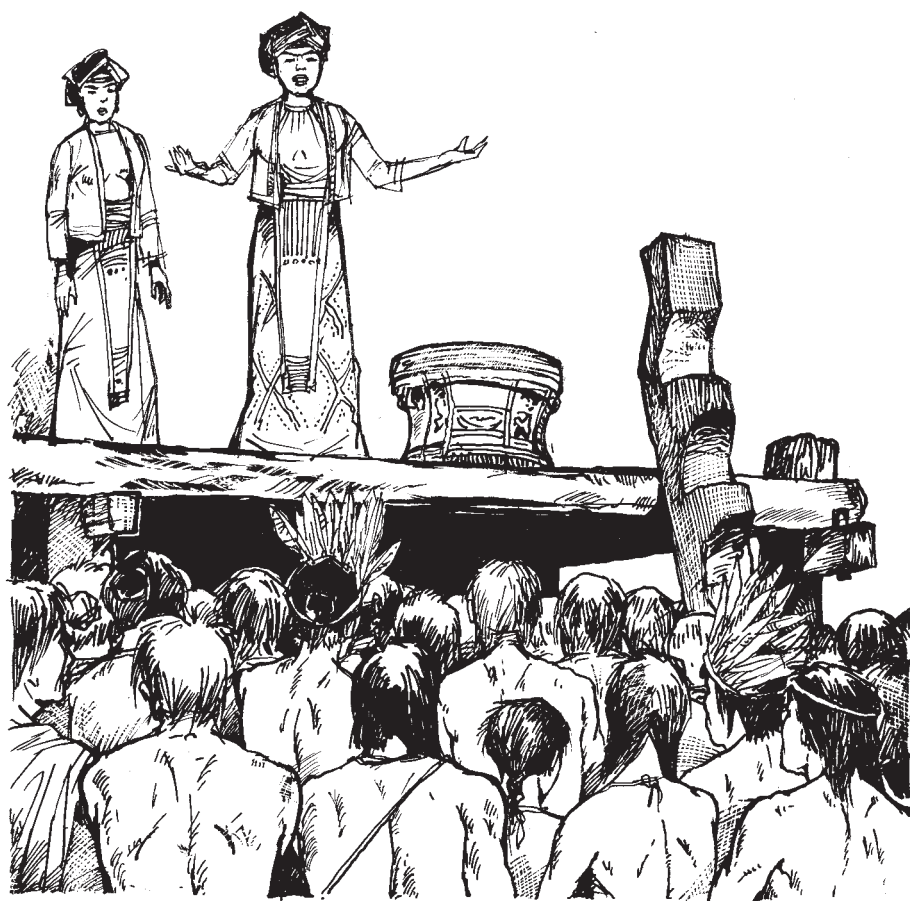


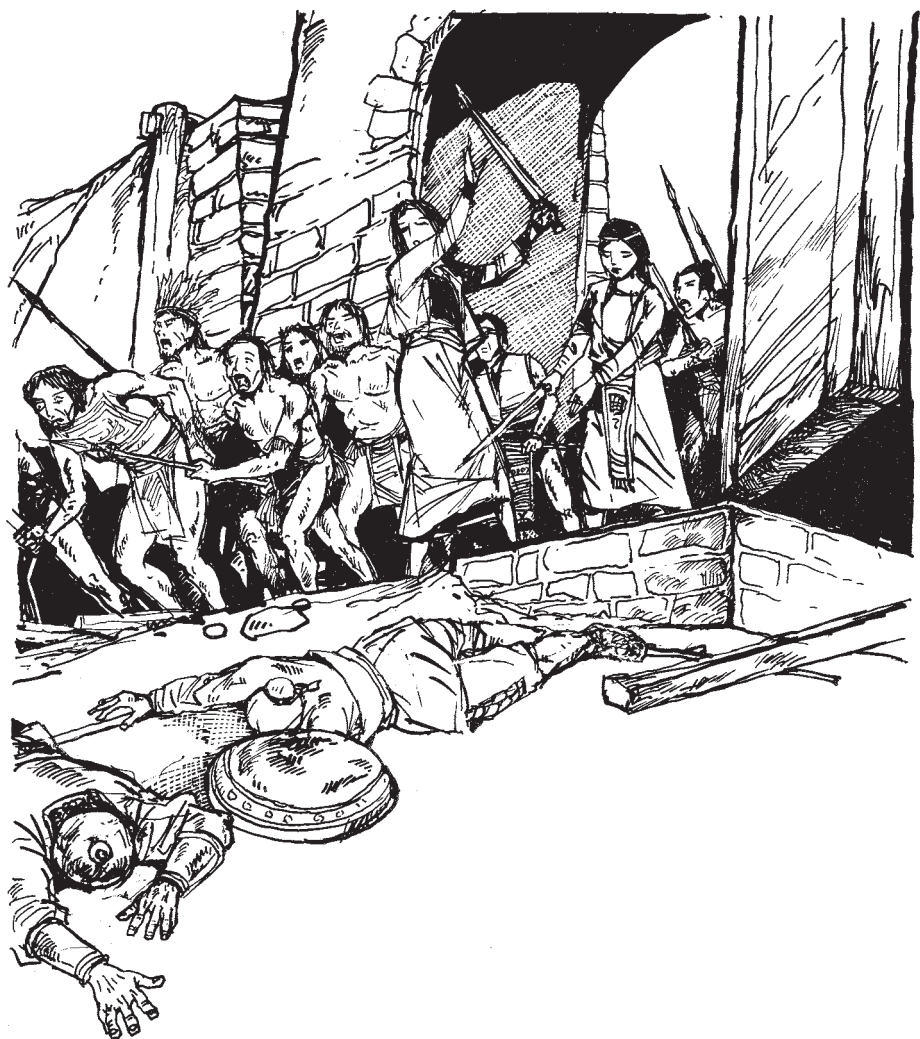
Các cuộc khởi nghĩa tuy còn lẻ tẻ nhưng cũng khiến Tô Định và bọn quan quân nhà Hán lo lắng. Tô Định phải cho quân đi đánh dẹp liên miên. Giữa lúc đó, hắn được tin Thi Sách và Trưng Trắc tổ chức cưới xin.

Cho rằng việc cưới xin là cơ hội để các lực lượng chống Hán gặp nhau, Tô Định bèn đưa quân tới bắt Thi Sách đem đi. Vài ngày sau, Tô Định đem Thi Sách ra hành hình.



Tin Thi Sách bị Tô Định giết hại khiến dân chúng căm phẫn. Biết thời cơ đã tới, Trưng Trắc, Trưng Nhị đứng lên kêu gọi dân chúng đánh giặc cứu nước. Hưởng ứng lời kêu gọi, người dân Mê Linh tự trang bị vũ khí rồi kéo về dưới cờ nghĩa của Hai Bà.





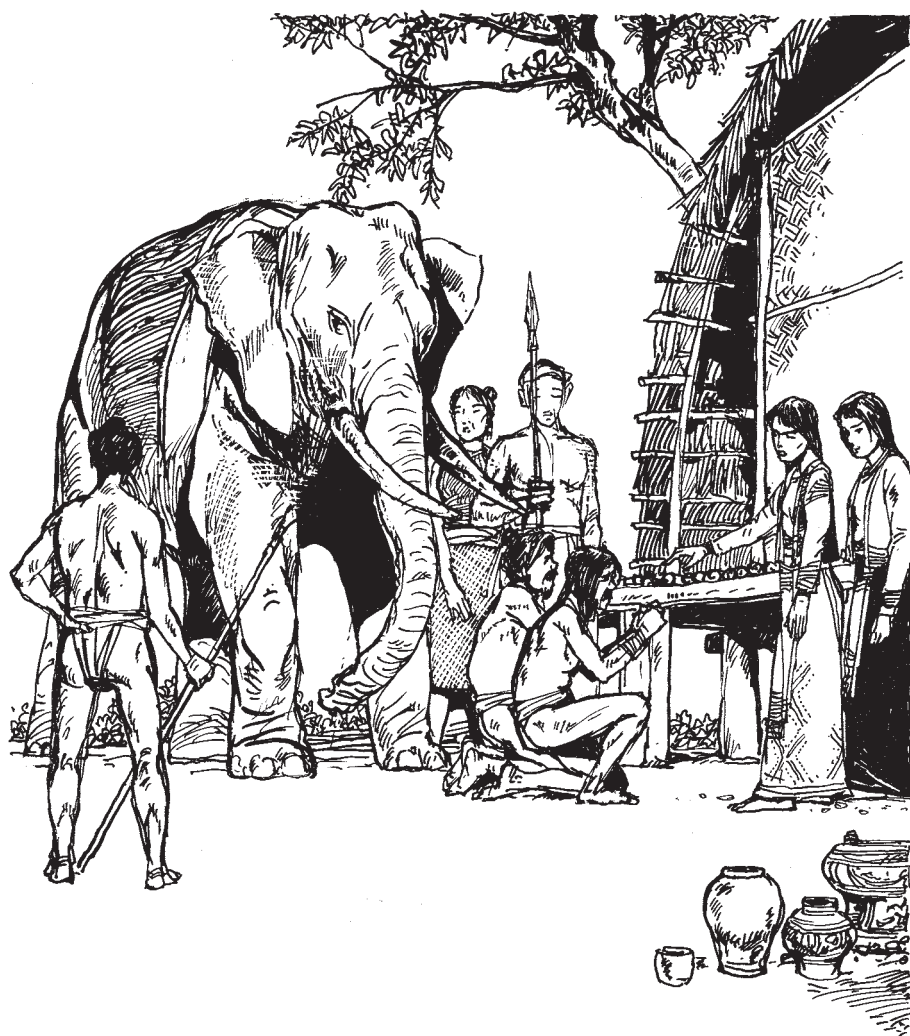
Khi biết tin Trung Trắc dụng cờ dấy nghĩa, chị em Ả Nương, Ả Nàng ở Yên Mạc (nay thuộc xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, Hà Nội) cùng hơn 1000 nghĩa binh đã kéo đến Mê Linh. Trên đường đi, gặp bất kỳ đồn trại nào của giặc, đội nghĩa binh cũng quét sạch.



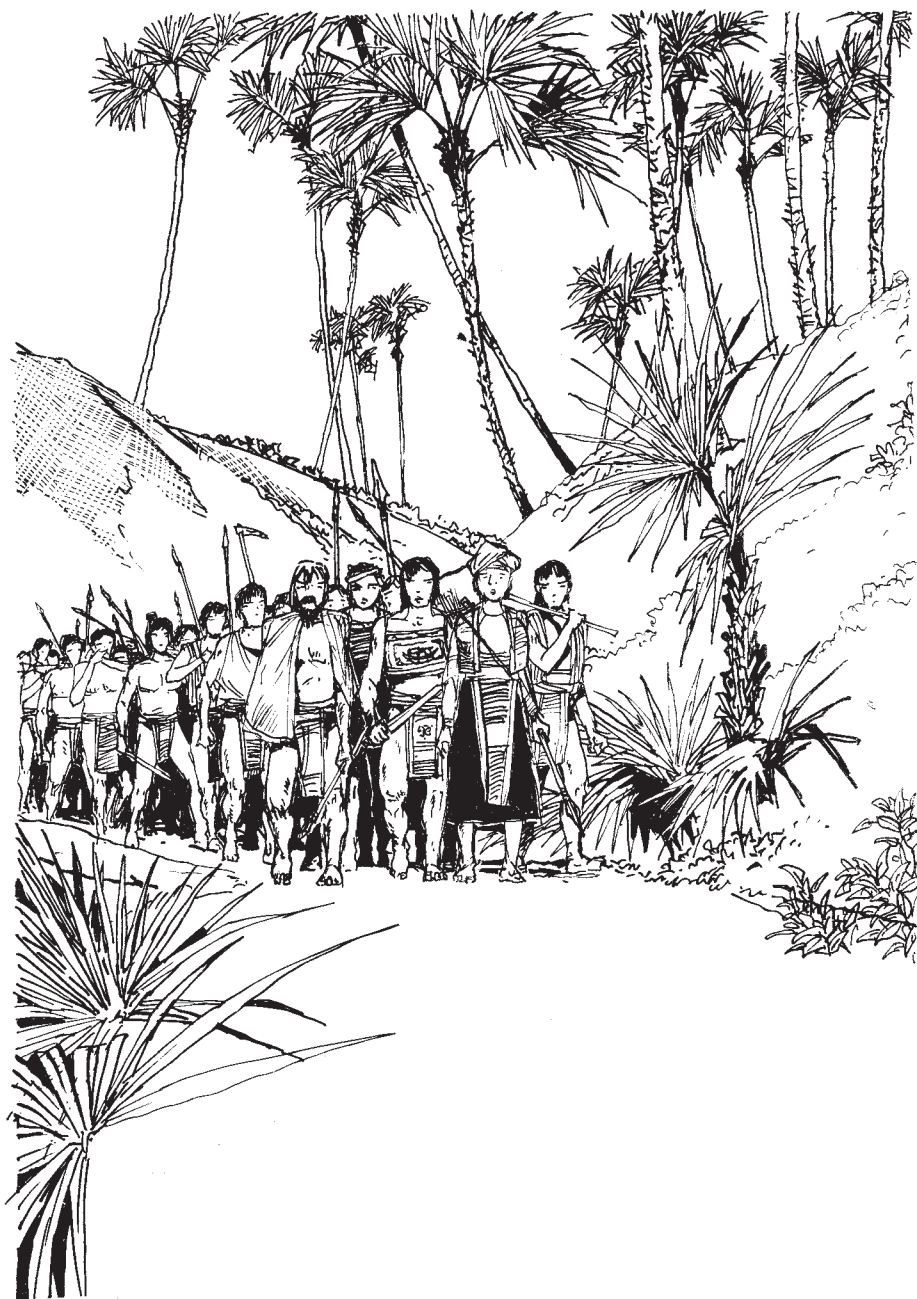
Về Mê Linh tự nghĩa còn có những đội nghĩa binh tuy chỉ vài chục, vài trăm người nhưng đều là những người tinh thông võ nghệ. Ba mươi thanh niên giỏi võ ở làng Trung Hậu(?) dưới sự chỉ huy của ba anh em Cả, Hai, Ba đã vượt sông đến Mê Linh.

Năm mươi nữ binh do Ả Tú, Ả Huyền ở trang Vân Thủy (nay thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc) làm thủ lĩnh cũng kéo về gia nhập nghĩa quân. Họ đều là những chiến binh giỏi võ nghệ, có tài chạy nhanh như gió.



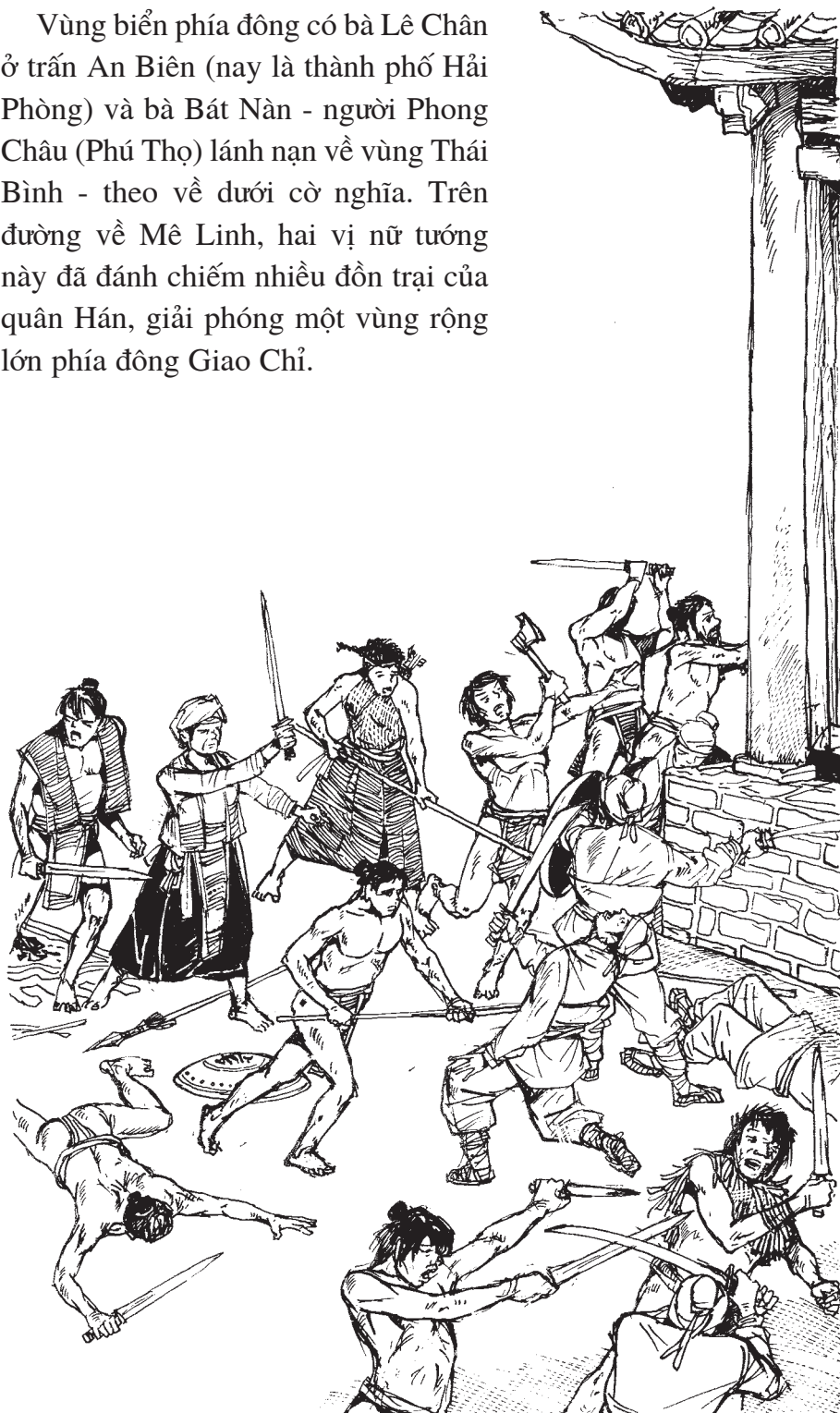


Về Mê Linh, ai ai cũng mong được Hai Bà thu nhận để có dịp giết giặc cứu nước. Về sau, nhiều người trở thành tướng tài của Hai Bà như Lữ Lũy ở trang Văn Lôi (xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Hà Nội), Nguyễn An ở Cao Xá (xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)...

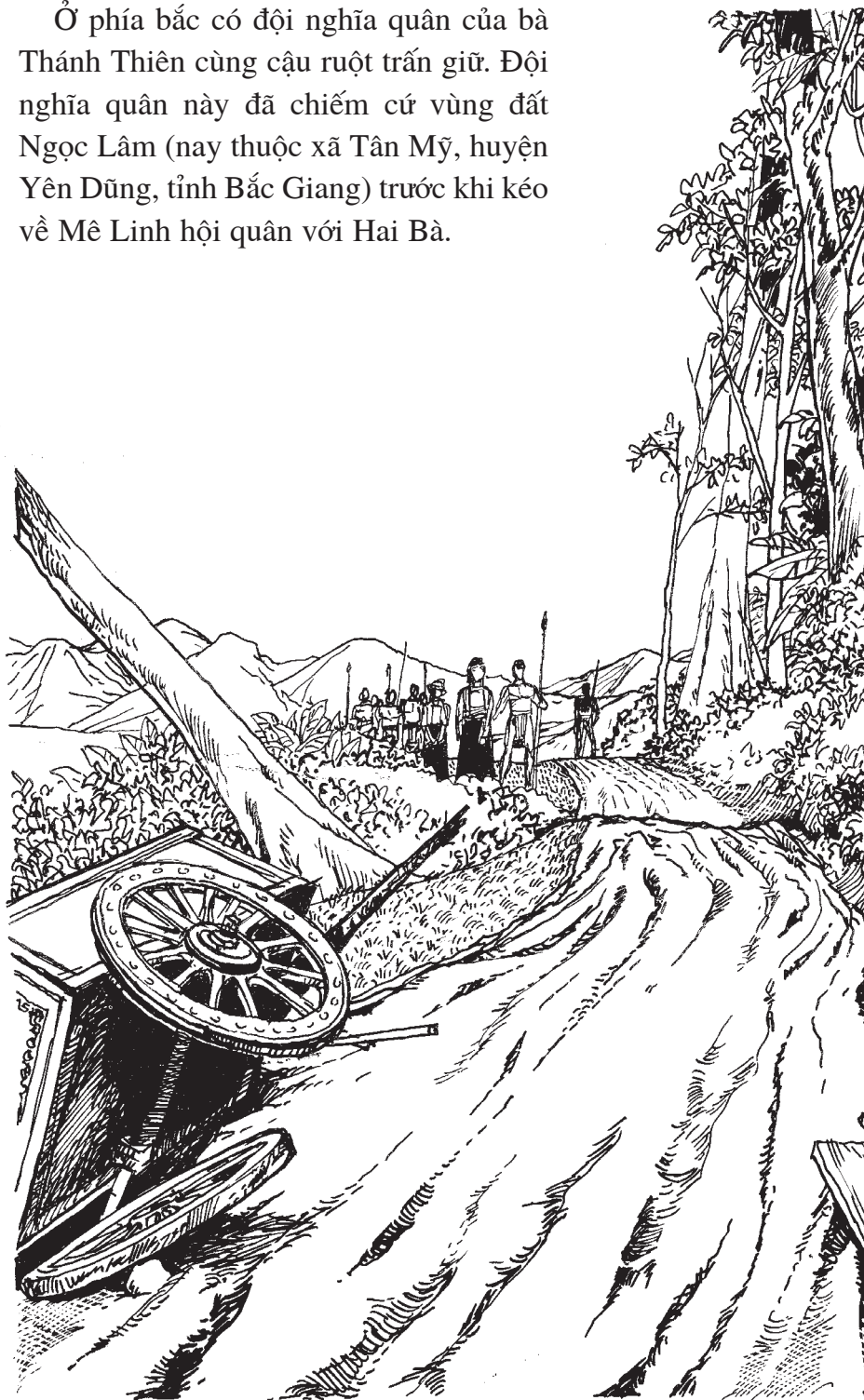


Lời kêu gọi của Hai Bà còn được các quận huyện ở xa hưởng ứng. Ở phía tây, đội nghĩa quân của Nguyệt Diện ở Tây Cốc, của Trần Tuấn và Vương Đạo ở Phương Trung (các vùng này thuộc Đuan Hùng, Phú Thọ) cũng hối hả tiến về Mê Linh cho kịp ngày hội quân.

Vùng biển phía đông có bà Lê Chân ở trấn An Biên (nay là thành phố Hải Phòng) và bà Bát Nàn - người Phong Châu (Phú Thọ) lánh nạn về vùng Thái Bình - theo về dưới cờ nghĩa. Trên đường về Mê Linh, hai vị nữ tướng này đã đánh chiếm nhiều đồn trại của quân Hán, giải phóng một vùng rộng lớn phía đông Giao Chỉ.



Ở phía bắc có đội nghĩa quân của bà Thánh Thiên cùng cậu ruột trấn giữ. Đội nghĩa quân này đã chiếm cứ vùng đất Ngọc Lâm (nay thuộc xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang) trước khi kéo về Mê Linh hội quân với Hai Bà.

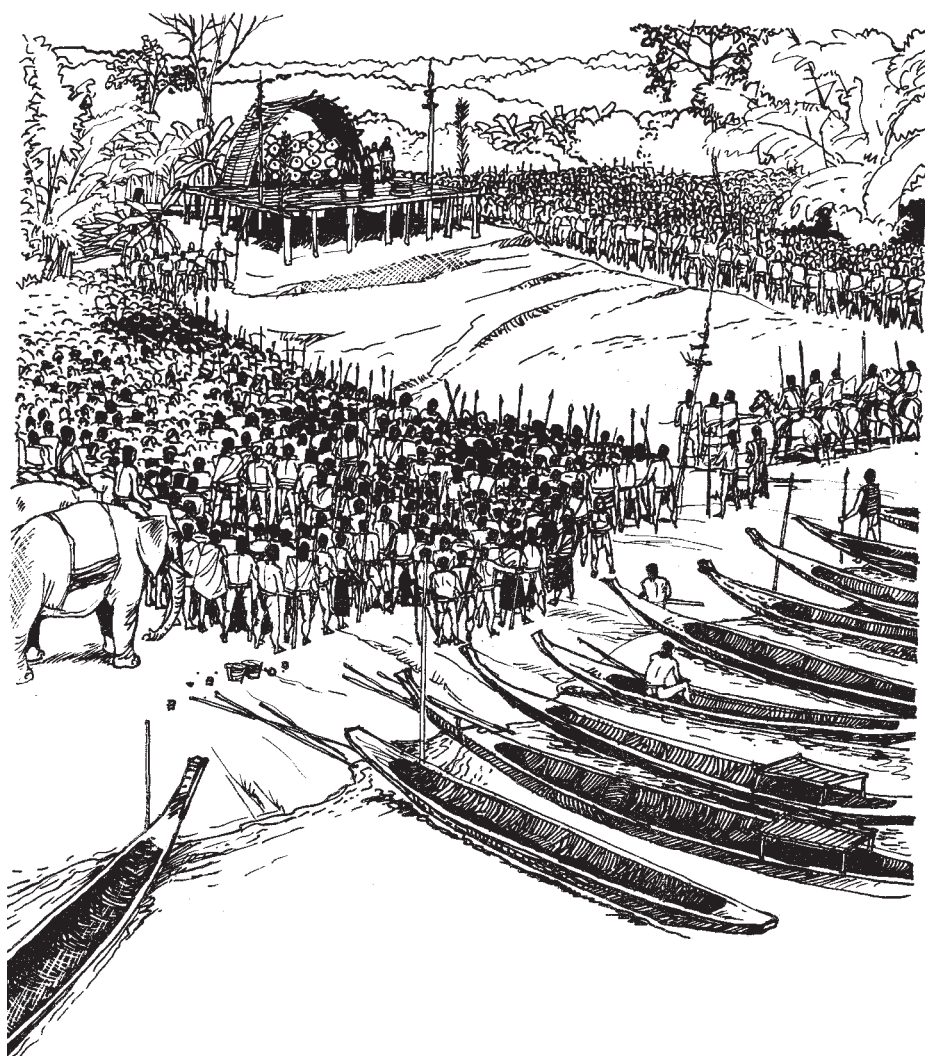




Ở phía nam, nghĩa quân của bà Chu Tước ở Miếu Môn (nay thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội) phối hợp với nghĩa quân của bà Trinh Thục ở Ngõ Xá (nay thuộc huyện Mỹ Đức, Hà Nội) nổi dậy chiếm các lý sở, đồn trại quân Hán trong vùng...

Chưa đầy một năm sau ngày phát cờ nghĩa, đã có tới hơn năm vạn người tham gia nghĩa quân (dân số quận Giao Chỉ lúc bấy giờ vào khoảng 740.000 người). Mê Linh là nơi tụ hội của các đạo nghĩa quân cùng nhau mưu nghiệp lớn.





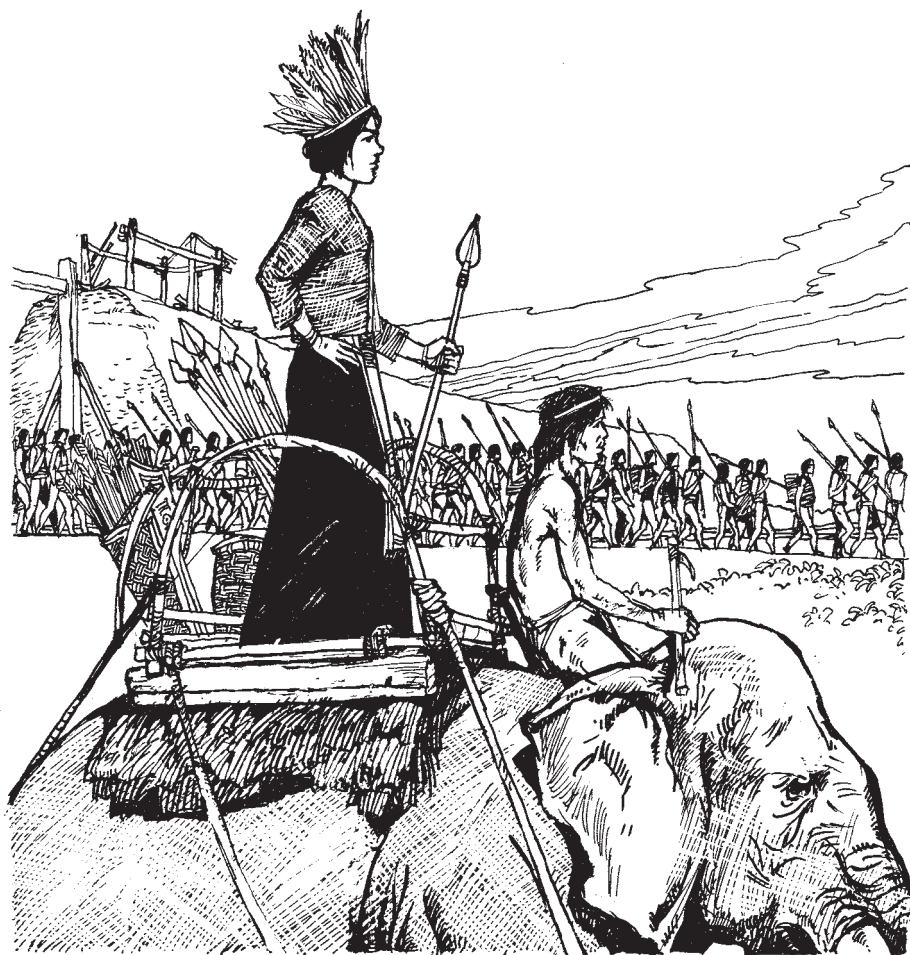
Ngày mùng 4 tháng 9^(*) năm Canh Tý (năm 40), tại cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Hà Nội), Hai Bà Trưng làm lễ tế cáo trời đất, ra quân giết giặc cứu nước.

^{*} Theo thần tích làng Hát Môn (huyện Phúc Thọ, Hà Nội).

Sau lễ tế cờ, Hai Bà Trưng dẫn quân thẳng đến huyện lỵ Mê Linh. Các tướng của Hai Bà cũng dẫn quân tấn công các huyện lỵ khác.



Bị tấn công bất ngờ, quân Hán ở Mê Linh lúng túng chống đỡ rồi chạy trốn. Nghĩa quân làm chủ huyện sở Giao Chỉ. Lấy được Mê Linh, Hai Bà Trưng kéo quân về thành Luy Lâu.



Thành Luy Lâu rất kiên cố. Trong thành, giặc dựng nhiều trại quân, tàu ngựa, kho lương, kho cỏ... Từ ngày được tin Hai Bà dấy nghĩa, giặc Hán tăng cường canh gác cả trên bộ lẫn dưới sông.

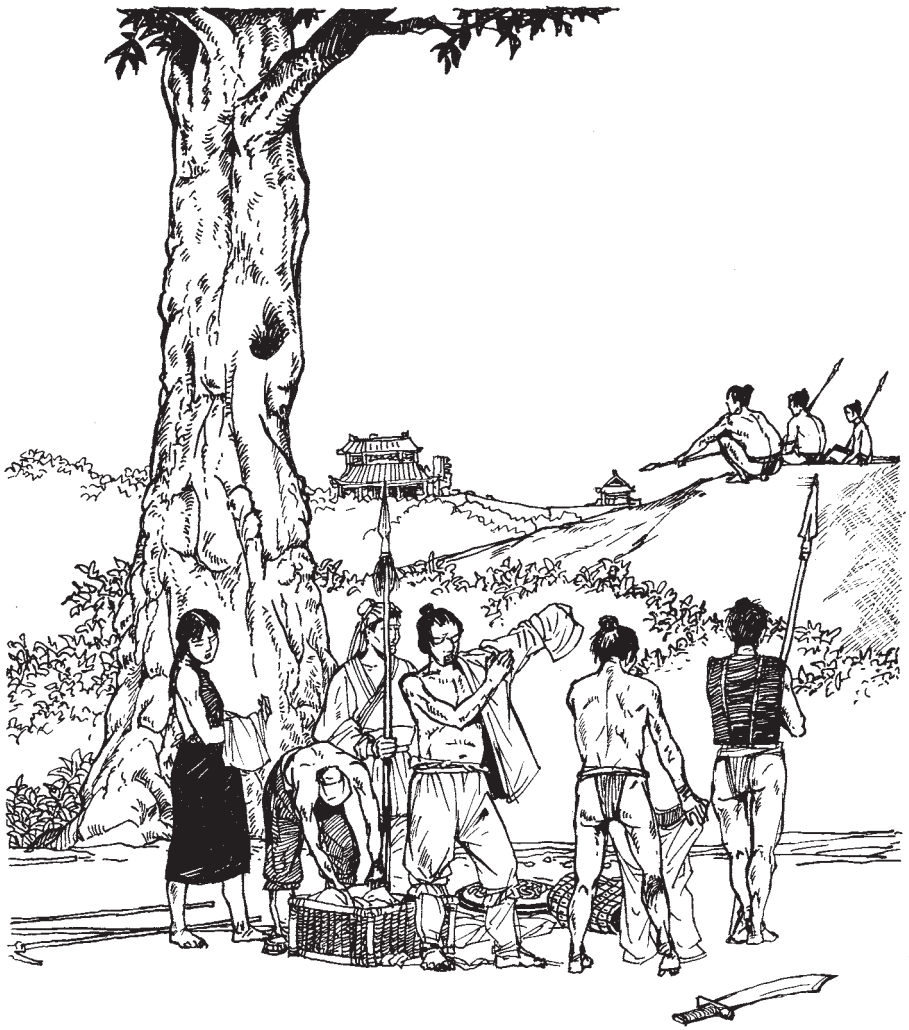




Trên đường tiến quân về Luy Lâu, nghĩa quân đã chiếm thành Cổ Loa (nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội), đánh tan lực lượng tiếp ứng cho thành Luy Lâu.

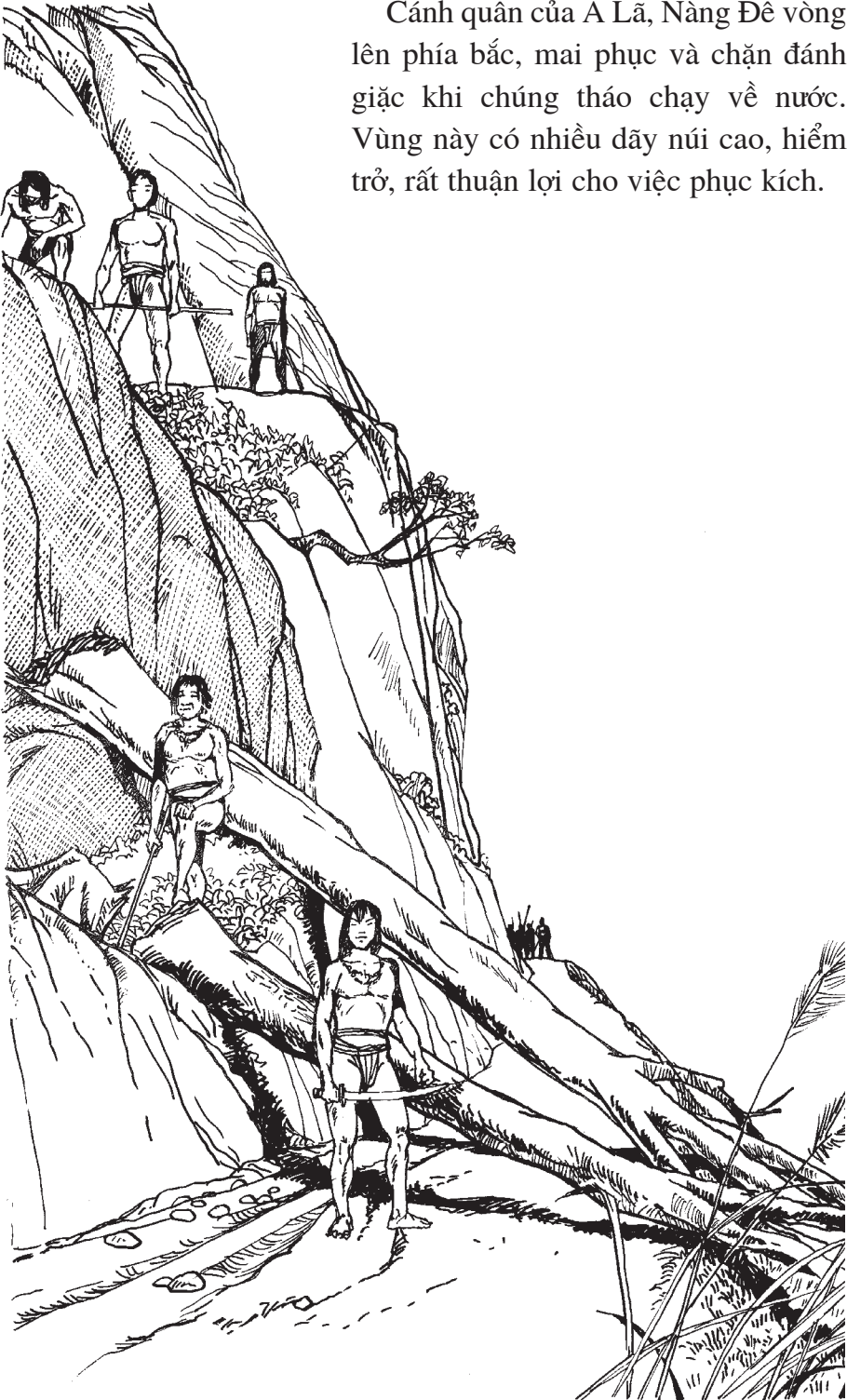


Từ Cổ Loa, Hai Bà chia quân làm nhiều cánh. Một cánh do tướng Sa Lương chỉ huy, dùng thuyền nhẹ ngược sông Đuống tiến vào sông Dâu, bí mật áp sát chân thành Luy Lâu.



Đội nữ binh của nữ tướng Phùng Thị Chính thì cải trang thành quân nhà Hán, trà trộn vào trong thành. Đội nghĩa binh này sẽ làm nội ứng khi quân Hai Bà tấn công thành Luy Lâu.

Cánh quân của Ả Lã, Nàng Đê vòng lên phía bắc, mai phục và chặn đánh giặc khi chúng tháo chạy về nước. Vùng này có nhiều dãy núi cao, hiểm trở, rất thuận lợi cho việc phục kích.



Nghĩa quân của Hai Bà Trưng ngày càng khít chặt vòng vây quanh thành Luy Lâu. Thái thú Tô Định đã mấy lần sai quân mở đường máu về Trung Quốc nhưng đều thất bại.



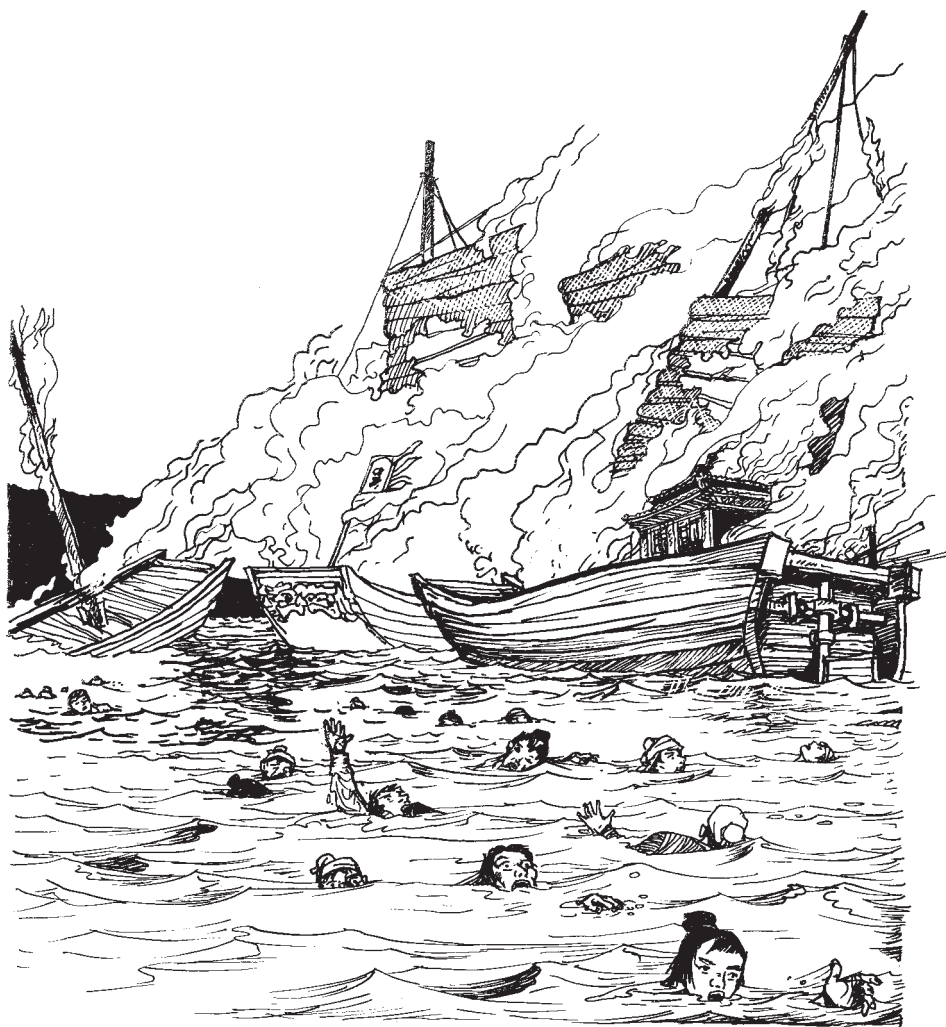
Khi Tô Định đang hoang mang, sợ hãi thì nghĩa quân công thành. Các kho lương, kho cỏ ngựa trong thành bất ngờ bốc cháy khiến quân Hán trở nên nhốn nháo, người ngựa dẫm đạp lên nhau tìm đường tháo chạy.





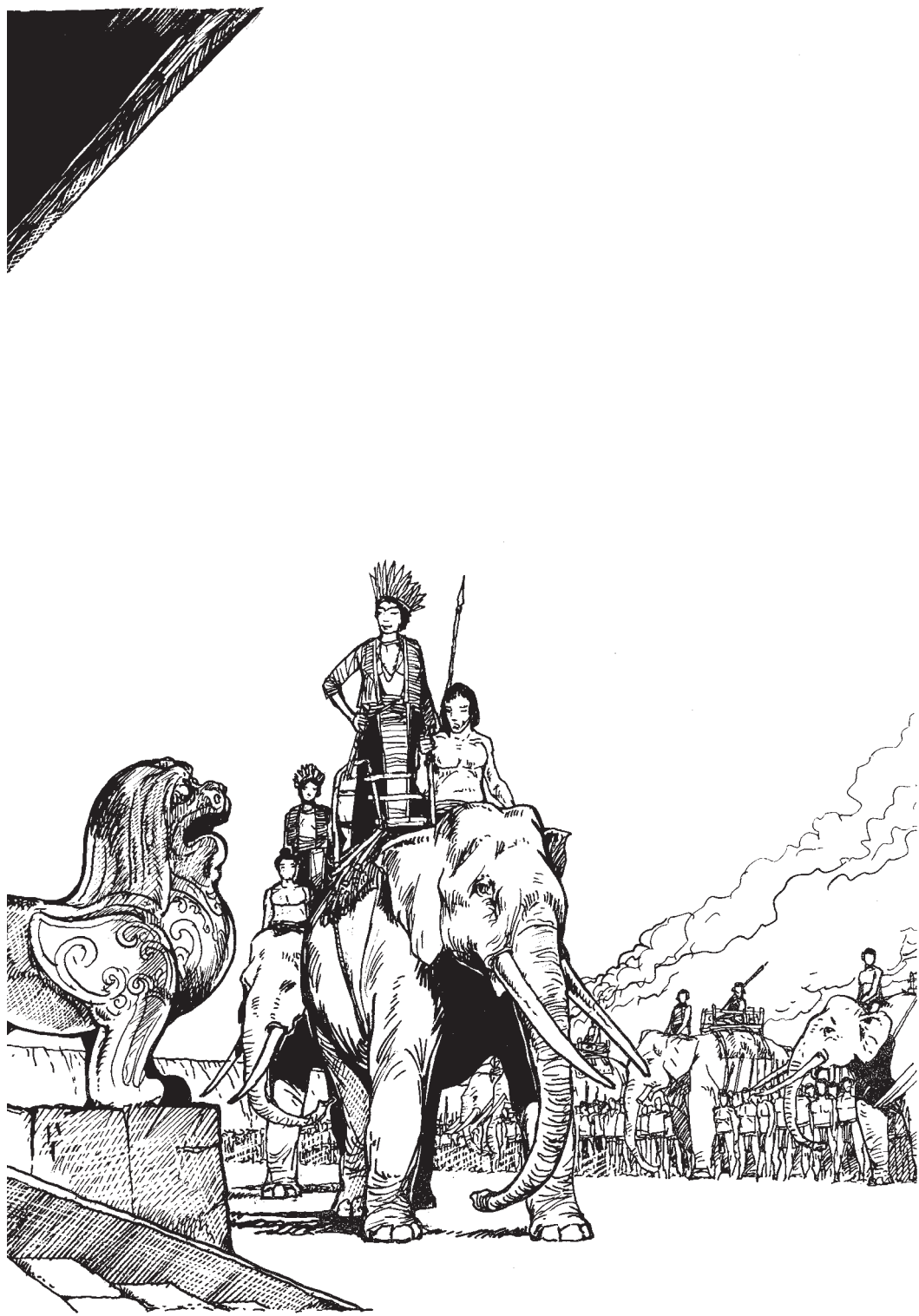
Tô Định vội vã cắt râu, bó tóc, thay đổi y phục rồi trốn khỏi dinh, lén nhanh vào đám loạn quân.

Giặc Hán chạy ra bến sông Dâu nhưng chiến thuyền đã bị đốt cháy. Giặc đành nhảy xuống nước, bơi sang bờ bên kia để chạy về phương bắc. Nước sông chảy xiết, cuốn trôi nhiều xác giặc.

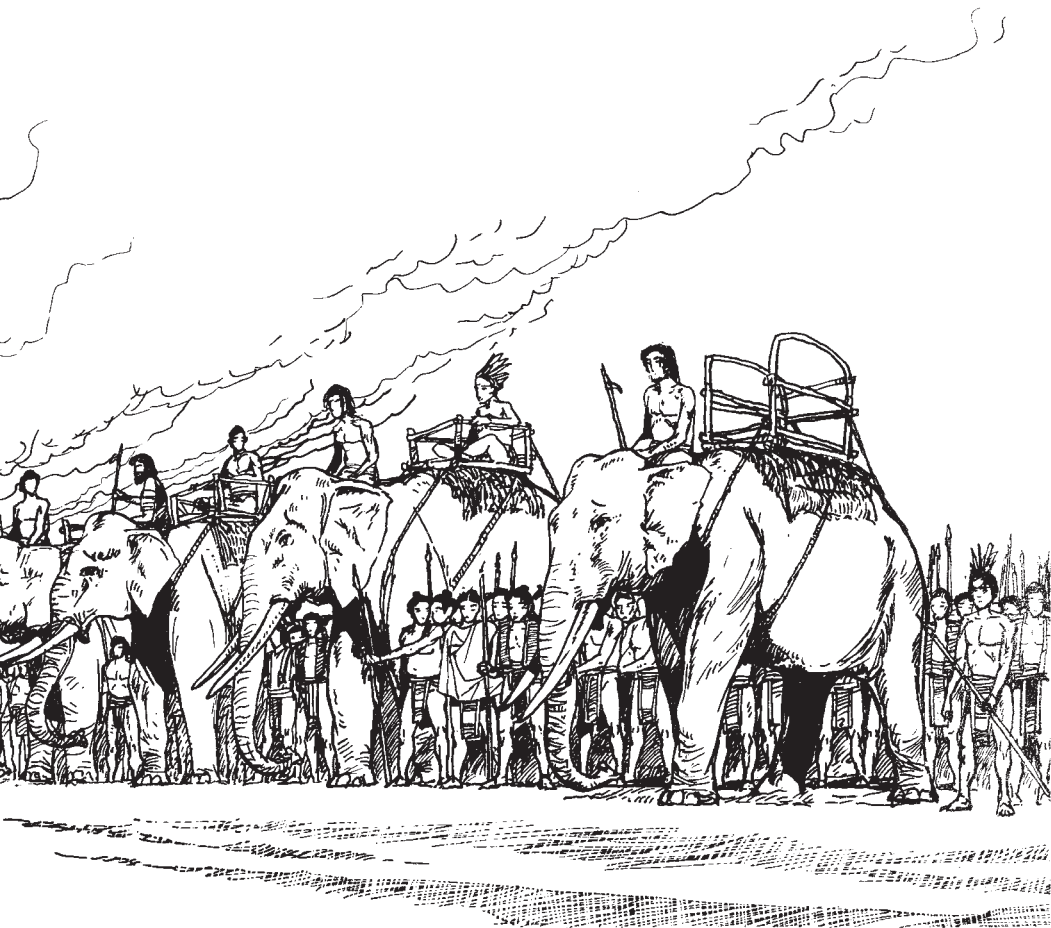




Đuổi được quân cướp nước,
Hai Bà Trưng vào thành vỗ an
dân chúng, tha đám tàn binh
nhà Hán về nước.



Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà đã đánh đuổi toàn bộ quan quân nhà Hán ra khỏi nước ta. *Đại Việt sử ký* chép rằng: “*Trung Trắc, Trưng Nhị... hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng*”.





Chỉ một tháng sau ngày phát cờ dấy nghĩa, Hai Bà Trưng đã đem lại quyền độc lập, tự chủ cho dân tộc. Nhân dân Âu Lạc suy tôn Trưng Trắc làm vua. Kinh đô đóng tại Mê Linh.

Lên ngôi, Trung vương ra lệnh miễn thuế cho toàn dân trong hai năm. Lệnh miễn thuế ban ra khiến trăm họ ai cũng vui mừng.



Sử cũ chép rằng Trung vương đã điều hành đất nước theo tập tục có từ thời các vua Hùng. Một số Lạc tướng lại tham gia chính quyền. Các phong tục của người Việt cổ như ăn ở, cưới xin, tang ma... được khôi phục. Vai trò của người phụ nữ trong xã hội lại được xem trọng.



Trung vương rất chú trọng phòng thủ đất nước. Theo các thần tích, thần phủ thì Hai Bà Trưng đã bố trí một tuyến phòng thủ vững chắc phía bắc do nữ tướng Thánh Thiên chỉ huy.

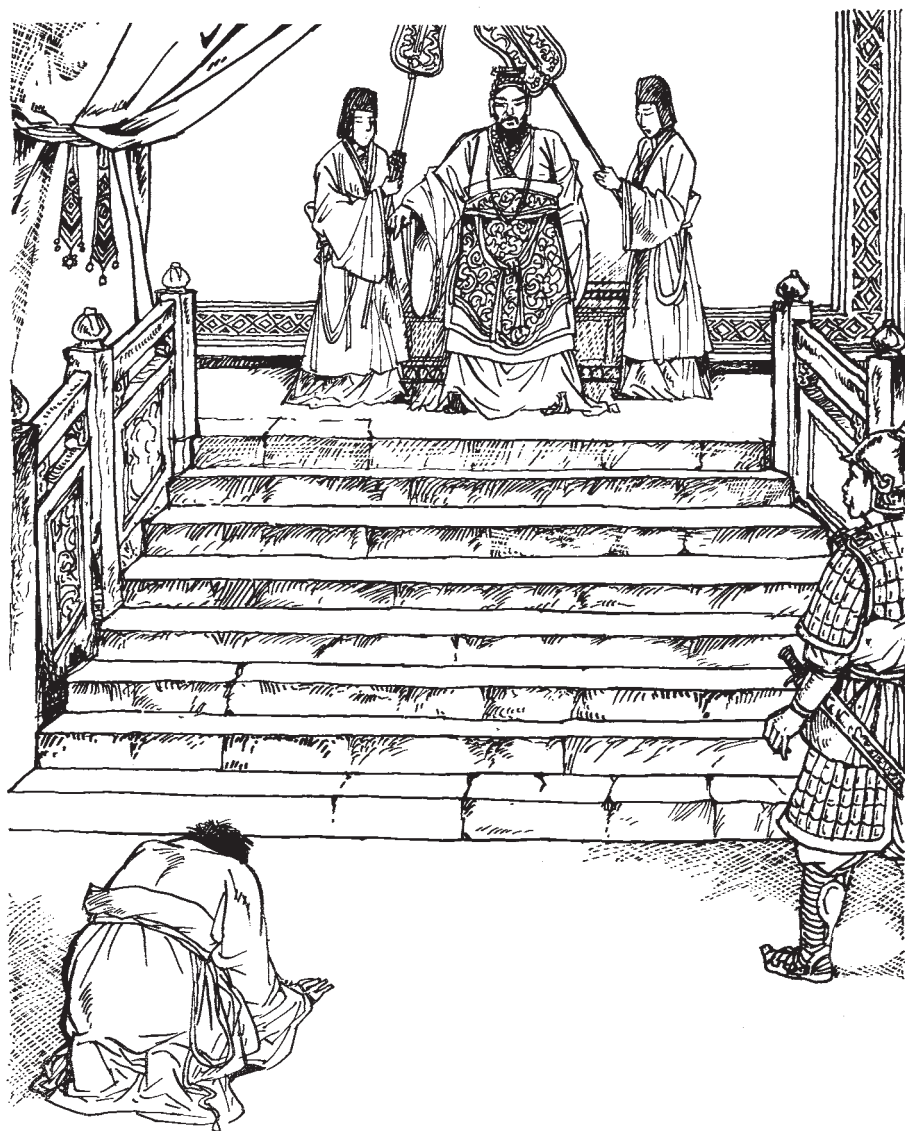


Tuyến phòng thủ ở phía đông, đông bắc do nữ tướng Lê Chân chỉ huy. Đạo quân này vừa khai khẩn đất hoang, vừa tuần tra, canh gác. Vùng đất Hải Phòng ngày nay là do quân lính của bà Lê Chân khai khẩn mà thành.





Đất nước thanh bình, ruộng Lạc lại theo nước triều lên xuống mà canh tác. Làng chạ vang tiếng dật cử quay tơ. Bên vò rượu cần, các bô lão kể chuyện Hai Bà Trưng dấy nghĩa...



Mất đất Giao Chỉ, triều đình nhà Hán rất tức giận. Lại thêm Tô Định thất thủ trốn về khiến vua nhà Hán là Lưu Tú càng thêm quyết tâm phục hận.



Dù đang phải đối phó nhiều cuộc nổi dậy trong nước nhưng vào năm Kiến Vũ thứ mười bảy (năm 41), vua Lưu Tú đã ra lệnh chuẩn bị lương thảo, vũ khí để đánh Giao Chỉ.

Tháng 12 năm Tân Sửu (41), vua Lưu Tú phong Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, Đoàn Chí làm Lâu Thuyền tướng quân... cầm đầu hai đạo quân thủy bộ tiến xuống phía nam. Khi Đoàn Chí bị bệnh chết, Mã Viện đã thống lĩnh toàn quân.

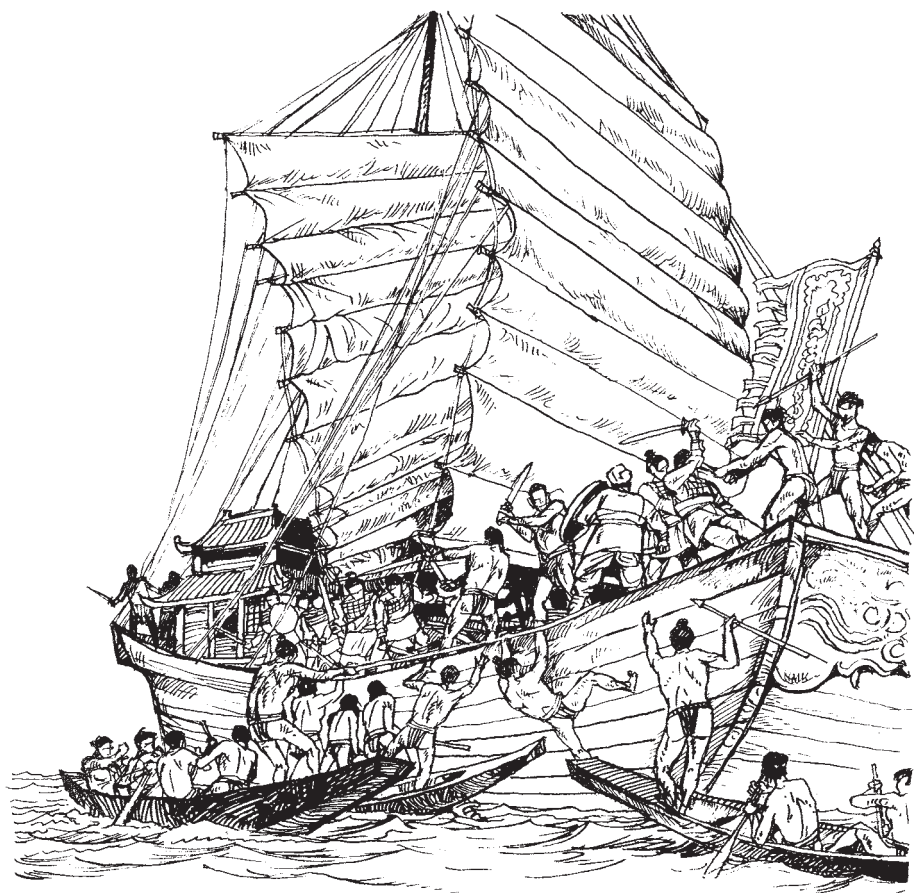




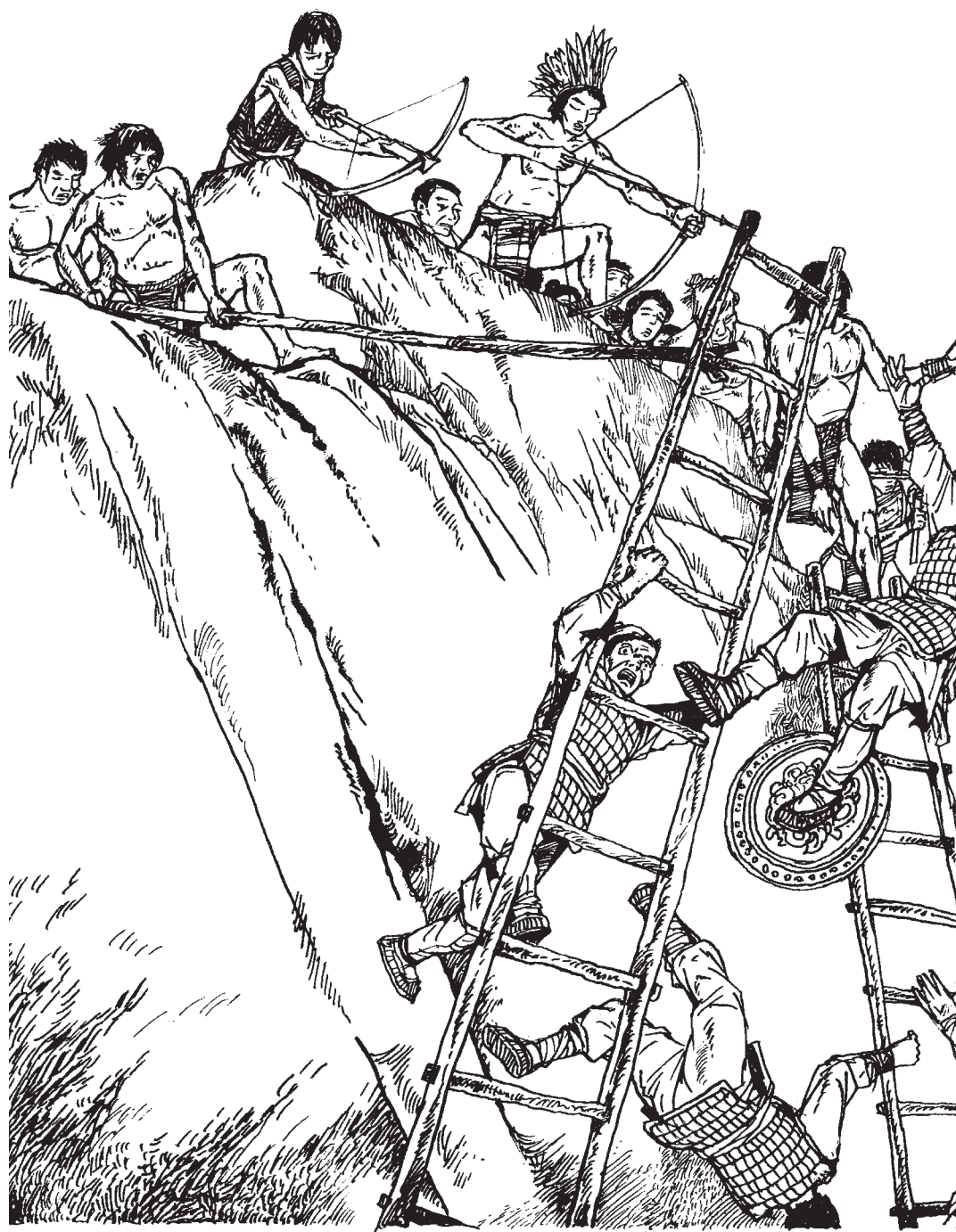
Giữa năm 42, hơn hai vạn quân nhà Hán từ Hợp Phố (Trung Quốc) tiến vào nước ta. Sách *Hậu Hán thư* chép: “*Quân Mã Viện men theo biển mà tiến, phát cây mở đường đi hơn nghìn dặm...*”.

Cánh quân phòng thủ phía bắc do bà Thánh Thiên chỉ huy đã mai phục ở những nơi hiểm yếu nhiều lần tập kích quân Hán. Những trận đánh này khiến đà tiến quân của giặc bị chững lại.



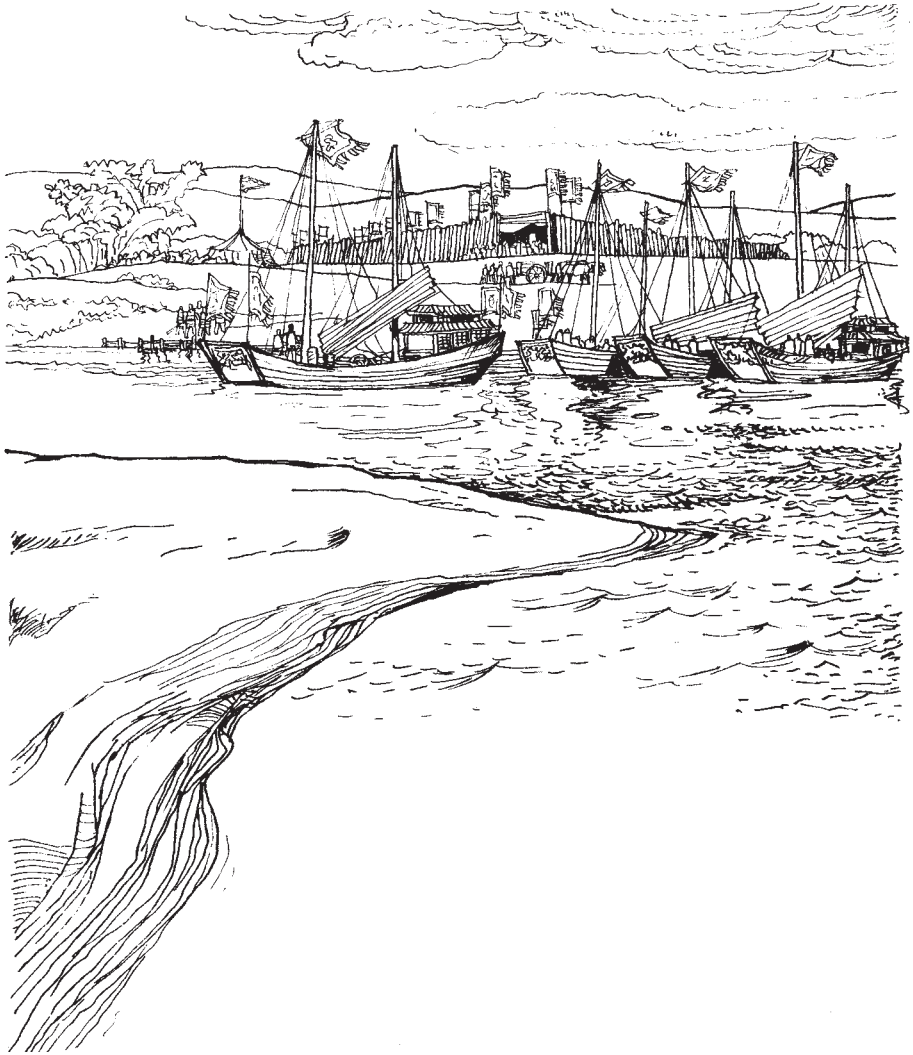


Trong khi đó, đoàn thủy quân của giặc bị quân của bà Lê Chân và Bát Nàn đánh trả quyết liệt. Sau mấy tháng tiến quân, hai cánh quân thủy bộ của Mã Viện mới gặp được nhau.



Hai Bà Trưng dàn quân chặn đánh giặc ở Cổ Loa. Quân Hán công thành nhưng bị đánh bật trở ra. Dân binh các làng xung quanh cũng ra sức chiến đấu bảo vệ thành khiến quân Hán thiệt mạng rất nhiều.





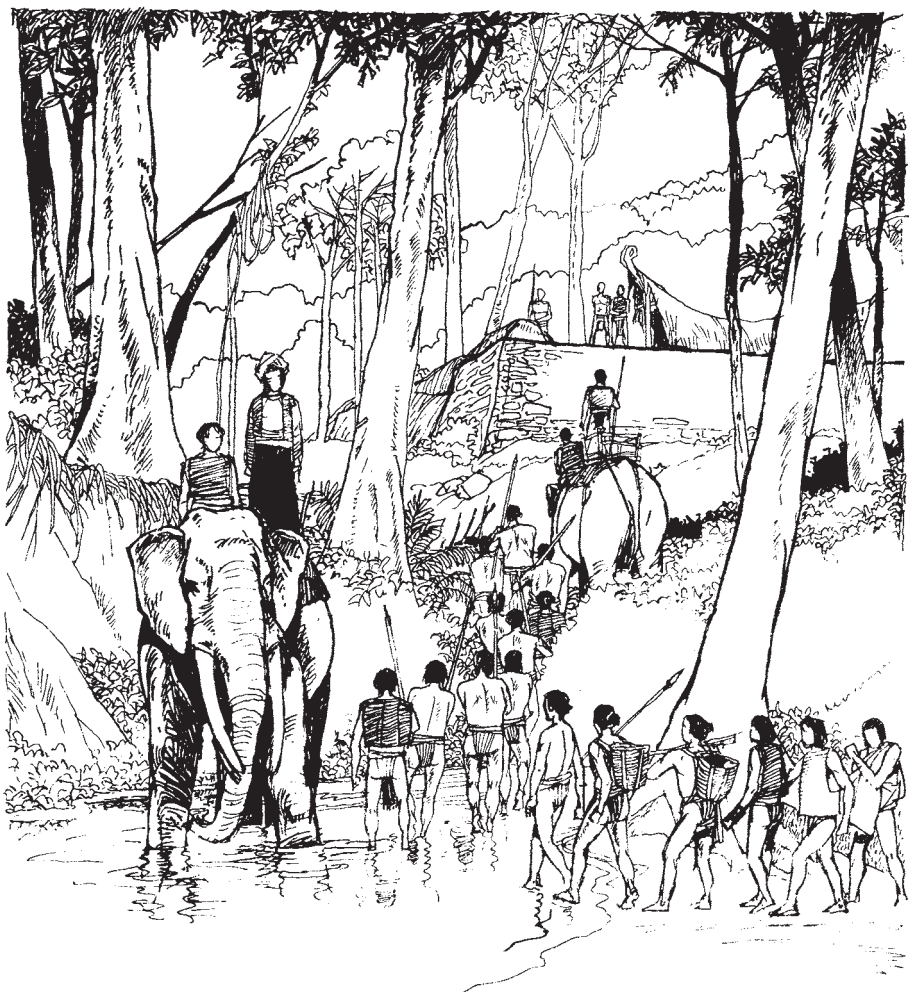
Không hạ được thành Cổ Loa, Mã Viện kéo quân về Lãng Bạc (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Đây là vùng gò đồi, xung quanh lại có đồng trũng, hồ sâu, có thể xây dựng thành một căn cứ quân sự. Biết không thể chiếm Mê Linh ngay được, Mã Viện quyết định ém quân, chờ thời cơ.

Lúc này đã vào hè, khí trời nóng bức, quân nhà Hán thường xuyên ốm đau, lại bị nghĩa quân Hai Bà liên tục tập kích nên tinh thần giặc rất sa sút.



Một thời gian sau, Hai Bà Trưng dẫn quân đánh vào Lãng Bạc, tiêu diệt được nhiều quân Hán nhưng vì chưa quen cách đánh dàn trận nên không thể thắng được Mã Viện. Hai Bà đành phải rút quân về Cẩm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, Hà Nội).





Cắm Khê là một thung lũng hiểm trở, có đồi núi, sông suối bao quanh, có nhiều ngã đường nối với vùng đồng bằng lại nằm cạnh cứ địa Mê Linh. Nghĩa quân ngày đêm xây dựng nơi đây thành căn cứ kháng chiến.

Mã Viện nhiều lần đem quân vào
Cầm Khê nhưng không đánh bại được
nghĩa quân. Biết kéo dài cuộc chiến sẽ
gặp nhiều bất lợi, Mã Viện cho người
về nước xin thêm viện binh.



Giữa năm 43, Mã Viện bao vây căn cứ Cầm Khê. Trong một trận đánh vào ngày 8 tháng 3 năm Quý Mão (43), liệu thế không địch nổi quân Hán, lại không để mình sa vào tay giặc, Hai Bà đã nhảy xuống sông Hát tự vẫn.



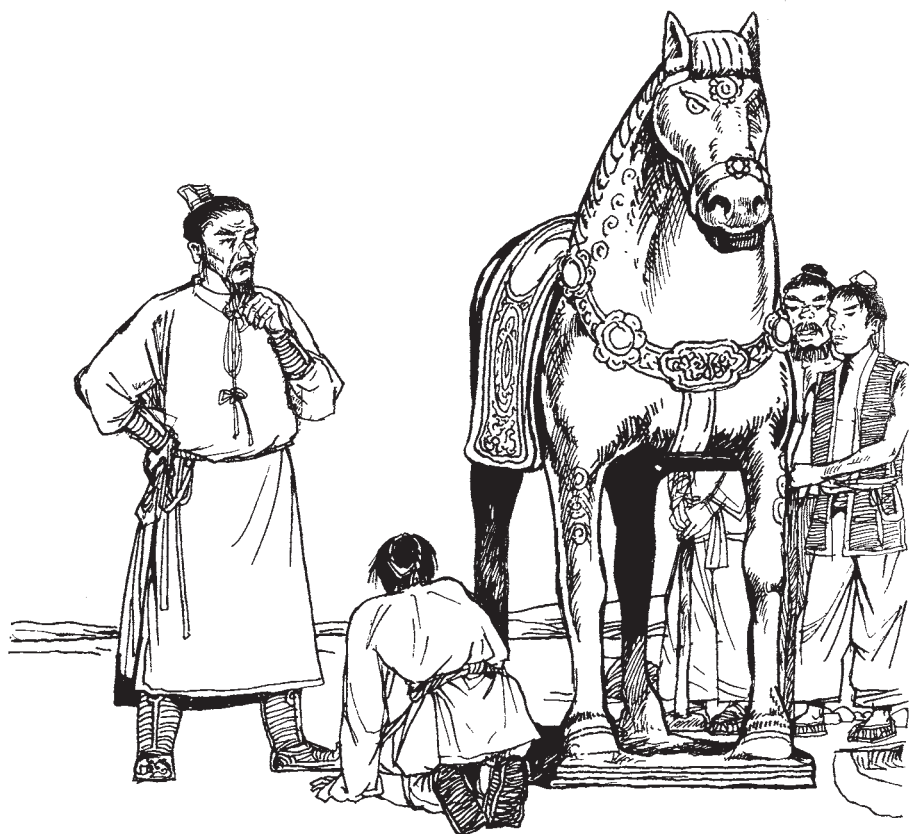
Văng Hai Bà nhưng nghĩa quân vẫn giữ đất Cẩm Khê được một thời gian nữa. Một số tướng lĩnh của Hai Bà rút vào Cửu Chân (Thanh Hóa) tiếp tục đánh giặc.



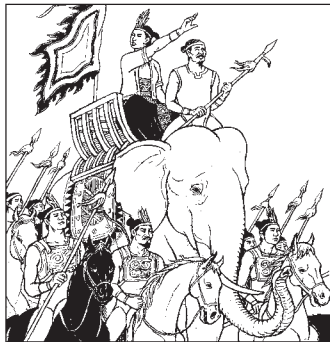


Tháng 10 năm ấy, Mã Viện tiến vào đất Cửu Chân. Quân giặc đi đến đâu triệt hạ làng xóm, giết hại dân thường đến đây.

Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân về nước. Sách *Hậu Hán thư* chép: “*Quân đi mười phần, quân về chỉ còn bốn năm phần...*”. Sau khi đánh bại cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Mã Viện cho nấu chảy toàn bộ số trống đồng thu được, đúc thành con ngựa đồng dâng lên vua Hán với ngụ ý đã xóa được bỏ văn hóa Âu Lạc.



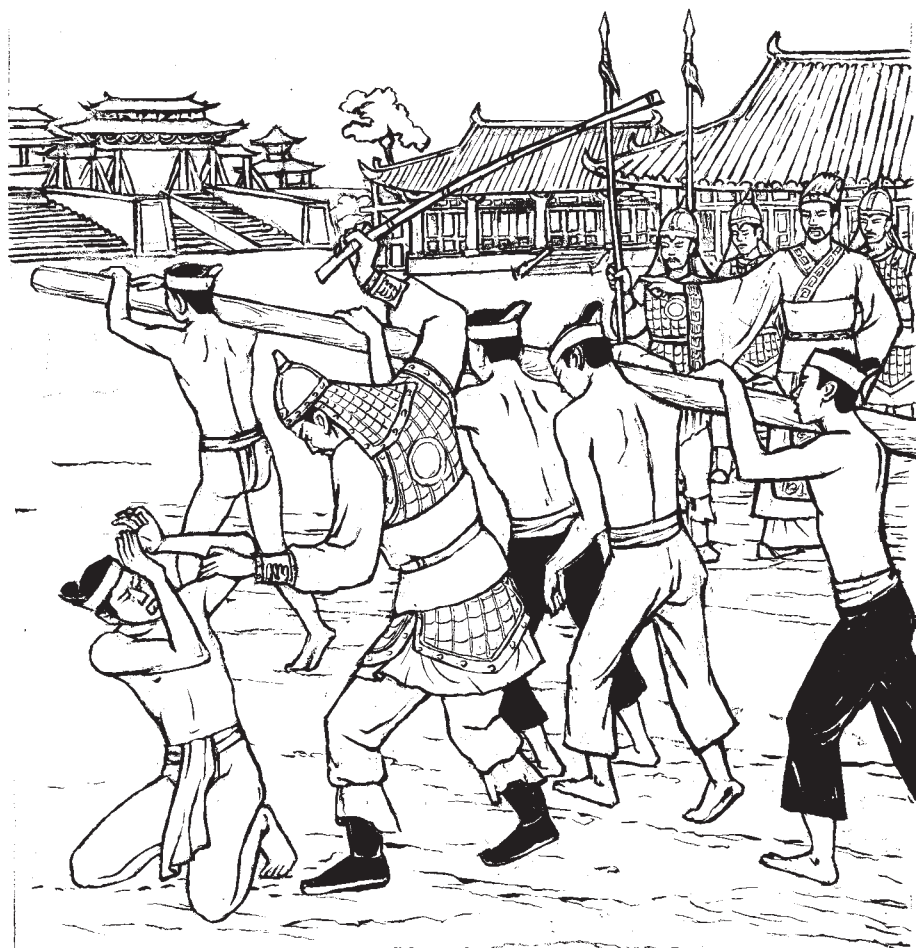
BÀ TRIỆU





Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, nước ta lại rơi vào tay giặc đô hộ phương Bắc. Đầu thế kỉ thứ III, nước ta bị Đông Ngô đô hộ. Bọn quan lại nhà Ngô ra sức vơ vét của cải, ức hiếp dân lành, bắt trai tráng Việt đi lính.

Giặc Ngô đã bắt hàng nghìn thợ giỏi của nước ta về Nam Kinh xây kinh đô Kiến Nghiệp. Họ phải làm việc đến kiệt sức và chết ở công trường.



Bọn cai trị bắt dân ta lên rừng xuống biển tìm sản vật quý. Nhiều người đã bỏ mạng nơi rừng sâu biển cả.



Không chịu nổi cảnh bạo ngược ấy, một người con gái đất Cửu Chân đã phát cờ dấy nghĩa, được đông đảo người dân hưởng ứng.







Người con gái ấy là Bà Triệu (còn được gọi là Triệu Trinh Nương hay Triệu Thị Trinh). Theo truyền thuyết, Triệu Trinh Nương sinh ngày mùng 2 tháng 10 âm lịch năm 229 tại núi Quân Yên (xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày nay).

Cha của Triệu Trinh Nương là
hào trưởng được người dân trong
vùng hết sức kính trọng, tin tưởng.



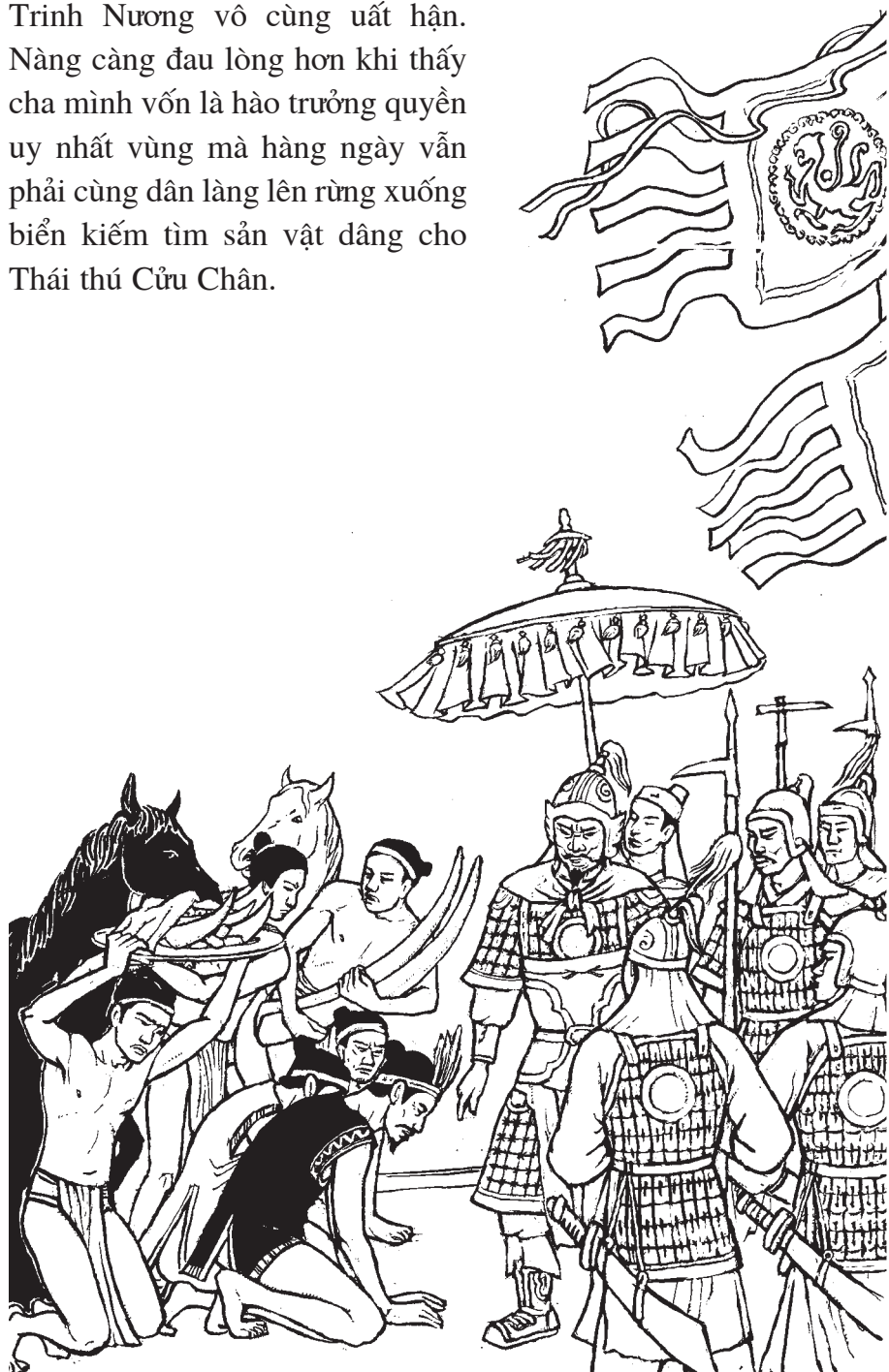


Triệu Thị Trinh và anh là Triệu Quốc Đạt được cha cho học cả văn lẫn võ. Triệu Thị Trinh tuy là con gái nhưng thích học võ hơn học văn. Nàng thường rủ rê bạn bè cùng trang lứa bày trò đánh trận giả.



Càng lớn Triệu Trinh Nương càng giỏi võ. Trong những cuộc tỉ thí với trai tráng quanh vùng, Trinh Nương thường là người giành chiến thắng.

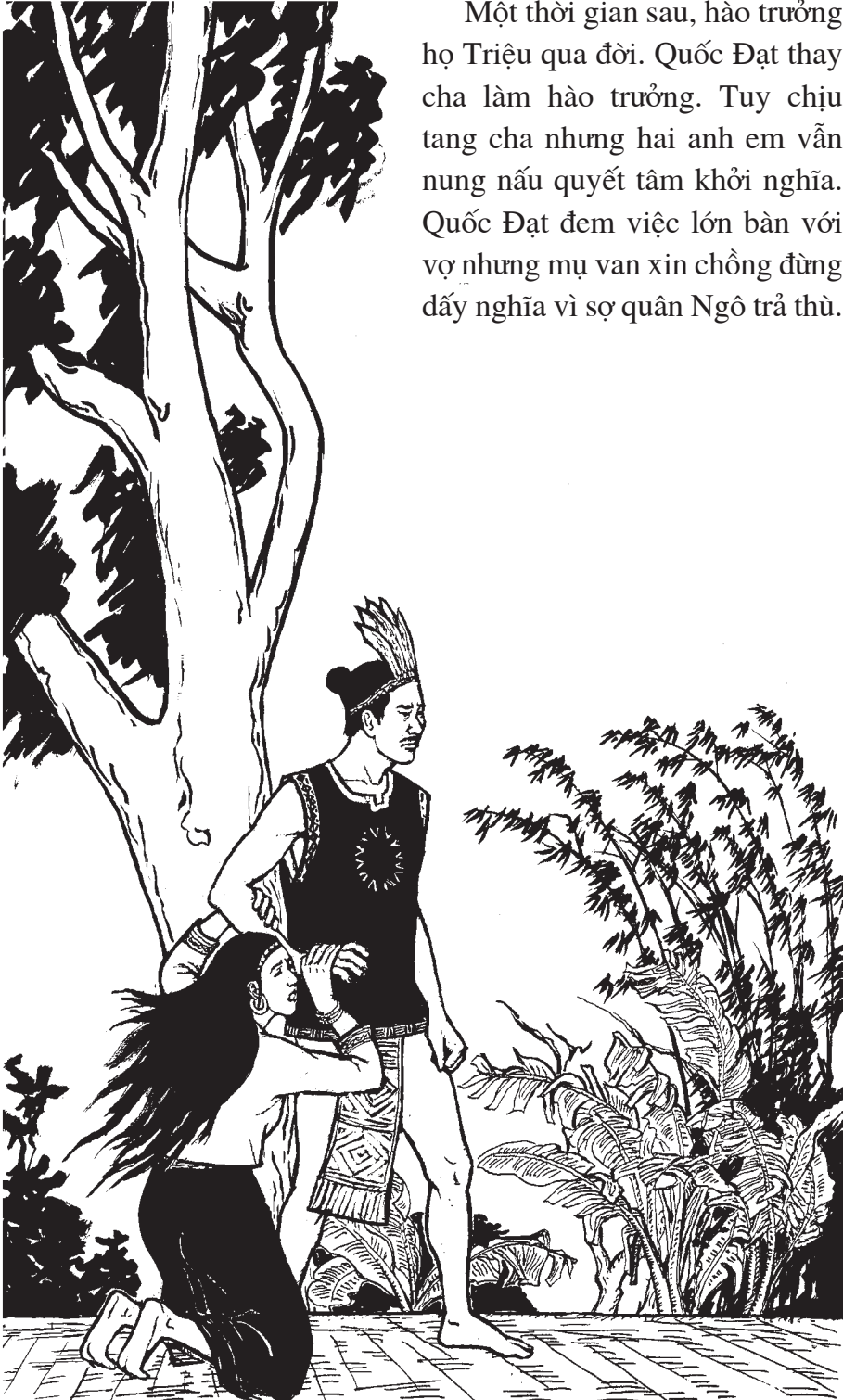
Lớn lên, chứng kiến cảnh người dân bị bắt đi phu, đi dịch, Triệu Trinh Nương vô cùng uất hận. Nàng càng đau lòng hơn khi thấy cha mình vốn là hào trưởng quyền uy nhất vùng mà hàng ngày vẫn phải cùng dân làng lên rừng xuống biển kiếm tìm sản vật dâng cho Thái thú Cửu Chân.



Từ đó, Triệu Thị Trinh quyết noi gương Hai Bà Trưng đánh đuổi quân xâm lược. Biết ý chí của con, hào trưởng họ Triệu bàn với Quốc Đạt và Trinh Nương phải lo tích trữ lương thảo, chiêu mộ hào kiệt và chờ đợi thời cơ.



Một thời gian sau, hào trưởng họ Triệu qua đời. Quốc Đạt thay cha làm hào trưởng. Tuy chịu tang cha nhưng hai anh em vẫn nung nấu quyết tâm khởi nghĩa. Quốc Đạt đem việc lớn bàn với vợ nhưng vợ van xin chồng đừng dấy nghĩa vì sợ quân Ngô trả thù.



Từ đó, Quốc Đạt không bàn việc khởi nghĩa với vợ nữa. Quốc Đạt bảo Trinh Nương nên về quê mẹ ở núi Tùng tập hợp hào kiệt tích trữ lương thảo, chờ đợi thời cơ...



Gần núi Tùng có một thung lũng nhỏ nằm giữa hai dãy núi đá vôi thấp là núi Châu Lộc ở phía bắc và núi Tam Đa ở phía nam. Dưới chân núi Châu Lộc là sông Lèn, dưới chân núi Tam Đa là sông Âu. Từ thung lũng này có thể ngược lên miền núi, xuôi xuống đồng bằng. Đây là thế đất hiểm yếu, có thể xây dựng căn cứ.





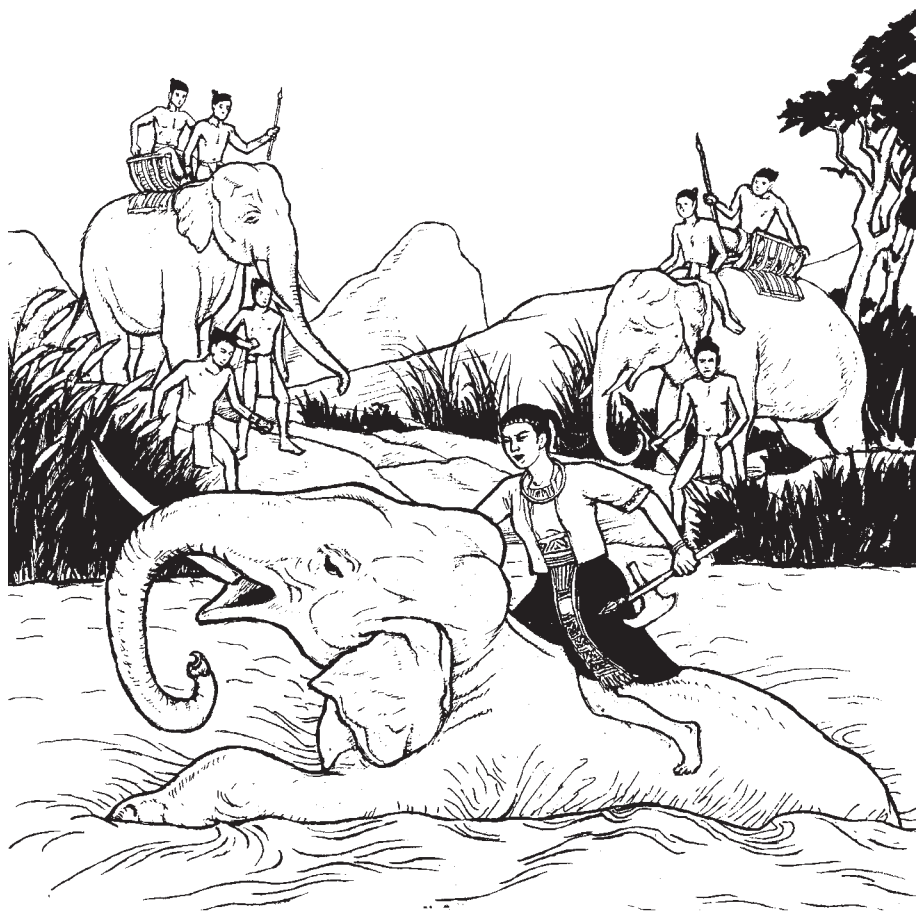


Anh em họ Triệu bán bớt của cải trong nhà để mua sắm khí giới, lương thảo. Từ đấy, ở núi Tùng và núi Quân Yên xuất hiện những đạo quân giả làm phường săn hàng ngày vào rừng luyện tập võ nghệ, binh thư.

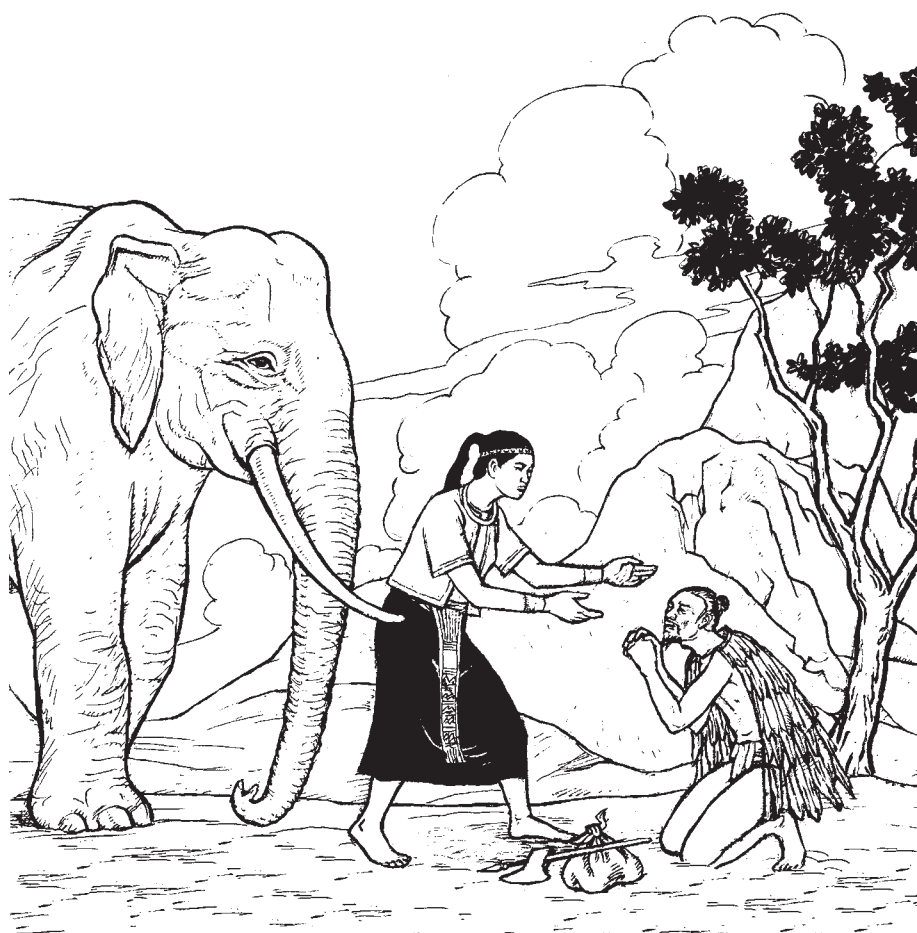
Trong khi ấy, Triệu Quốc Đạt cho người mang quà quý đến tặng bọn quan lại nhà Ngô tỏ thái độ thuận phục khiến chúng không nghi ngờ.



Tương truyền, ở núi Tùng có một con voi trắng một ngà dữ tợn. Triệu Thị Trinh quyết bắt con voi này trừ họa. Nàng dùng nhiều voi nhà lừa voi một ngà xuống đầm lầy rồi nhảy lên đầu voi lúc cứng rắn lúc vỗ về. Cuối cùng, con voi dữ cũng chịu khuất phục.



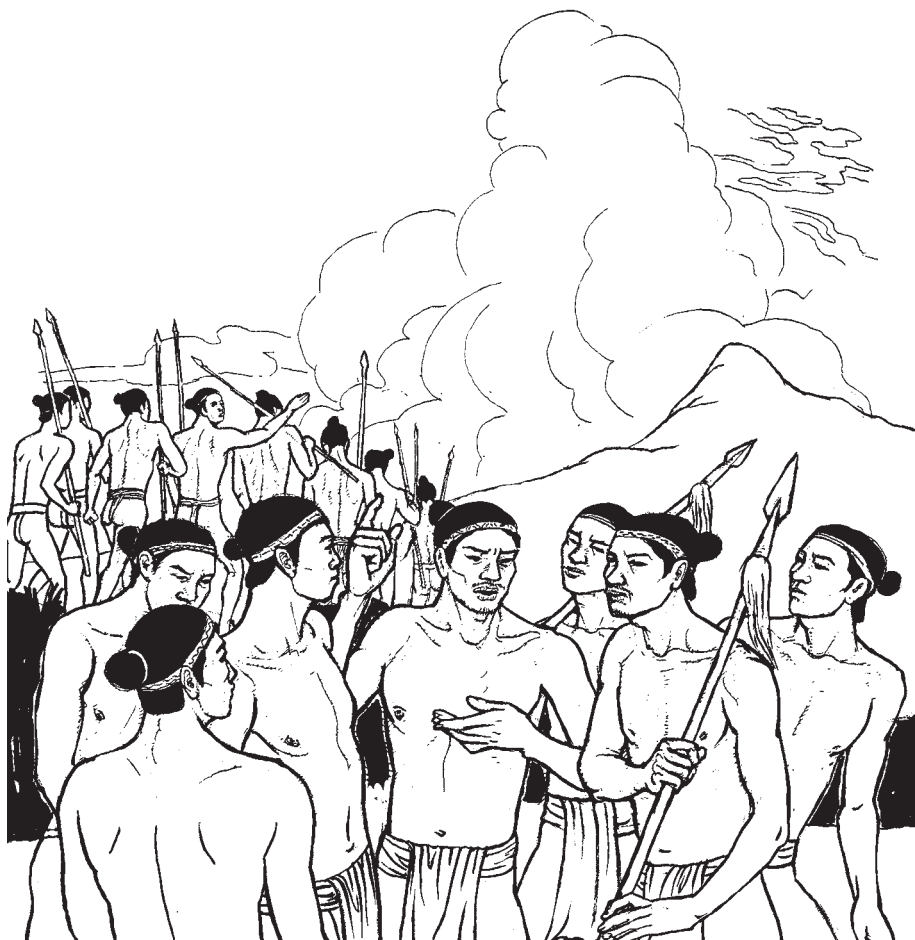
Có một lão nài voi giàu kinh nghiệm nghe tin Triệu Trinh Nương thu phục được voi một ngày bèn tìm về núi Tùng, xin làm nài voi cho Trinh Nương.



Triệu Trinh Nương sai người đọc núi Quân Yên rồi ban đêm
chui vào đó đọc lớn bài đồng dao:

*“Có Bà Triệu tướng
Vâng lệnh trời ra
Trị voi một ngà
Dựng cò mở nước
Lệnh truyền sau trước
Theo gót Bà vương.”*

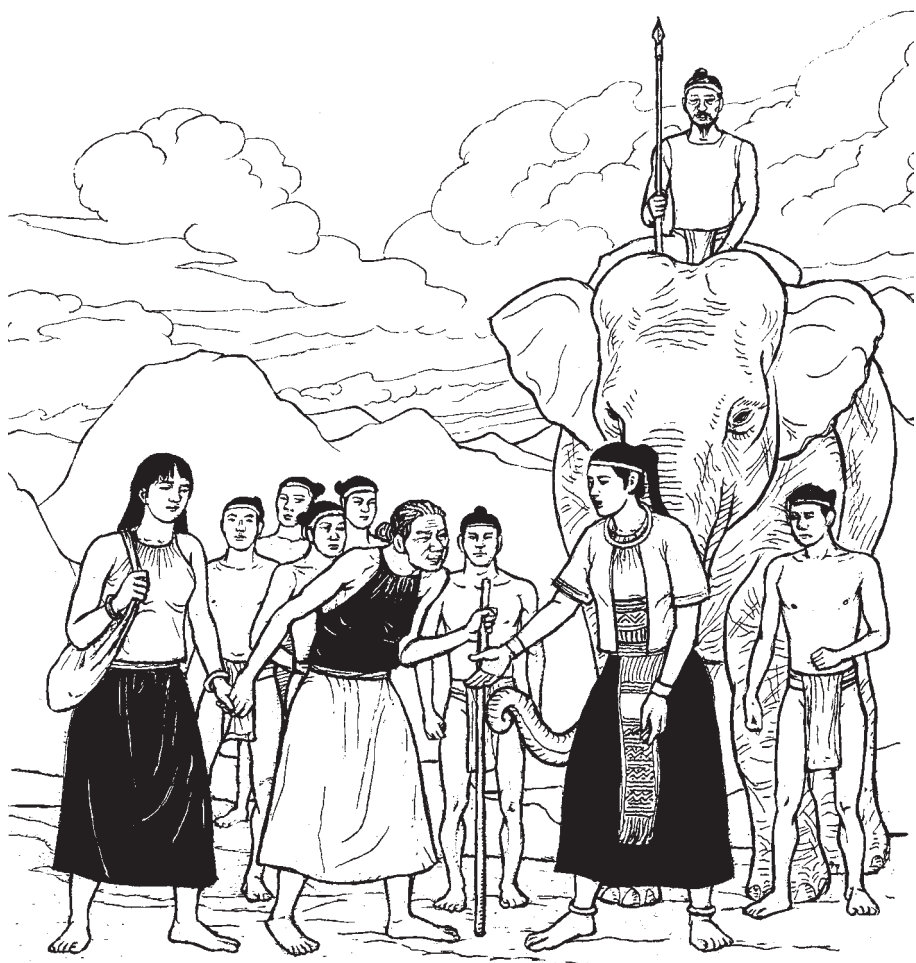
Dân trong vùng tin rằng Triệu Trinh Nương là “thiên tướng”
nên nô nức gia nhập nghĩa quân.

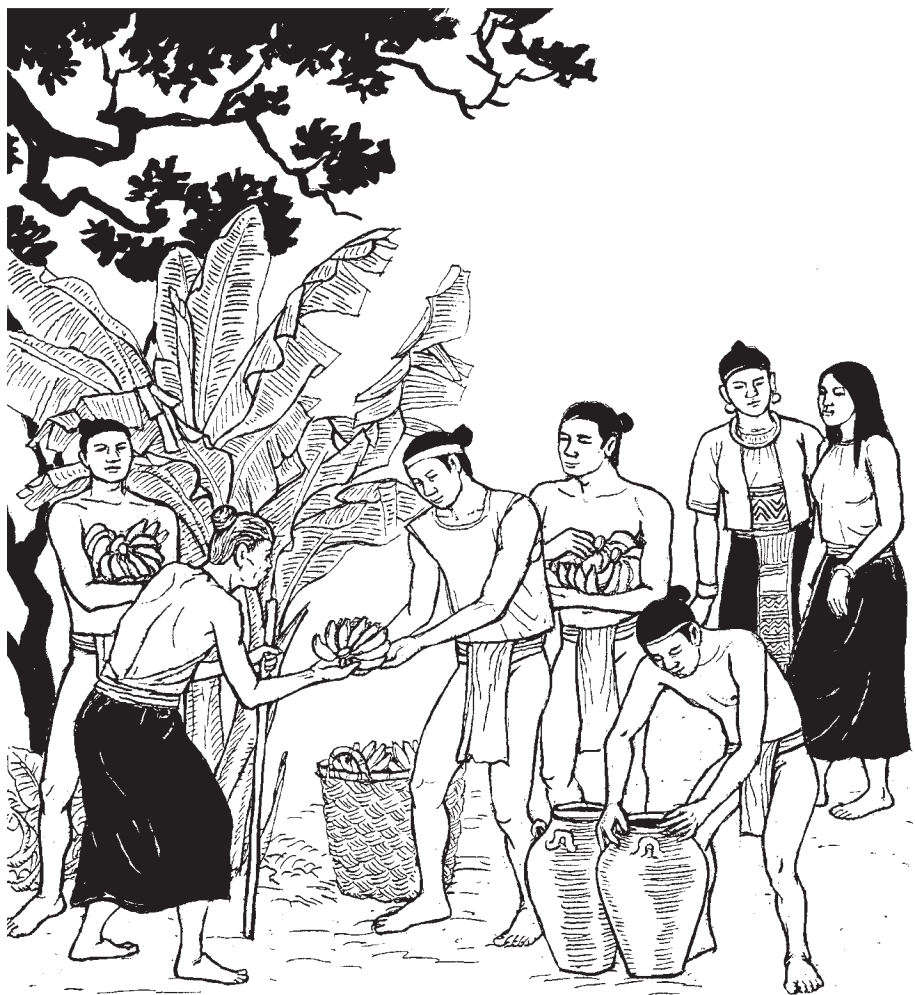


Ở vùng đầu nguồn sông Mã, có ba anh em họ Lý, là tộc trưởng một bộ tộc ít người. Người anh cả có tài bắn cung, người thứ hai có tài phóng lao, người thứ ba có tài múa rìu. Nghe tin Triệu Trinh Nương chuẩn bị dựng cờ dấy nghĩa, họ bèn dẫn cả bộ tộc đến xin gia nhập nghĩa quân.



Tương truyền có một ông già mù tự nguyện đi khắp nơi kêu gọi mọi người hãy gia nhập nghĩa quân. Lại có cụ già chặn đoàn quân lại, xin Triệu Trinh Nương cho người con gái duy nhất của mình được tòng quân giết giặc.





Lại có bà cụ bán nước, khi đoàn quân đi qua, đã tặng cả chõng chuối lẫn chum nước chè xanh cho nghĩa quân. Nghĩa cử đó là nguồn động viên rất lớn với nghĩa quân Triệu Trinh Nương.

Thời đó, sông Mã có một nhánh chảy từ đầm Hàn về cửa Lạch Trường. Giặc Ngô đóng quân ở ngã ba sông. Một chàng trai đã đột nhập doanh trại giặc, trộm ngựa chiến và về với nghĩa quân.



Những việc làm của anh em Triệu Quốc Đạt đến tai giặc. Thái thú Cửu Chân lo sợ, phái một trên ngục quan có họ hàng với vợ của Triệu Quốc Đạt đi do thám tình hình.



Tên ngụy quan tìm đến vợ Triệu Quốc Đạt. Mụ bày kế: “Về tâu Thái thú, một mặt bắt Quốc Đạt cống nhiều vật quý, mặt khác vỗ về rằng nếu chịu gả Thị Trinh thì sẽ không phải nộp cống vật, lại còn được trọng dụng”.





Tên ngục quan về thừa với Thái thú, cả hai chắc mẩm phen này sẽ chia rẽ được anh em Triệu Quốc Đạt, đập tan cuộc khởi nghĩa và vơ vét được nhiều cống vật.

Hôm sau, tên Thái thú cho gọi Quốc Đạt đến quận đường và bắt ông phải nộp thật nhiều cống vật. Nếu hào trưởng họ Triệu không nộp đủ thì sẽ bị bắt, nhưng nếu chịu gả em gái Triệu Thị Trinh cho viên ngự quan của y thì sẽ được tha.





Quốc Đạt biết em mình không chịu làm vợ người hèn kém, nhưng nếu không gả Triệu Trinh Nương cho giặc thì cuộc khởi nghĩa sẽ bị dập tắt. Không biết tính sao, Quốc Đạt bèn bàn bạc với Thị Trinh.

Nghe Quốc Đạt nói xong, Triệu Trinh Nương vụt đứng dậy, khẳng khái đáp: “Tôi chỉ muốn cưới con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi giặc nước, giành lại giang san chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người”.



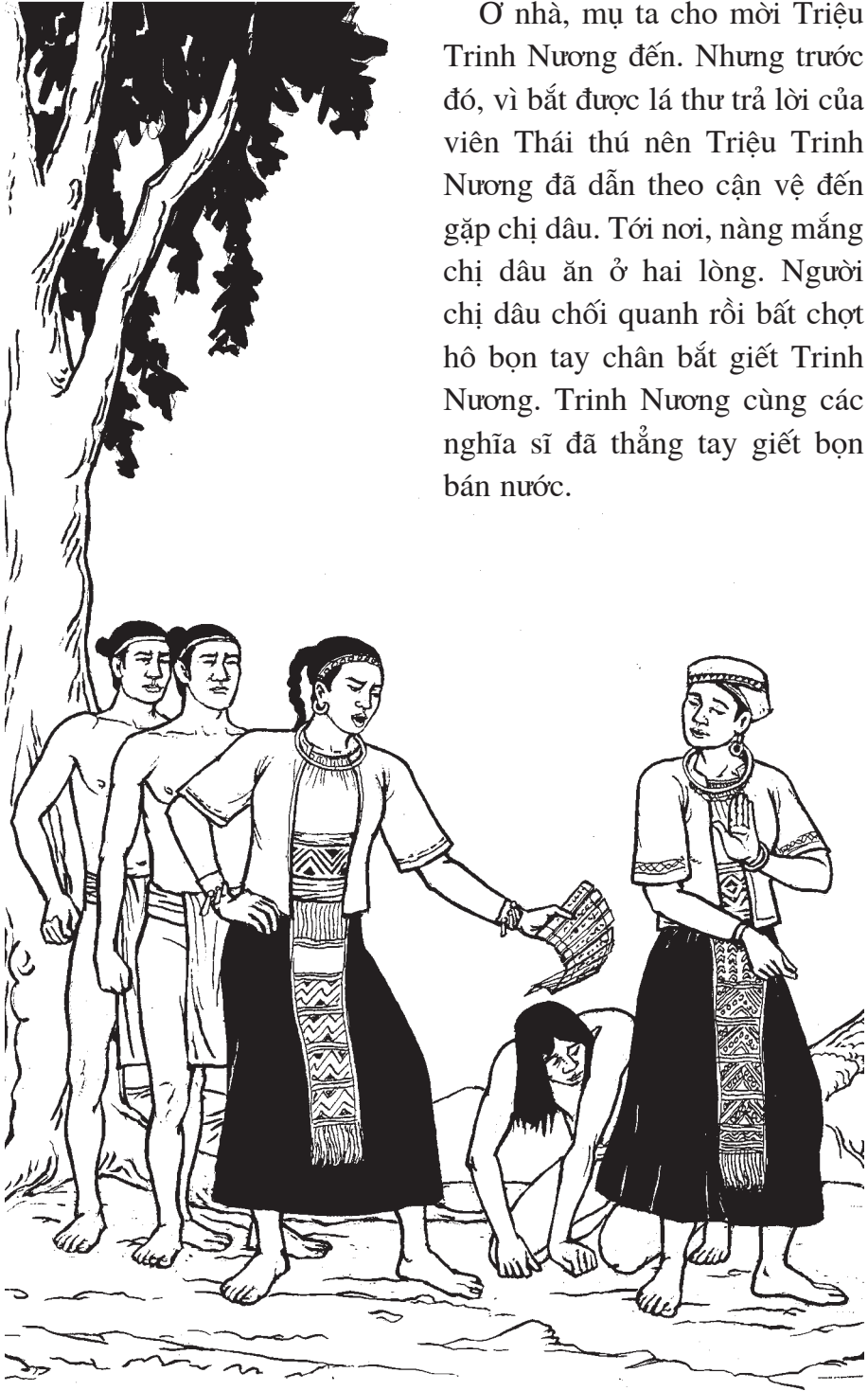
Biết không thể trì hoãn, hai anh em cho người đến gặp tên Thái thú khôn khéo từ chối cuộc hôn nhân, mặt khác gấp rút chuẩn bị phát cờ khởi nghĩa.





Vợ Quốc Đạt lại bày mưu cho viên Thái thú mời Quốc Đạt lên huyện đường, để ở nhà mụ cùng tên ngục quan bắt Triệu Thị Trinh. Nhận được lệnh phải lên huyện đường, Quốc Đạt không muốn đi nhưng vợ Quốc Đạt khuyên chồng nên đến huyện đường xin giảm sưu thuế cho dân được nhờ. Quốc Đạt xuôi lòng, chỉ mang theo vài vệt sĩ đề phòng bắt trặc.

Ở nhà, mẹ ta cho mời Triệu Trinh Nương đến. Nhưng trước đó, vì bắt được lá thư trả lời của viên Thái thú nên Triệu Trinh Nương đã dẫn theo cận vệ đến gặp chị dâu. Tới nơi, nàng mắng chị dâu ăn ở hai lòng. Người chị dâu chối quanh rồi bất chợt hô bọn tay chân bắt giết Trinh Nương. Trinh Nương cùng các nghĩa sĩ đã thẳng tay giết bọn bán nước.





Trình Nương cho người gọi Quốc Đạt quay trở lại và kể lại sự tình. Đêm ấy, hai anh em làm lễ tế cờ, tuyên cáo với trời đất quyết tâm đứng lên đánh giặc giữ nước.

Sau lễ tế cờ, nghĩa quân tấn công vào các huyện thành, đốt phá dinh thự, san bằng thành quách. Quan quân nhà Ngô lớp bị giết, lớp bỏ trốn.

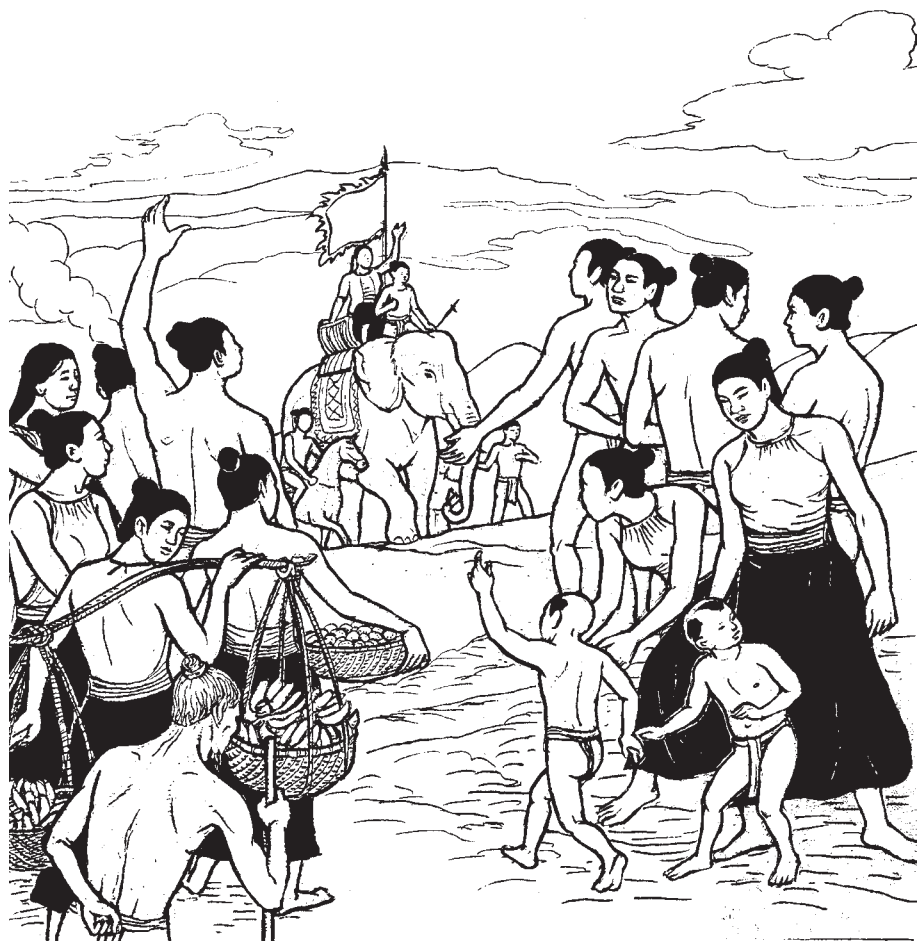


Trong các trận đánh, Triệu Trinh Nương thường mặc áo giáp vàng, cưỡi voi trắng, dẫn đầu đoàn quân, uy thế oai phong lẫm liệt.





Nhân dân khắp nơi đứng lên ủng hộ nghĩa quân. Các bà, các mẹ đốc thúc chồng con tòng quân còn bản thân mình thì lo tiếp tế lương thực, thực phẩm.





Bọn quan binh nhà Ngô co cụm lại một chỗ, bàn mưu đối phó. Biết tin Triệu Quốc Đạt sắp kéo quân qua một hẻm núi, Thái thú và Đô úy Cửu Chân đích thân dẫn quân đi mai phục. Quốc Đạt lọt giữa vòng vây, tử trận.

Nghe tin, Triệu Trinh Nương cho các tướng sĩ đội khăn tang rồi tự mình lên ngôi chủ tướng, thề giết giặc trả thù cho anh.



Giữa đêm, Triệu Trinh Nương dẫn quân vây đánh thành Cửu Chân. Sáng ra, bọn Đô úy, Thái thú kinh sợ khi thấy bốn cửa thành đã bị nghìn quân bao vây.



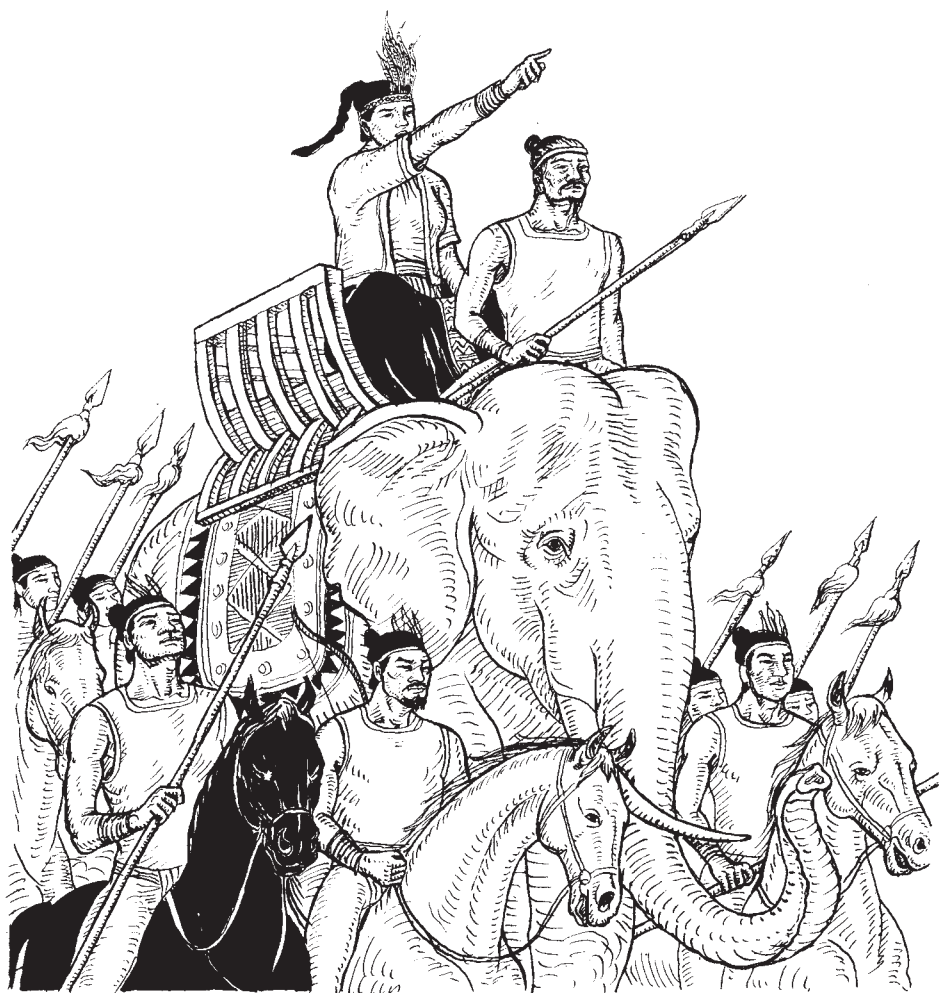
Nghĩa quân tấn công liên tục từ sáng đến chiều mới san bằng được thành lũy, quân Ngô chết nhiều vô số. Trong trận này, Triệu Trinh Nương bắt được Thái thú và Đô úy Cửu Chân.





Trinh Nương sai chặt đầu chúng để tế Triệu Quốc Đạt cùng các nghĩa sĩ. Từ đó, thanh thế nghĩa quân ngày càng lớn mạnh, người dân đi theo ngọn cờ khởi nghĩa mỗi ngày một đông.

Bình định xong quận Cửu Chân, Bà Triệu tiến đánh Giao Chỉ. Đại quân Bà Triệu tiến đến đâu, các hào trưởng địa phương xin quy thuận đến đấy. Còn ở các huyện thành, quan lính Ngô lớp bỏ trốn, lớp xin hàng, thành nào chống cự thì bị tiêu diệt thẳng tay.





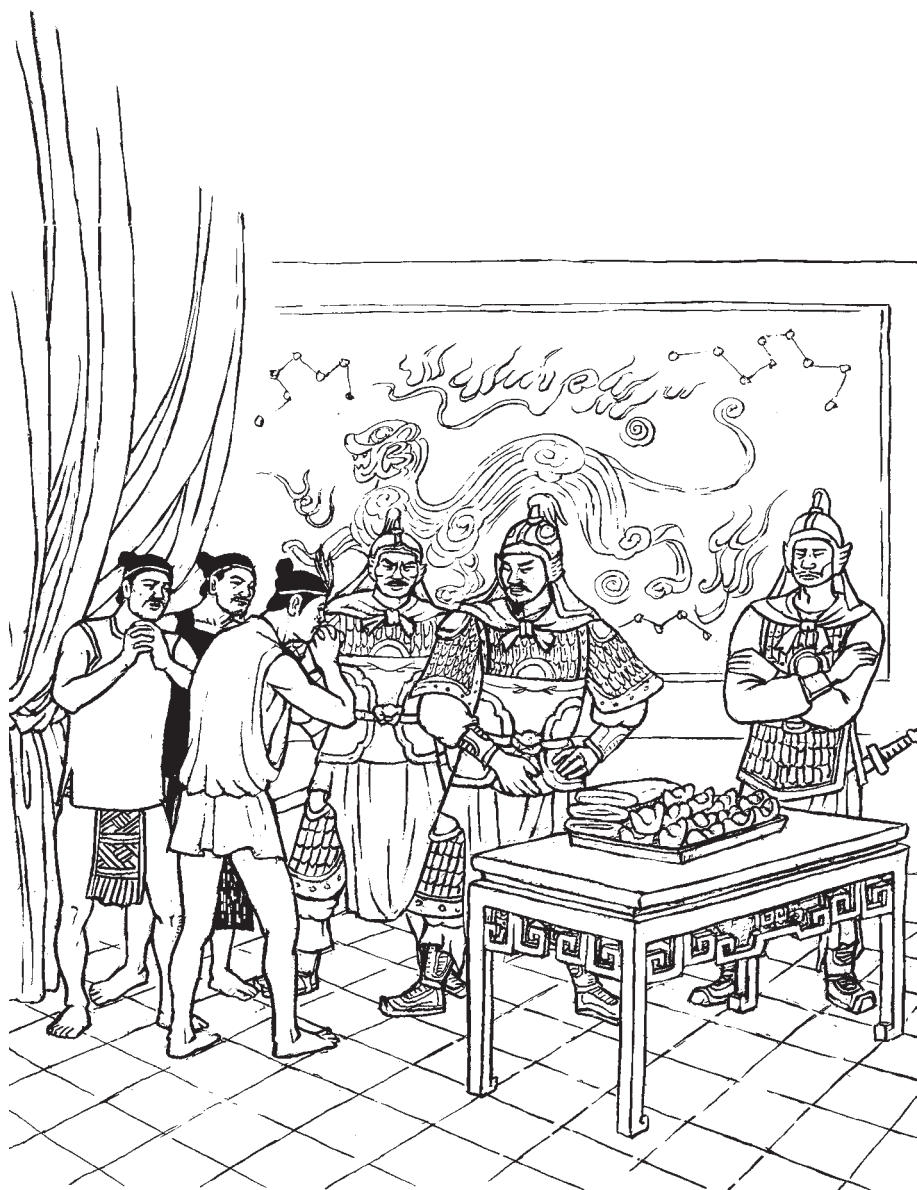
Thứ sử Giao Châu sợ hãi mà bỏ trốn. Quân Ngô rất sợ Bà Triệu, chúng kháo nhau rằng đối đầu với hổ dữ còn dễ hơn đối mặt với vua Bà^(*).

^{*} Nguyên văn: *Hoành sóc đương hổ dữ.*
Đằng sơn đối Bà nan.

Cuộc khởi nghĩa của Triệu Trinh Nương khiến nhà Ngô vô cùng lo sợ. Năm 248, Ngô triều cử Lục Dận làm Thứ sử Giao Châu, An Nam Hiệu úy, đem quân sang Giao Châu lập lại nền đô hộ.



Đi tới đâu, Lục Dận cho quân sĩ phô trương thanh thế đến đó, vừa để vừa uy hiếp, vừa để dụ dỗ, mua chuộc các hào trưởng địa phương. Nhiều hào trưởng vì không muốn đổ máu nên đã quy hàng quân Ngô.





Viên tướng này còn cho người lặn sâu vào các vùng rừng núi, bỏ thuốc độc xuống các con sông, nguồn nước khiến nghĩa quân ốm đau, bệnh tật rất nhiều.

Lục Dận còn cho người cải trang thành nghĩa quân rồi đốt kho lương thảo của Triệu Trinh Nương. Sau đó, hấn cho quân chặn tất cả mọi con đường dẫn đến núi Tùng nhằm tuyệt đường lương thực của nghĩa quân.



Khi nghĩa quân suy yếu, Lục Dận đánh lên núi Tùng. Dù nghĩa quân đánh chặn quyết liệt nhưng trước thế giặc mạnh, Triệu Trinh Nương phải ra lệnh lui binh. Ba anh em họ Lý ở lại giữ chân giặc cho nghĩa quân rút lui.



Dù đã dùng trăm phương nghìn kế nhưng Lục Dận vẫn không bắt được Triệu Trinh Nương. Tuy lực lượng tổn thất nhiều, căn cứ núi Tùng bị giặc vây khốn nhưng nghĩa quân vẫn trung thành với Triệu Trinh Nương.



Muốn tránh đổ máu và để bản thân không rơi vào tay giặc, Triệu Trinh Nương lên đỉnh núi Tùng tự vẫn. Tương truyền đó là ngày 21 tháng 2 âm lịch. Lúc đó Bà mới hai mươi tuổi và cầm quân đánh hơn ba mươi trận. Người đời sau đã lập mộ, xây lăng Bà ở núi Tùng. Hàng năm vào ngày 21 tháng 2 âm lịch, người dân nơi đây mở lễ hội tưởng nhớ Bà.

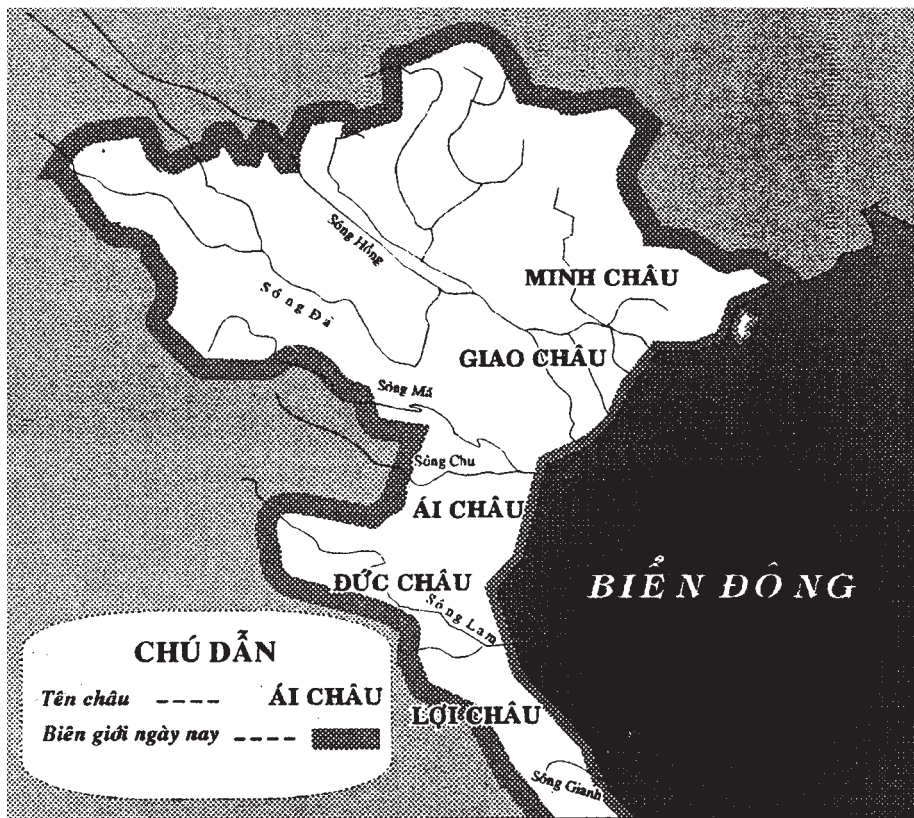


**LÝ NAM ĐẾ
TRIỆU QUANG PHỤC
LÝ PHẬT TỬ**



Sau khi cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu thất bại, người dân Việt lại rơi vào cảnh nô lệ. Trong gần ba thế kỷ, bọn quan lại đô hộ ra sức vơ vét, bóc lột, cưỡng bức dân ta lên rừng xuống biển tìm của ngon, vật lạ cho chúng.





Đầu thế kỷ thứ sáu, nhà Lương cai trị Giao Châu. Nhà Lương chia Giao Châu thành nhiều châu huyện nhỏ. Đất Giao Châu bị thu hẹp, chỉ còn lại vùng đồng bằng và vùng trung du Bắc bộ. Các châu huyện được tách khỏi Giao Châu là Ái Châu (vùng Thanh Hóa ngày nay), Đức Châu, Lợi Châu (hai châu này tương ứng với vùng Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay), Minh Châu (Quảng Ninh ngày nay).

Thời kỳ này, đạo Phật ở nước ta đã phát triển mạnh. Sử chép rằng: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc, Phật giáo vào Trung Quốc chưa phổ cập đến miền Giang Đông mà xứ ấy đã xây dựng ở Luy Lâu^(*) hơn hai mươi ngọn bảo tháp, độ được hơn 500 tăng ni và dịch được hơn mười lăm bộ kinh rồi”^(**).

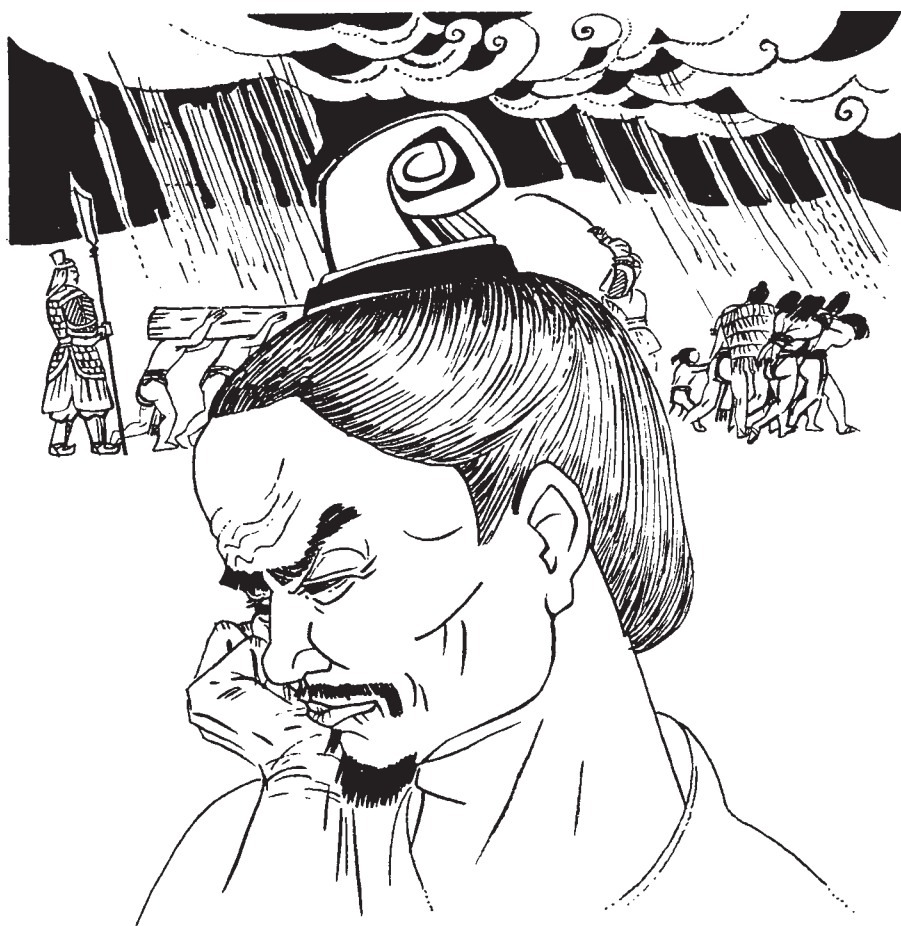
* Luy Lâu nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

** Lời của Đàm Thiên, thiền sư Trung Quốc thế kỷ thứ VI.





Bấy giờ, Thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư. Tiêu Tư áp dụng một chế độ thu thuế rất ác nghiệt. Trong nhà có cây dâu cao một thước thì chủ nhân phải đóng thuế. Những người nghèo khổ, phải bán vợ đợ con cũng phải đóng thuế. Việc này khiến nhân dân vô cùng phần uất.



Ở huyện Thái Bình (ven sông Hồng, thuộc thành phố Sơn Tây - Hà Nội ngày nay), có hào trưởng Lý Bí là người văn võ toàn tài. Nhà Lương mời Lý Bí ra làm quan. Nghĩ rằng làm quan sẽ giúp đỡ được dân chúng nên Lý Bí nhận lời giữ một chức quan nhỏ ở Đúc Châu. Nhưng vì chỉ có mình Lý Bí là muốn giúp đỡ nhân dân nên ông sớm bị cô lập. Lý Bí quyết định từ quan.



Trở về quê, Lý Bí cùng với anh là Lý Thiên Bảo dựng cờ dấy nghĩa. Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí được người dân trong vùng ủng hộ. Ông bán tất cả tài sản lấy tiền mua lương thảo nuôi quân. Hào kiệt bốn phương nghe tin kéo về dưới cờ nghĩa rất đông.



Triệu Túc vốn là hào trưởng đất Chu Diên, nghe tin Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa đã cùng con trai là Triệu Quang Phục đem quân bản bộ đến xin cùng đi đánh giặc.



Tinh Thiệu vốn là người văn hay chữ tốt, đã từng đi thi, mong được làm quan. Tuy văn bài ông xuất sắc nhưng nhà Lương thấy ông xuất thân bình dân nên chỉ giao việc gác cổng. Tinh Thiệu thấy thế làm xấu hổ, tìm đến Lý Bí tham gia khởi nghĩa.



Lại có tướng Phạm Tu tuổi tuy đã ngoài sáu mươi nhưng vẫn tay không đánh cọp. Không nề hà việc chiến đấu dưới quyền một người trẻ tuổi hơn, Phạm Tu đã giúp đỡ Lý Bí phân bố, sắp xếp lại quân ngũ.



Trình Đô và Tam Cô là hai anh em con cô con cậu. Tam Cô mồ côi từ nhỏ, về nương nhờ gia đình Trình Đô. Đến năm mười sáu tuổi, hai anh em đã nổi danh văn võ toàn tài. Sau khi, cha mẹ Trình Đô qua đời, hai anh em hăng hái gia nhập nghĩa quân. Sức trẻ của họ cùng kinh nghiệm của các lão tướng giúp cho lực lượng nghĩa quân ngày càng mạnh.



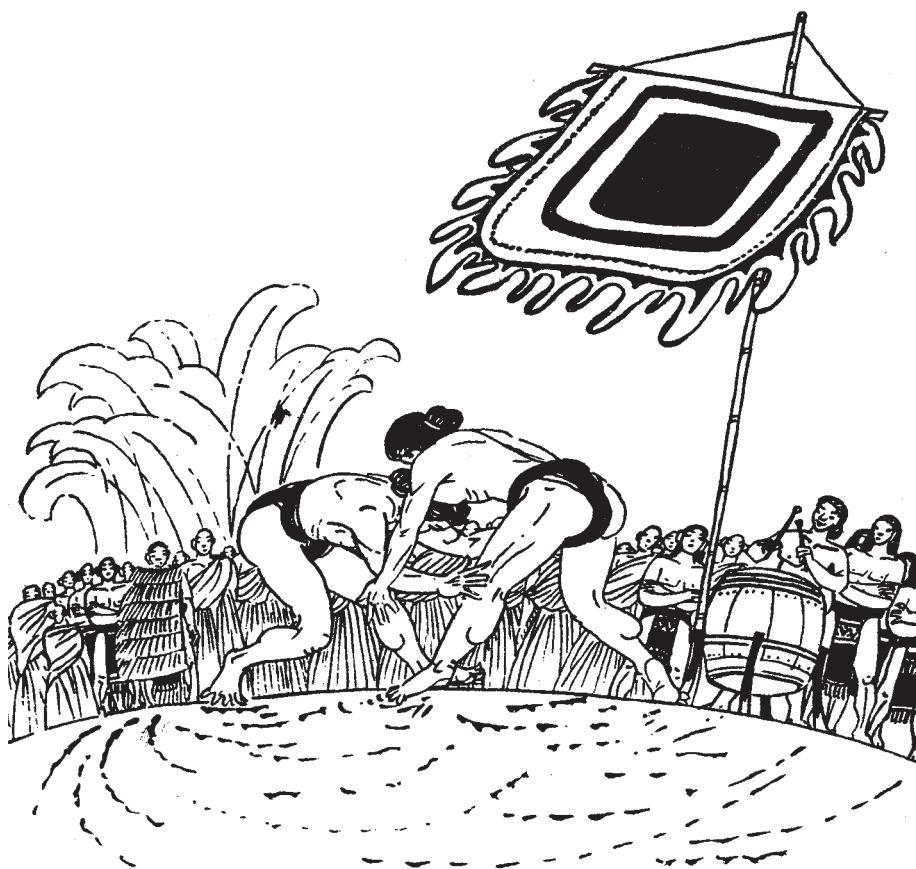


Nghĩa quân Lý Bí đóng tại hai thôn Lưu Xá và Giang Xá^(*). Doanh trại này có một trạm tiền tiêu là gò Mũi Mác và một trạm thông tin đặt trên gò Trống Khẩu. Từ đây, nghĩa quân có thể theo dõi mọi động tĩnh trên con đường huyết mạch dẫn vào Long Biên.

^{*} Lưu Xá còn gọi là Lưu Trôi, Giang Xá là Giang Trôi, ngày nay Lưu Xá thuộc xã Đức Giang, Giang Xá là thị trấn Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Có đến 3000 người dân trong vùng xin gia nhập nghĩa quân. Riêng Trình Đô và Tam Cô thì đóng quân tại làng Xuân Đề^(*), đổi diện thành Long Biên. Họ tổ chức những cuộc đấu vật để tuyển quân và chọn được ba mươi ba dũng sĩ.

** Hiện nay là hai thôn Yên Vĩnh và Yên Bệ thuộc xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội.*

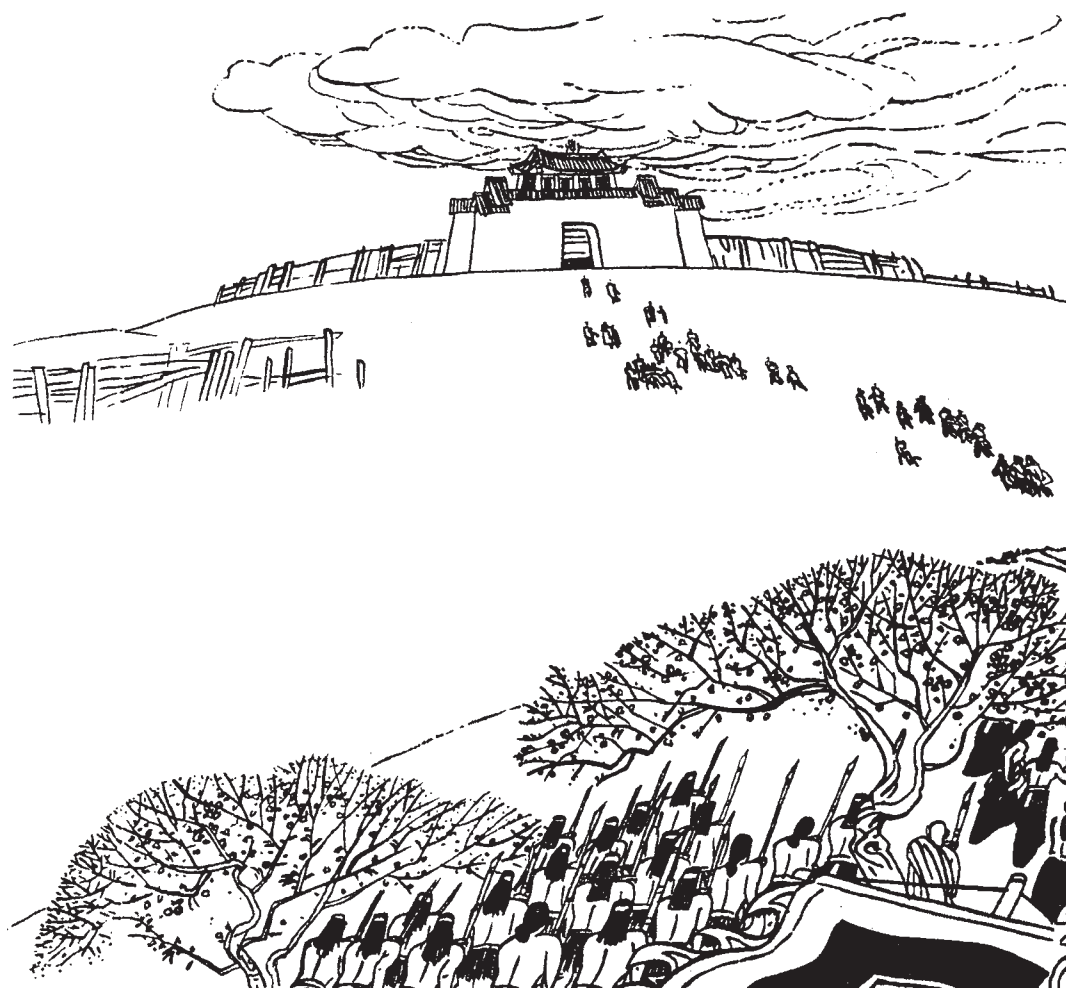


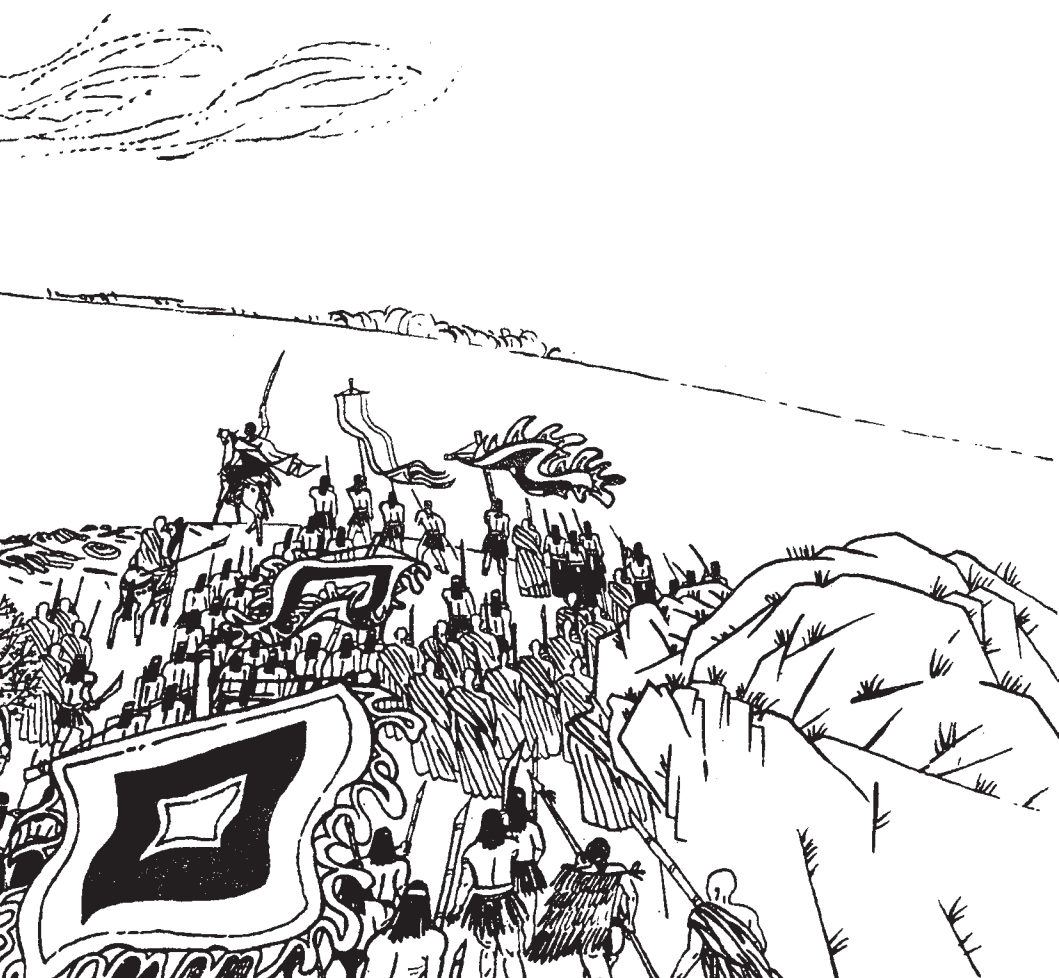


Ngày mùng 10 tháng 3 năm Nhâm Tuất (542), Lý Bí tập trung quân tướng tại chùa Linh Bảo - giữa làng Giang Xá - và ban lệnh:

- Lực lượng của ta đã mạnh, lương thực đã đủ, dân chúng nóng lòng đuổi giặc. Đây là lúc ta hạ thành, phá lũy của chúng.

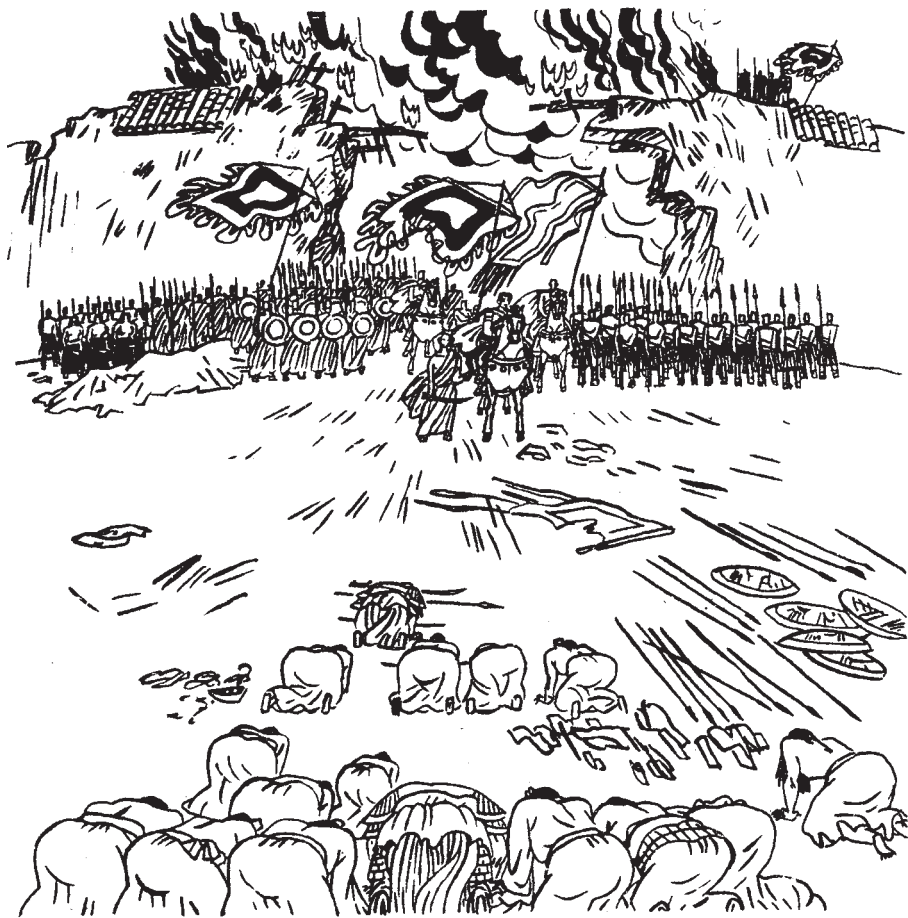
Từ chùa Linh Bảo, nghĩa quân chia nhau đi đánh các quận huyện. Nghĩa quân đi đến đâu, dân chúng ủng hộ đến đấy. Chỉ trong vòng ba tháng, nghĩa quân đã chiếm hầu hết các quận huyện khiến quân Lương phải co cụm về thành Long Biên. Lý Bí cho quân vây thành Long Biên.





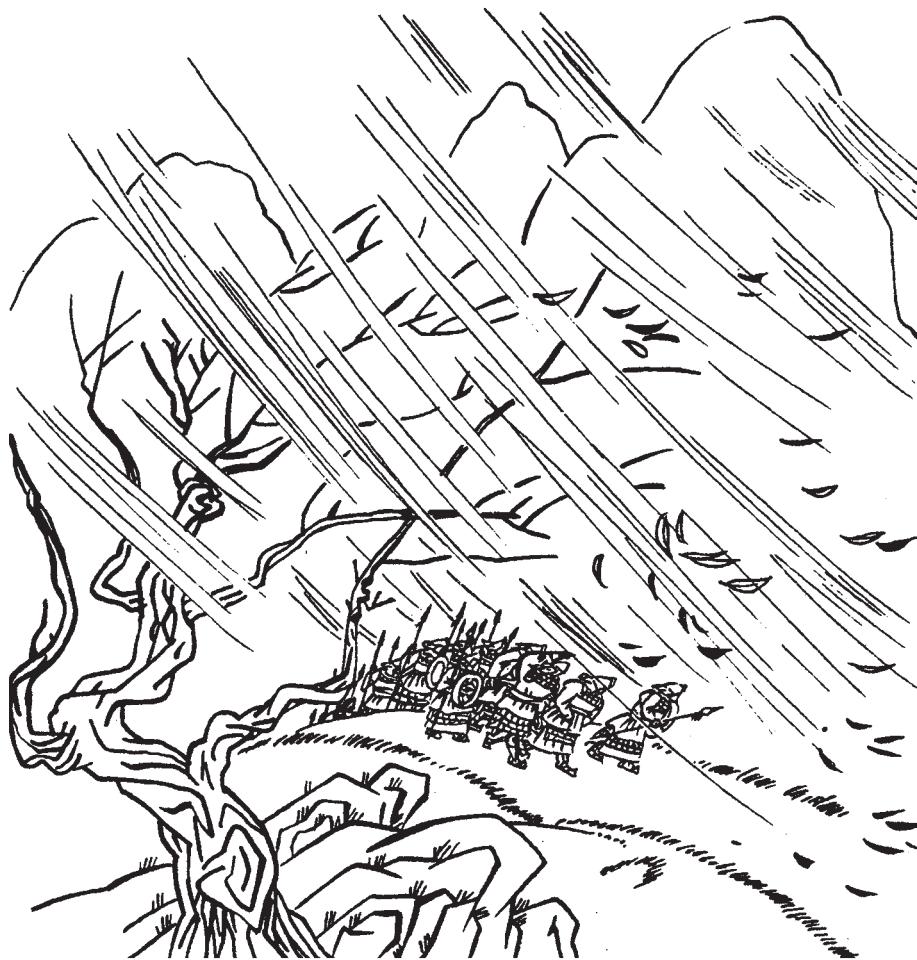


Bị bao vây bốn phía, Tiêu Tư ra lệnh cho quân Lương tử thủ trong thành, một mặt cho người đem vàng bạc đến xin Lý Bí mở cho một con đường sống.



Sau nhiều ngày tấn công, nghĩa quân cũng phá được thành. Quân Lương đầu hàng, Tiêu Tư trốn thoát về Quảng Châu (Trung Quốc). Lý Bí vào thành vỗ an dân chúng, tha cho quân Lương về nước và chuẩn bị đối phó với âm mưu quay lại xâm chiếm nước ta của nhà Lương.

Đầu năm 543, vua Lương sai hai võ tướng là Lư Tử Hùng và Tôn Quýnh đem quân tiến vào đất Việt. Bấy giờ là cuối đông, trời rét ẩm khiến quân Lương đổ bệnh rất nhiều. Tử Hùng xin hoãn binh đến cuối xuân mới tiến quân.



Tiêu Tư xúi giục Thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ánh tâu với vua Lương buộc Tử Hùng phải xuất quân ngay. Quân kéo đến Hợp Phố thì trúng bẫy mai phục của Lý Bí. Quân đi mười phần chết hết bảy, tám; số còn lại bỏ chạy về Quảng Châu.





Tiêu Tư lại tâu rằng Tử Hùng và Tôn Quýnh thông đồng với Lý Bí nên không chịu tiến quân. Vua Lương tức giận, bắt hai tướng ấy phải tự tử ở Quảng Châu.

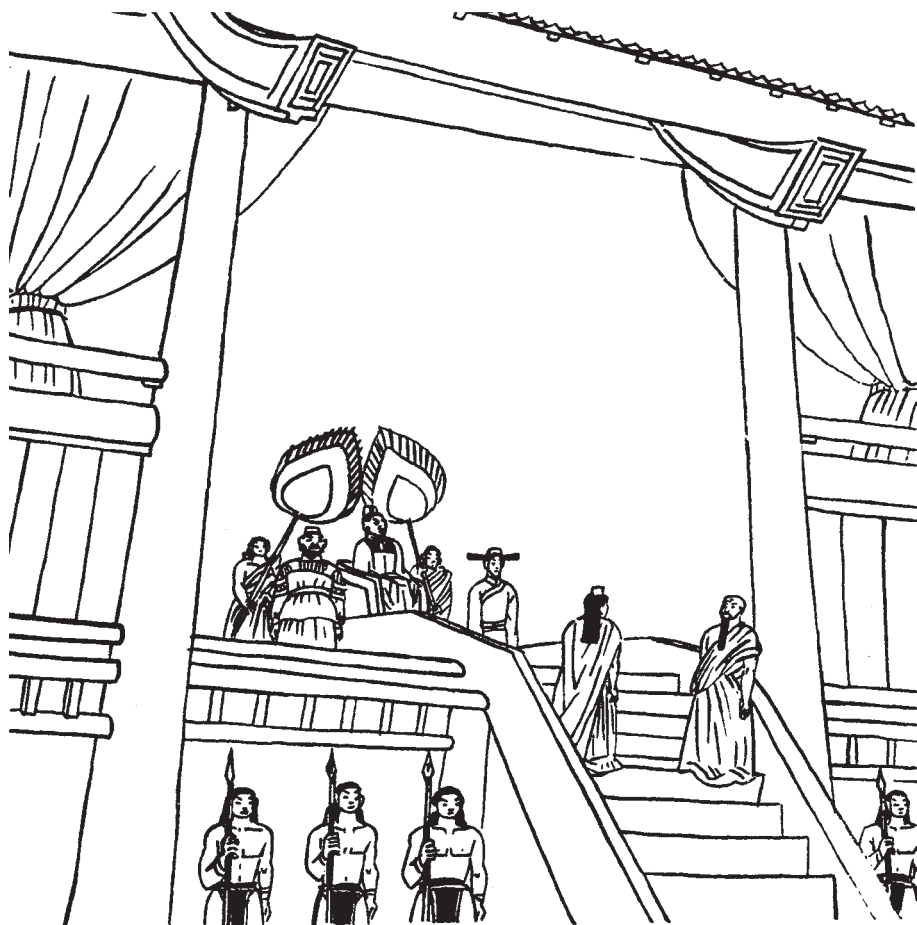
Nhân lúc Lý Bí đánh giặc Lương ở Bắc, quốc vương Lâm Ấp đã xua quân vào Đức Châu cướp phá. Lý Bí sai lão tướng Phạm Tu mang quân đánh lui giặc Lâm Ấp.





Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi, xưng là Lý Nam Đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đặt tên nước là Vạn Xuân.





Lý Nam Đế đặt kinh đô ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), cho dựng điện Vạn Xuân. Triều đình có hai ban văn võ. Tinh Thiều làm Tể tướng đứng đầu văn ban, Phạm Tu làm Tướng quân đứng đầu võ ban.



Chùa Trấn Quốc ngày nay.

Lý Nam Đế cho xây một ngôi chùa lớn nằm bên bờ sông Hồng, đặt tên là Khai Quốc (mở nước). Ngôi chùa sau này trở thành trung tâm Phật giáo lớn của nước ta. Đến đời nhà Lê thì bãi sông ấy bị lở. Dân chúng bèn dời chùa vào đảo Cá Vàng ở giữa hồ Tây và đổi tên là chùa Trấn Quốc (giữ nước).



Mất Giao Châu, vua nhà Lương sai Tả vệ tướng quân Lan Khâm mang quân sang đánh. Nhưng Lan Khâm đi tới núi Ngũ Lĩnh thì bị bệnh mà chết, quân Lương quay trở về.

Tháng 5 năm 545, vua Lương phong Dương Phiêu làm Thứ sử Giao Châu, Tiêu Bột làm Thứ sử Định Châu(?), Trần Bá Tiên^(*) làm Tư mã dẫn quân đi chiếm nước Vạn Xuân.

** Trần Bá Tiên sau này cướp ngôi nhà Lương và trở thành vua Cao Tổ của nhà Trần - Trung Quốc.*



Tiêu Bật sợ đi xa, tìm cách giữ chân Dương Phiêu. Trần Bá Tiên nói với Dương Phiêu:

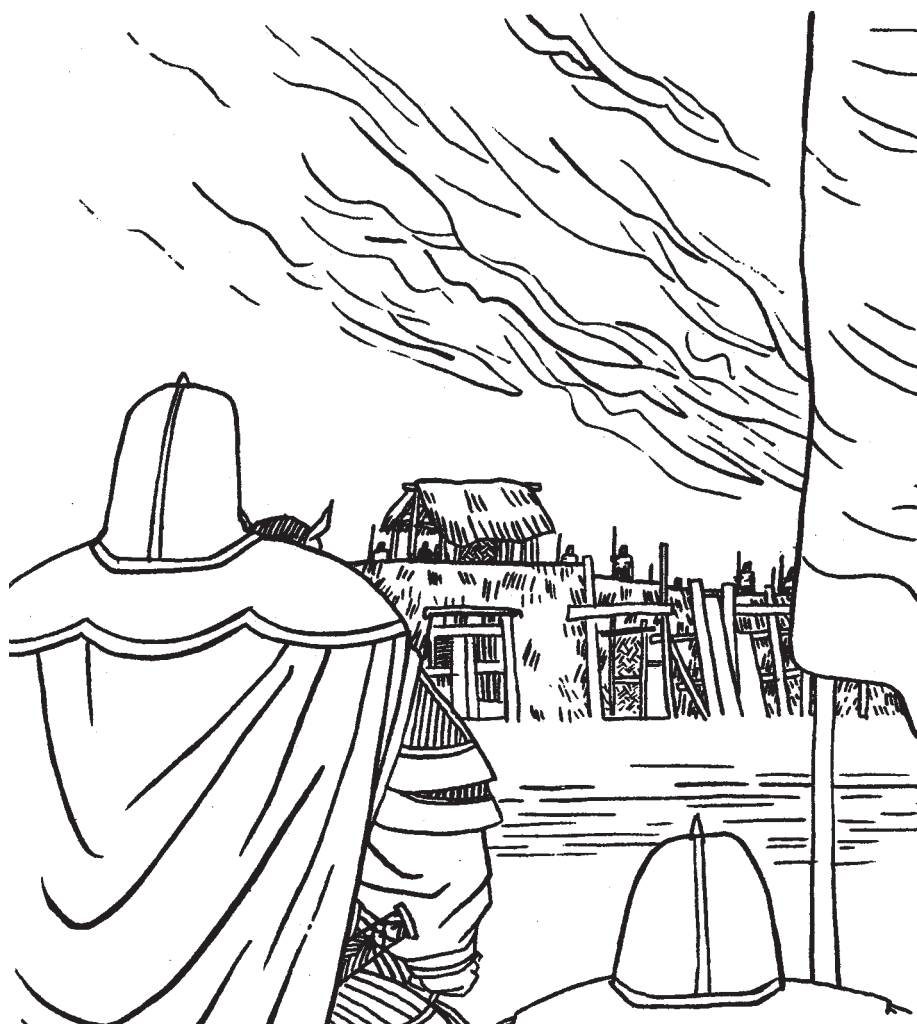
- Tiêu thứ sử không muốn ngó việc lớn ở trước mắt. Còn như túc hạ theo lệnh vua đi đánh kẻ có tội (tức Lý Nam Đế), há dùng dằng không tiến? Lệnh vua ban xuống, sống chết không biết ra sao. Lại có tội để cho quân giặc lớn thêm và quân mình nản chí ư?

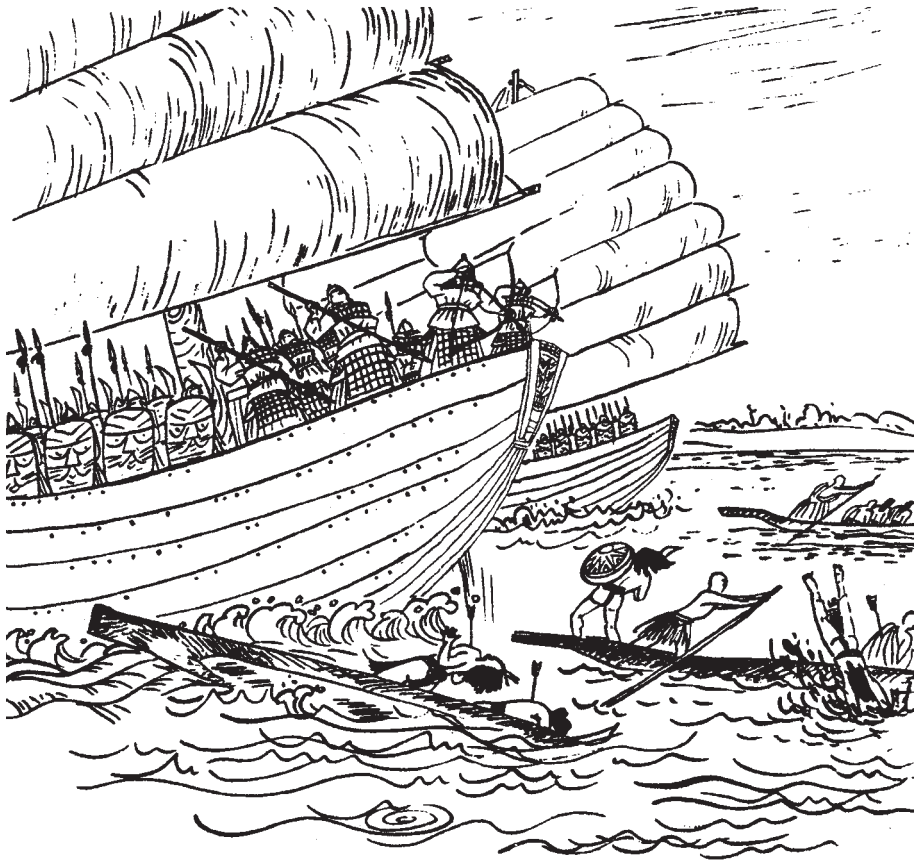


Nghe xong, Dương Phiêu phong cho Bá Tiên làm tiên phong, chia quân làm hai đạo thủy, bộ cùng tiến. Quân Lương đi đến đâu cướp bóc đến đấy.



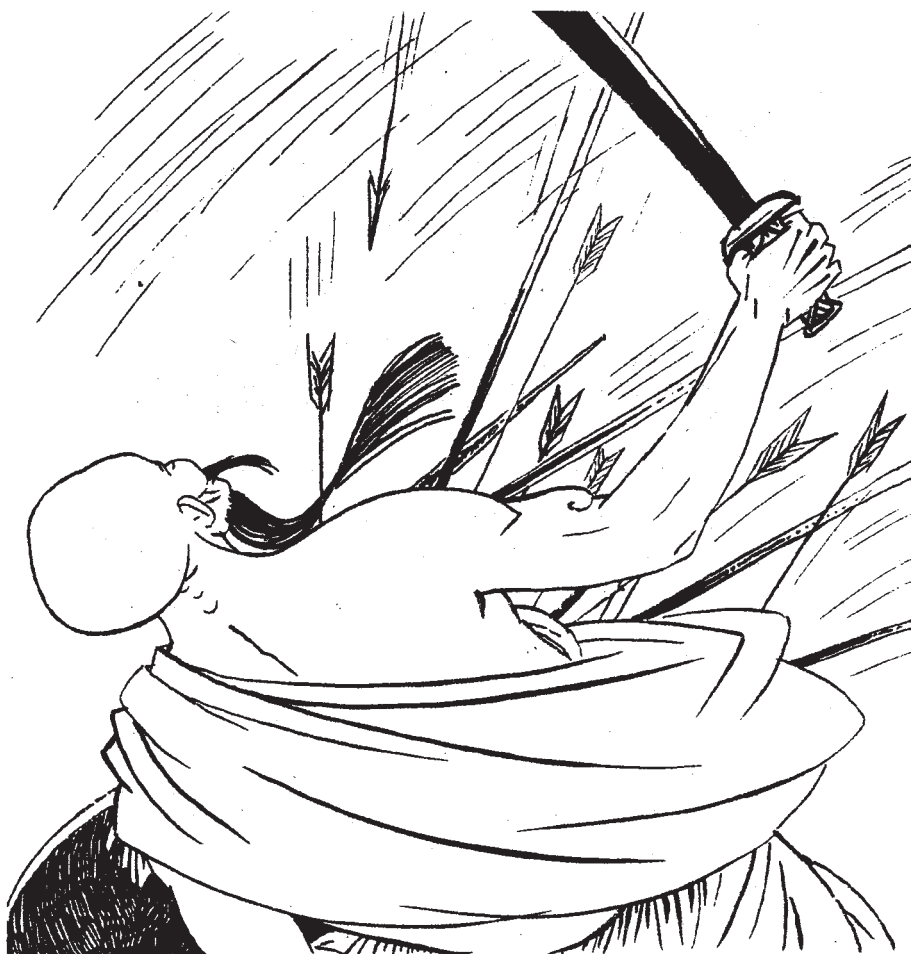
Lý Nam Đế đem ba vạn quân chặn giặc ở sông Lục Đầu (Hải Dương) nhưng thua trận, phải rút về cửa sông Tô Lịch (Hà Nội). Quân Vạn Xuân co cụm, cố thủ trong thành. Thành chỉ xây bằng tre gỗ nên dễ bị giặc đánh vỡ.





Mùa hạ năm Ất Sửu (545), Trình Đô và Tam Cô chặn địch trên sông Tô Lịch. Quân sĩ Vạn Xuân hi sinh nhiều. Ngày 15 tháng 6 âm lịch, bị giặc vây khốn mà không muốn sa vào tay chúng, Trình Đô và Tam Cô nhảy xuống sông tự tử. Người đời sau tôn hai vị tướng làm Hộ Quốc tướng quân và thờ ở đình Xuân Đề.

Trên bộ, lão tướng Phạm Tu giữ thành Vạn Xuân. Thành vỡ, lão tướng hy sinh vào ngày 20 tháng 7 năm Ất Sửu (545). Người đời sau thờ lão tướng tại đền Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.



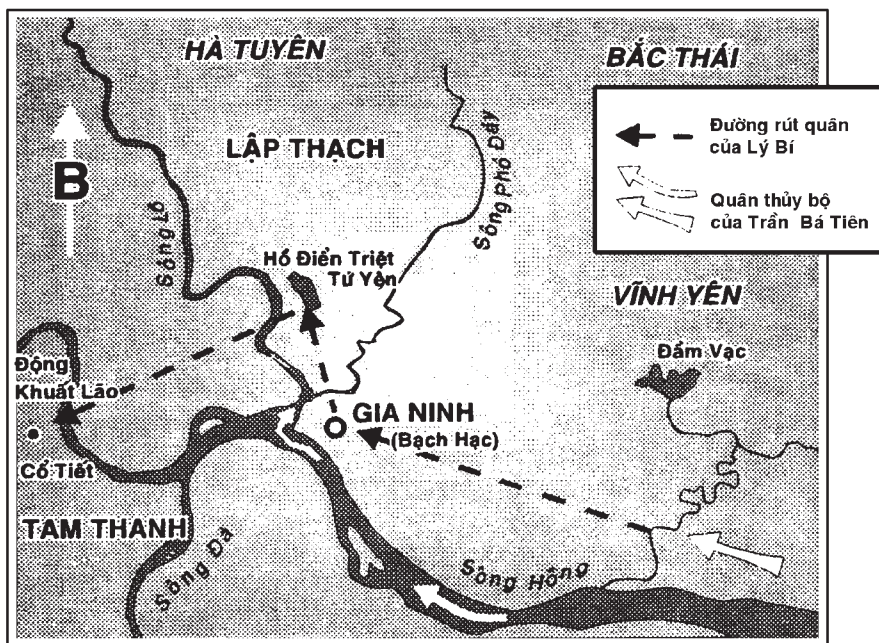


Tả tướng quân Triệu Quang Phục bảo vệ Lý Nam Đế chạy ngược sông Hồng đến thành Gia Ninh^(*). Quân Lương đuổi theo, vây thành. Đầu năm 546, thành Gia Ninh thất thủ.

* Thành Gia Ninh nay là thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.



Lý Nam Đế chạy vào miền rừng núi, dựa vào các bộ tộc ở đây mà xây dựng lại lực lượng. Giữa năm 546, vua đem hai vạn quân ra thao luyện ở hồ Điển Triệt.



SƠ ĐỒ CĂN CỨ HỒ ĐIỂN TRIỆT VÀ ĐỘNG KHUẤT LÃO

(Vẽ theo sách *Lịch sử Vĩnh Phú* của Lê Tượng, Vũ Kim Biên)

Hồ Điển Triệt còn có tên Nôm là đầm Miêng, nay thuộc xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đầm nằm bên bờ sông Lô, ba mặt tây, nam, đông được các dãy đồi cao che phủ, mặt bắc có một con ngòi chảy ngang qua. Đó là con đường độc đạo đi vào hồ.

Lý Nam Đế cho quân lên rừng đốn cây làm thuyền độc mộc. Số thuyền đóng được ngày càng nhiều, mỗi khi thao luyện, mặt hồ chật ních thuyền bè.





Trần Bá Tiên biết tin Lý Nam Đế còn sống thì kéo quân ngược dòng sông Lô đánh vào hồ Điển Triệt. Bị quân Vạn Xuân đánh chặn quyết liệt, Trần Bá Tiên phải đóng trại trên những cánh đồng trũng gần hồ.

Biết quân mỏi, tướng mệt, Trần Bá Tiên động viên:

- Quân ta đã mỏi mệt, lại vào hang hùm, đánh không được thì chết! Quân chúng lâu nay chỉ toàn thua, lòng người dao động, chính là lúc ta phải cố sức đánh!

Các tướng Lương đều nín lặng.



Đêm ấy trời mưa, nước sông dâng cao và đổ vào hồ Điển Triệt. Bá Tiên đem quân tiến theo dòng nước. Quân Lý Nam Đế bị đánh úp, lại phải chống cự với cơn lũ nên thua to. Nam Đế dẫn thuộc hạ vượt đồi, thoát ra ngoài.





Lý Nam Đế lui về động Khuất Lão^(*), giao quyền chỉ huy quân đội cho Triệu Quang Phục. Từ hồ Điển Triệt, Lý Thiên Bảo chạy về động Dã Nang (vùng thượng du Thanh Hóa, giáp biên giới Lào ngày nay), tự xưng là Đào Lang vương.

^{*} Động Khuất Lão nay là vùng đất nằm giữa hai xã Văn Lang và Cổ Tuyết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.



Từ khi lên nắm quyền chỉ huy, Triệu Quang Phục dẫn quân đánh Trần Bá Tiên mấy lần nhưng đều thất bại. Tháng giêng năm Đinh Mão (547), Triệu Quang Phục dẫn quân về đầm Dạ Trạch.

Dạ Trạch là vùng đầm lầy rậm rạp ven sông Hồng. Giữa đầm là một bãi đất rộng, quanh bãi là bùn lầy nên rất khó đi lại. Nghĩa quân phải dùng sào đẩy những con thuyền độc mộc lướt đi trên cỏ nước.





Triệu Quang Phục đem hơn hai vạn quân đóng ở bãi đất giữa đầm. Ban ngày mọi người không nấu nướng, không làm việc. Ban đêm lại làm việc như ban ngày. Quân ở lại căn cứ thì làm việc hậu cần, quân chiến đấu thì đi phục kích giết giặc, cướp lấy lương ăn.



Quân Lương nhiều lần tiến đánh Dạ Trạch nhưng thường bị lạc đường mà phải rút lui. Cứ như vậy ba bốn năm liền, hai bên không đánh một trận lớn nào.



Tháng 3 năm Mậu Thìn (548), Lý Nam Đế mất ở động Khuất Lão. Người dân khắp nơi lập đền thờ ông như thờ một vị vua. Các làng ở cửa sông Đáy thì thờ ông làm Thành hoàng.



Nghe tin Lý Nam Đế băng hà, Triệu Quang Phục bèn xưng là Triệu Việt vương. Anh hùng hào kiệt khắp nơi kéo về đầm Dạ Trạch giúp Triệu Việt vương đánh giặc. Trong số đó có hai anh em Trương Hống và Trương Hát.



Hai anh em họ Trương giúp Triệu Quang Phục đánh thắng mấy trận. Trần Bá Tiên bèn cho quân đánh dẹp các khu dân cư quanh vùng đầm Dạ Trạch rồi bao vây bốn phía nhằm tuyệt đường lương thực của nghĩa quân.

Lúc này, ở Trung Quốc, quân của Hâu Cảnh đánh phá đến tận kinh đô nhà Lương. Vua Lương phải triệu Bá Tiên về đánh dẹp. Bá Tiên giao binh quyền lại cho thuộc tướng Dương Sàn.



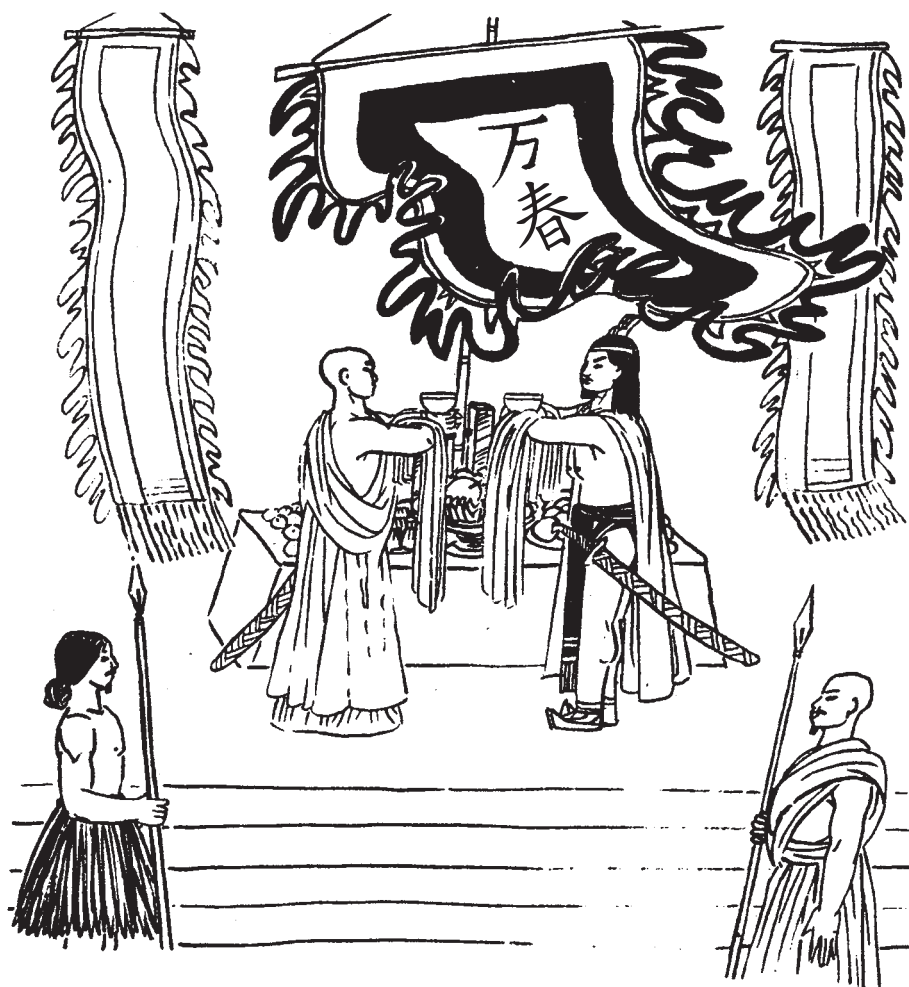


Năm 550, nghe tin Trần Bá Tiên phải về nước, Triệu Việt vương liền đem quân đánh thành Long Biên. Dương Sàn chết trận, Triệu Quang Phục chiếm được thành Long Biên, lập lại nền tự chủ.

Năm Ất Hợi (555), Lý Thiên Bảo mất ở động Dã Năng, tộc tướng^(*) là Lý Phật Tử lên thay. Vì Lý Phật Tử thuộc dòng dõi của Lý Nam Đế nên cũng được dân chúng nghe theo. Năm Đinh Sửu (557), Lý Phật Tử đem quân đánh Triệu Việt vương để tranh ngôi.

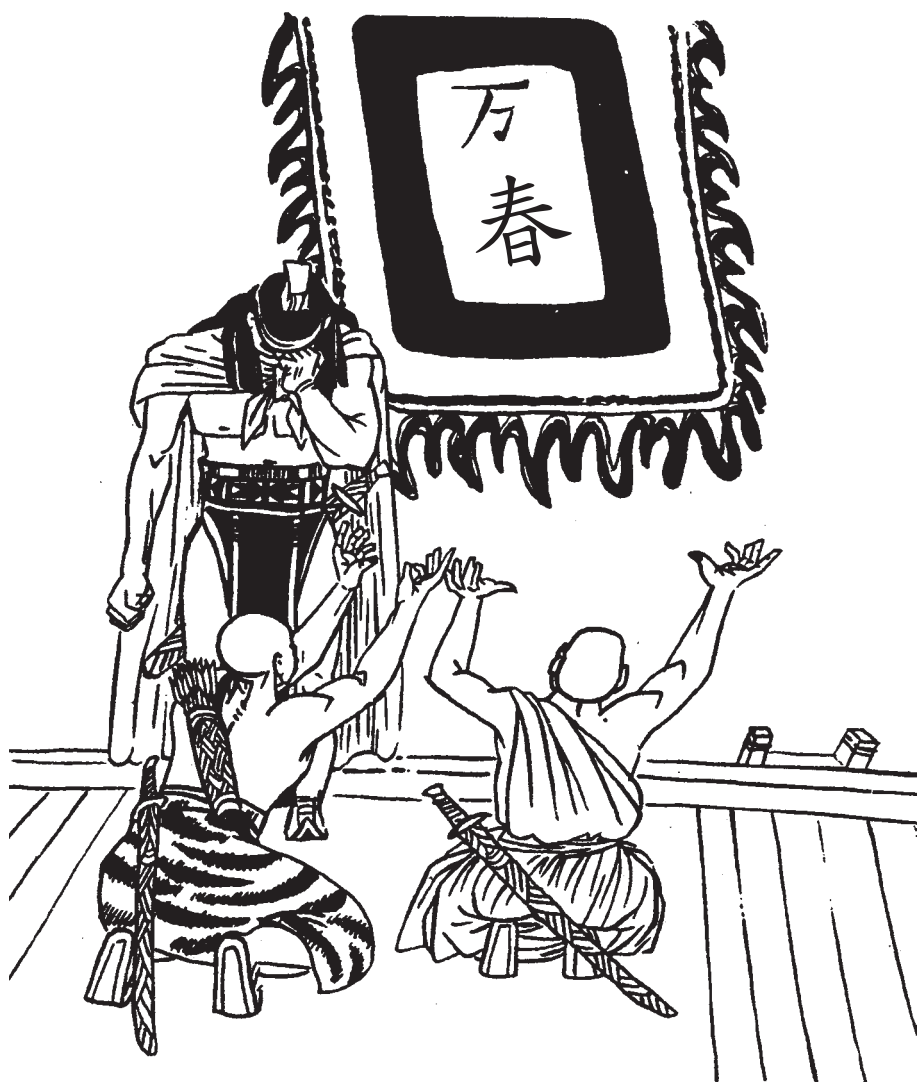
** Viên tướng cùng họ tộc với Lý Thiên Bảo.*





Hai bên đánh nhau năm lần nhưng không phân thắng bại. Triệu Việt vương nghĩ rằng Lý Phật Tử thuộc dòng dõi Lý Nam Đế nên không nỡ thắng tay. Còn Lý Phật Tử đánh mãi không thắng nên xin giảng hòa. Triệu Việt vương chấp thuận.

Triệu Việt vương chia nước ra làm hai phần, lấy bãi Quân Thần (nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội) làm ranh giới. Triệu Việt vương ở phía tây, đóng quân tại thành Long Biên. Lý Phật Tử đóng quân ở thành Ô Diên (nay là xã Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội). Trương Hồng và Trương Hát can vua đừng cắt đất nhưng không được.

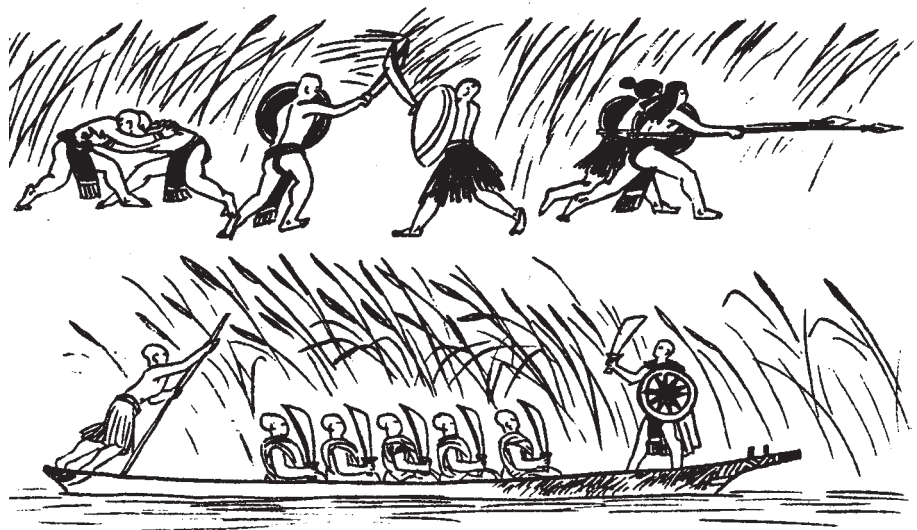


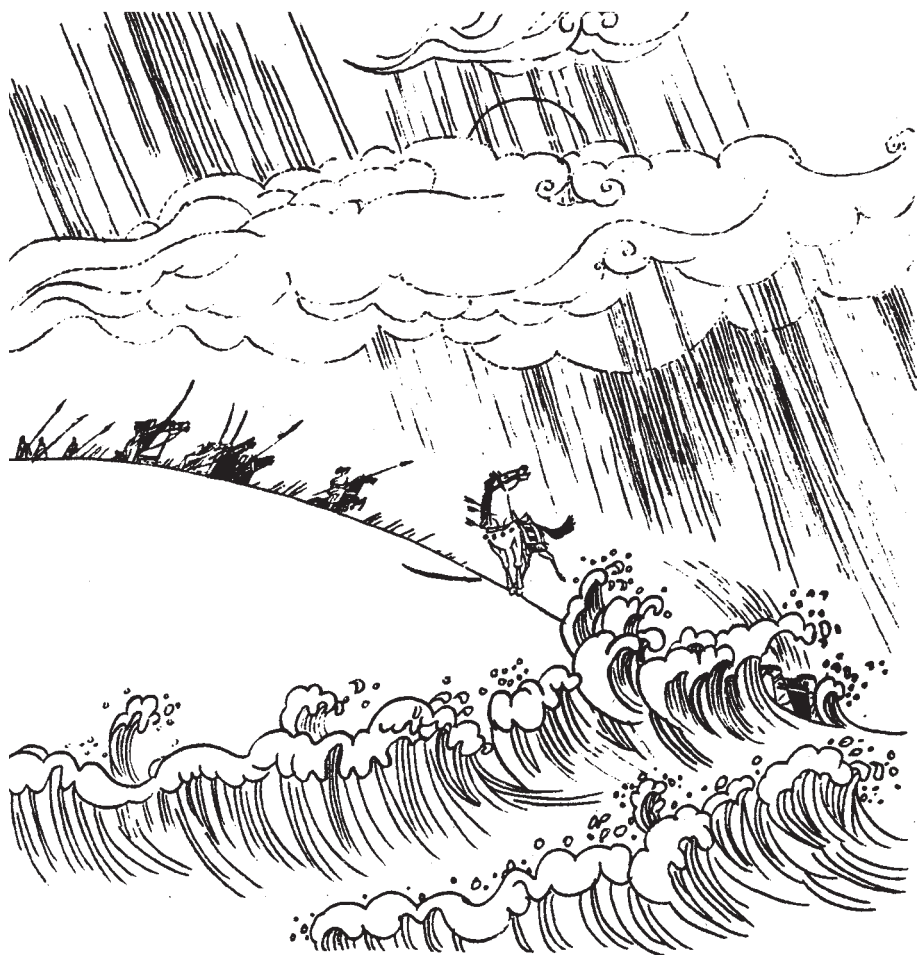


Triệu Việt vương còn đem con gái là Cảo Nương gả cho con trai của Lý Phật Tử là Nhã Lang. Trương Hồng và Trương Hát lại can ngăn nhưng vua không nghe theo.



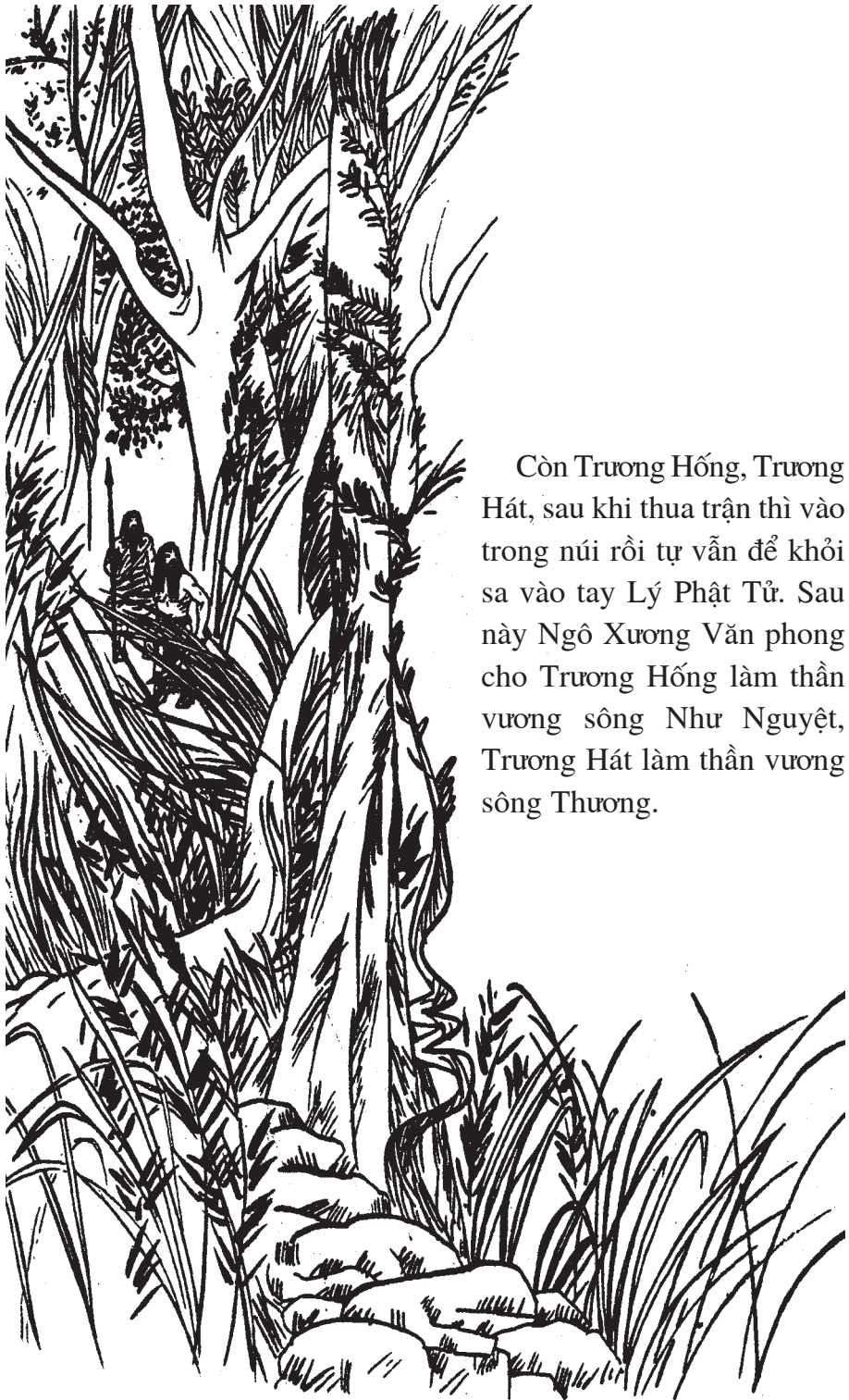
Nghĩ rằng Lý Phật Tử đã yên phận, Triệu Quang Phục tập trung xây dựng đất nước. Còn Lý Phật Tử lại chú trọng thao luyện quân sĩ, chờ cơ hội tấn công Triệu Quang Phục.





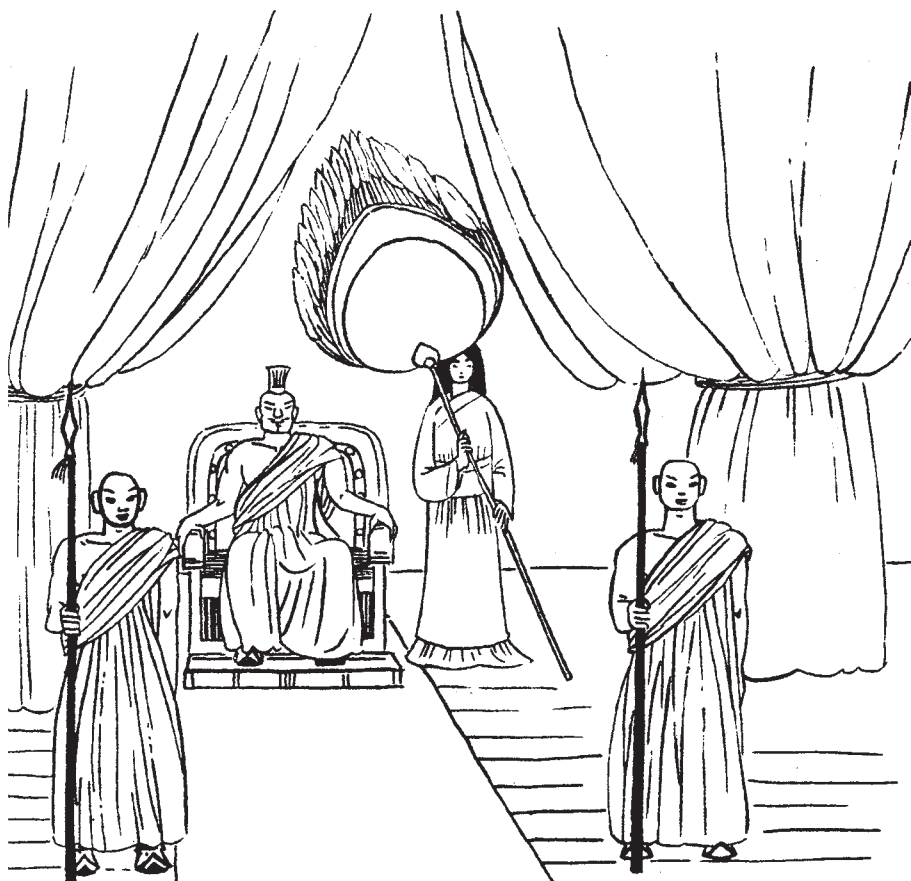
Năm Tân Mão (571), Lý Phật Tử đem quân đánh thành Long Biên. Long Biên thất thủ, Triệu Việt vương bỏ chạy. Đến cửa biển Đại Nha^(*) thì bị quân của Lý Phật Tử đuổi kịp, Triệu Việt vương gieo mình xuống biển tự vẫn.

^{*} Nay thuộc địa phận làng Độc Bộ, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

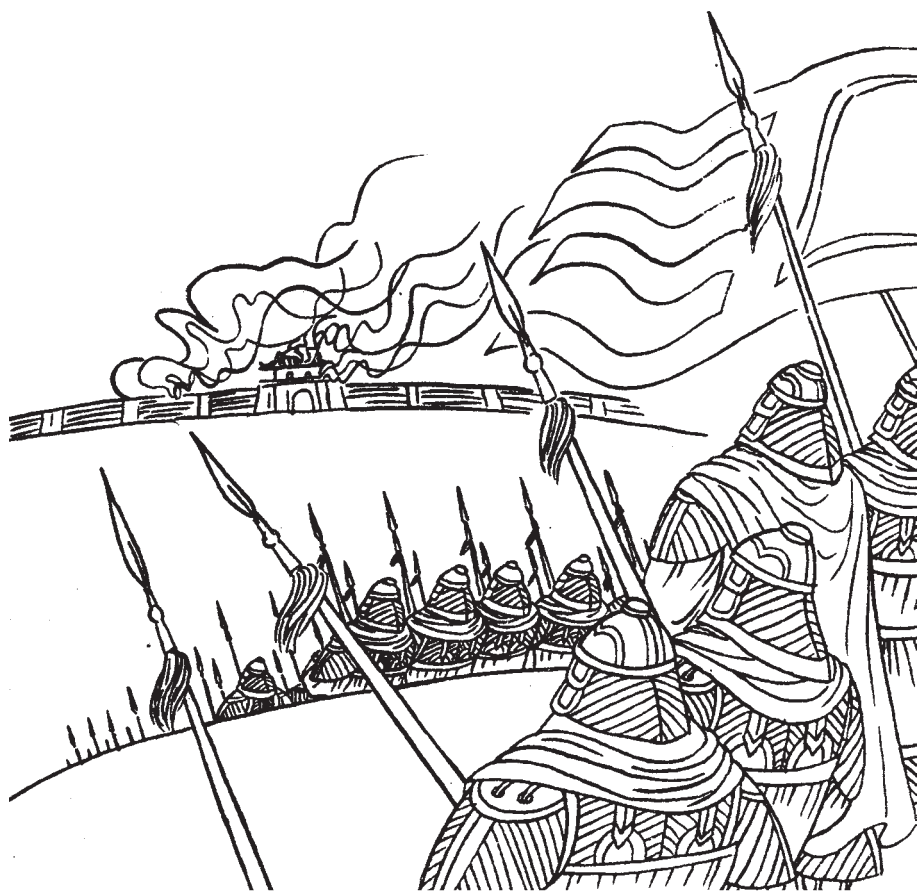


Còn Trương Hồng, Trương Hát, sau khi thua trận thì vào trong núi rồi tự vẫn để khỏi sa vào tay Lý Phật Tử. Sau này Ngô Xương Văn phong cho Trương Hồng làm thần vương sông Như Nguyệt, Trương Hát làm thần vương sông Thương.

Đánh thắng Triệu Việt vương, Lý Phật Tử lên làm vua, cũng xưng là Lý Nam Đế, dời đô đến Phong Châu (xã Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Tuy tự xưng là Nam Đế nhưng Phật Tử lại thần phục nhà Trần ở Trung Quốc.



Lại nói, Trần Bá Tiên cướp ngôi nhà Lương, lập nên nhà Trần nhưng chỉ cai quản được phần đất phía nam Trung Quốc. Năm 589, nhà Tùy diệt nhà Trần. Năm 602, nhà Tùy đòi Lý Phật Tử phải qua Trung Quốc châu nhưng Phật Tử không đi.



Nhà Tùy sai tướng Lưu Phương mang hơn mười vạn quân đi đánh nước Vạn Xuân. Lưu Phương vây thành Cổ Loa rồi thuyết phục Lý Phật Tử ra hàng. Lý Phật Tử ra hàng, Lưu Phương cho giải về Trung Quốc. Đất nước ta từ đây lại rơi vào vòng đô hộ của phương Bắc.





Nước Vạn Xuân tồn tại không đầy sáu mươi năm nhưng đã để lại những mốc son chói lọi trong lịch sử nước ta. Quyết tâm của Lý Bí, tài trí của Triệu Việt vương mãi là tấm gương cho hậu thế noi theo.

MAI HẮC ĐẾ





Thế kỷ thứ 7, người dân nước ta đã biết trồng lúa hai mùa để có đủ gạo ăn. Không chỉ trồng lúa, họ còn trồng được nhiều loại cây ăn quả có giá trị khác.



Thời gian này, Nho giáo do Khổng Tử sáng lập đã du nhập vào nước ta. Nho giáo yêu cầu con người sống phải có đức độ, lễ nghĩa; xã hội phải có trật tự, nề nếp nhưng Nho giáo lại hạ thấp giá trị người phụ nữ.

Người Việt học Nho giáo thông qua chữ Hán nhưng lại dựa vào chữ Hán mà tạo ra một thứ chữ cho riêng mình. Thứ chữ này dần dần được cải tiến và trở nên thông dụng. Đó là tiền thân của chữ Nôm.



Đạo giáo do Lão Tử sáng lập cũng được truyền vào đất Việt. Đạo giáo khuyên con người nên sống điềm tĩnh nhưng mặt trái của Đạo giáo là mê tín dị đoan. Khi truyền vào đất Việt, Đạo giáo không được nhiều người tin theo.



Trong khi ấy, đạo Phật lại được người dân Việt đón nhận. Đạo Phật cho rằng đời là bể khổ, con người bị ràng buộc trong kiếp luân hồi. Muốn thoát khỏi cảnh ấy, con người phải diệt dục, diệt lòng ham muốn để tiến tới cõi Niết Bàn.



Năm 580, Thiền phái đầu tiên của nước ta - Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) - được thành lập. Tỳ Ni Đa Lưu Chi gốc người Ấn Độ, trụ trì tại chùa Pháp Vân (tức chùa Dâu, nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).





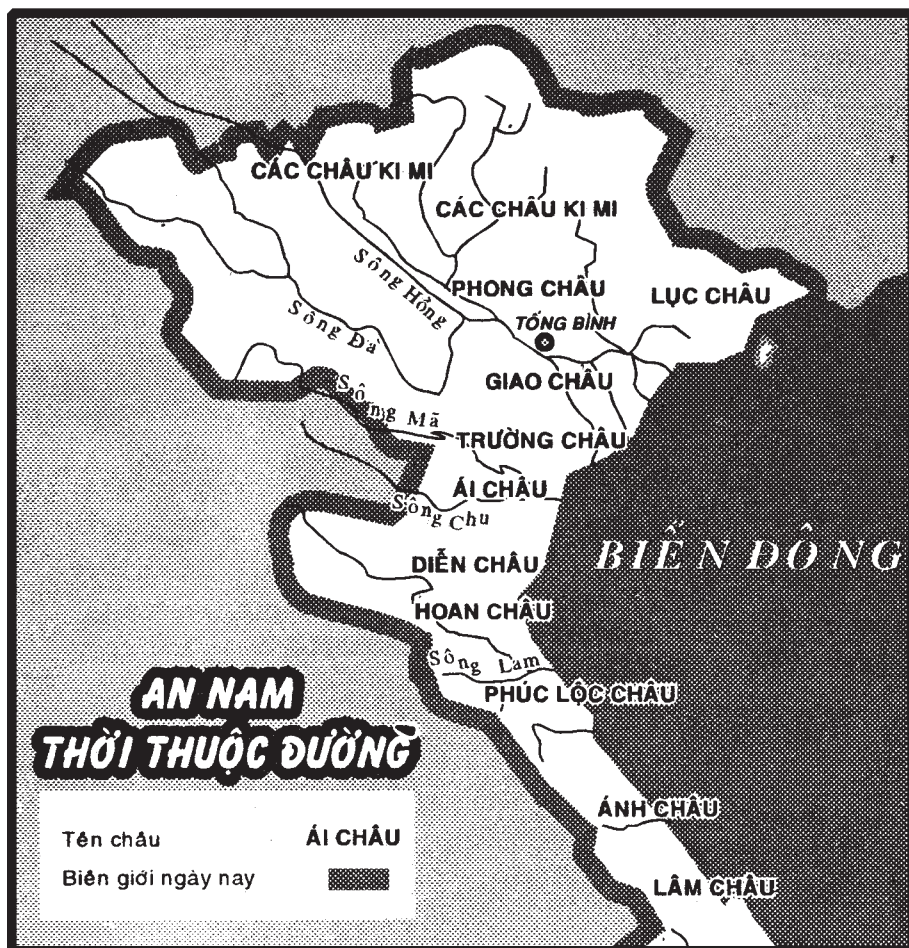
Phật giáo ngày càng phát triển. Nhiều chùa chiền được dựng lên, nhiều thiền sư đứng ra dịch kinh sách, truyền Phật pháp và chữa bệnh cho dân chúng. Dần dần, đạo Phật chiếm vị trí cao nhất trong ba tôn giáo.

Năm 602, nước Vạn Xuân bị thôn tính, Lý Phật Tử bị nhà Tùy bắt giải về Trung Quốc. Nước ta một lần nữa bị phương Bắc đô hộ.



Năm 618, nhà Đường cướp ngôi nhà Tùy. Trong các triều đại phong kiến phương Bắc, nhà Đường cai trị nước ta lâu nhất và khắc nghiệt nhất. Nhà Đường bắt mọi người dân mỗi năm phải đi phu từ hai mươi đến năm mươi ngày. Nhưng bọn quan tham thường bắt dân đóng tô, đi phu quá hạn định. Không những vậy, chúng còn bắt dân ta lên rừng, xuống biển, tìm của ngon vật lạ cống nạp cho nhà Đường. Không những vậy, dân ta còn bị đóng nhiều loại thuế nặng nề.





Năm 679, nhà Đường đặt ra An Nam Đô hộ phủ, gồm mười hai châu, năm mươi chín huyện. Các châu lớn là Giao, Ái, Hoan, Diễn. Giao châu nằm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, có trị sở là thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay), Ái châu nằm ở đồng bằng sông Mã (Thanh Hóa) còn Diễn châu và Hoan châu thì nằm ở đồng bằng sông Cả (Nghệ An). An Nam Đô hộ phủ đặt dưới sự cai trị của quan An Nam đô hộ.

Bấy giờ, quan Đô hộ Lưu Diên Hựu ra sức vơ vét của cải khiến người dân Việt nổi dậy ở khắp nơi. Lớn nhất là cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Tiên. Lưu Diên Hựu đem quân đánh dẹp, giết được Lý Tự Tiên. Đinh Kiến thay thế Lý Tự Tiên, đem quân đánh thành Tống Bình, giết được Lưu Diên Hựu. Nhà Đường phái đại quân đi đánh dẹp, Đinh Kiến thua trận, bị giết.



Lúc đó, ở Hoan châu có Mai Thúc Loan là người tài giỏi. Mai Thúc Loan quê gốc ở làng Mai Phụ (nay là xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Mai Phụ là ngôi làng ven biển, chuyên nghề làm muối, quanh năm gió cát.



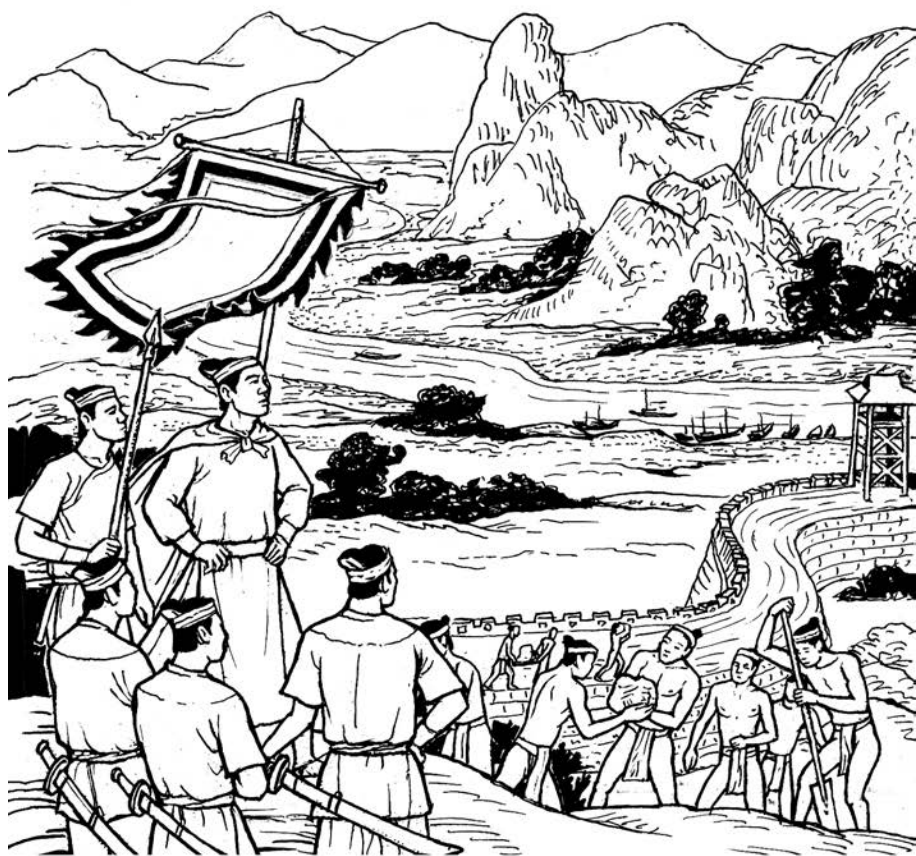
Vì nhà nghèo nên Mai Thúc Loan phải theo mẹ đến sống ở làng Ngọc Trừng (nay thuộc xã Nam Thái, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Mai Thúc Loan dáng người to lớn, nước da đen và rất giỏi đấu vật. Chàng làm việc chăm chỉ, hay giúp đỡ mọi người nên được dân làng yêu quý.



Sưu cao, thuế nặng đã khiến nhân dân bất bình. Năm 713, Mai Thúc Loan kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa ở Hoan châu, sau đó lan rộng ở nhiều nơi. Khởi nghĩa thành công, Mai Thúc Loan lên ngôi vua.



Mai Thúc Loan cho xây thành Vạn An (nay thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) làm căn cứ. Tòa thành này dựa lưng vào núi Đụn, lấy sông Lam làm hào. Bên cạnh thành là thung lũng, tiện cho việc cất trữ lương thực, vũ khí.





Mai Thúc Loan xưng đế, đặt Vạn An làm kinh đô. Vì nước da đen nên dân chúng gọi ông là Mai Hắc Đế (vua đen họ Mai). Mai Hắc Đế còn liên kết với các nước láng giềng như Chiêm Thành, Chân Lạp... cùng nhau chống lại nhà Đường.



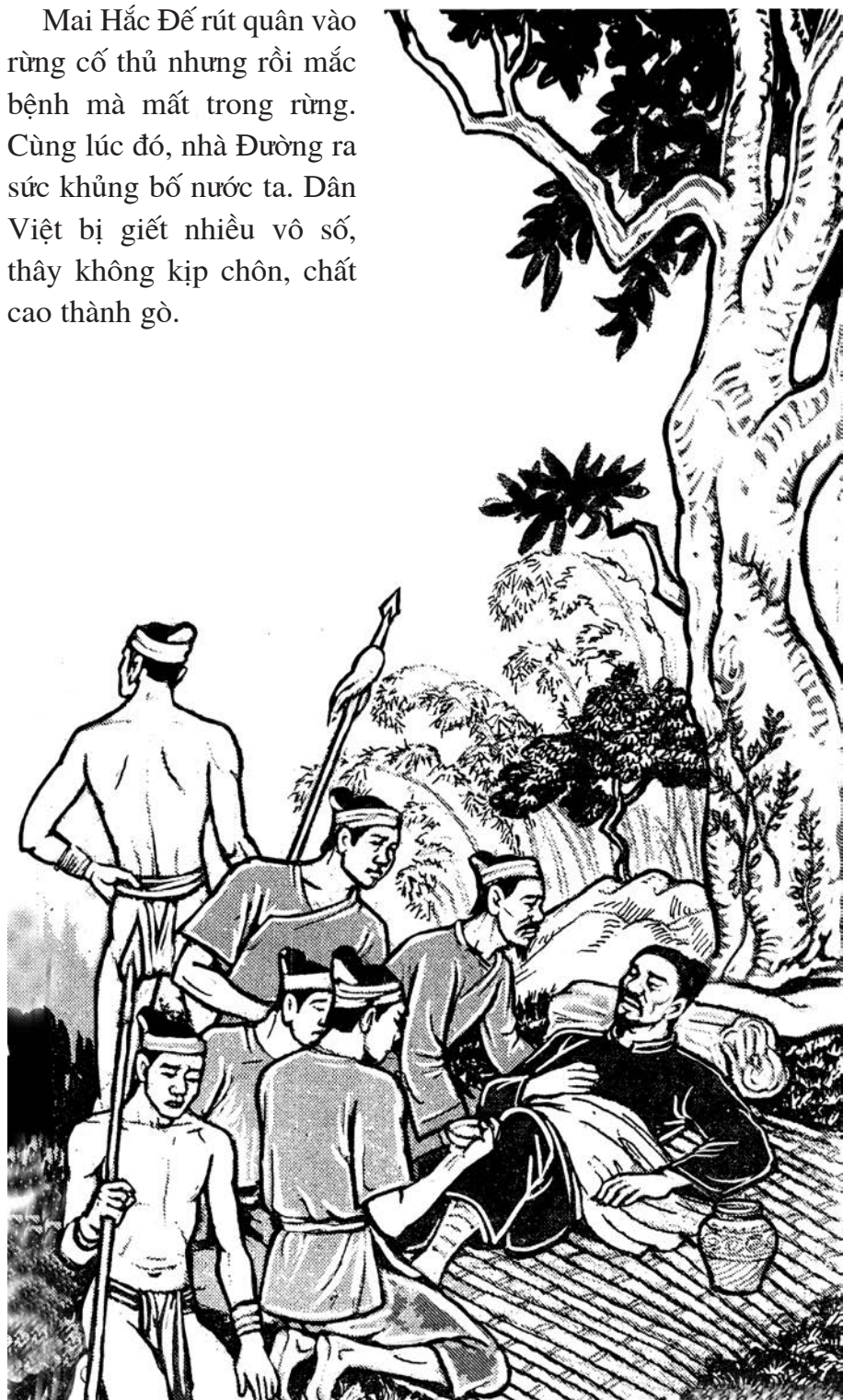
Khi quân đông đến hàng chục vạn, Mai Hắc Đế vây đánh thành Tống Bình. Quan Đô hộ Quang Sở Khách thua trận, phải chạy trốn. Giành được độc lập, Mai Hắc Đế tập trung xây dựng đất nước.





Thấy Quang Sở Khách thua trận, Đường Huyền Tông bèn sai Dương Tu Húc đem mười vạn quân tiến đánh Giao Châu. Khi Mai Hắc Đế còn chưa kịp phòng bị thì quân Đường đã đánh vào thành Tống Bình.

Mai Hắc Đế rút quân vào rừng cố thủ nhưng rồi mắc bệnh mà mất trong rừng. Cùng lúc đó, nhà Đường ra sức khủng bố nước ta. Dân Việt bị giết nhiều vô số, thây không kịp chôn, chất cao thành gò.



PHÙNG HƯNG



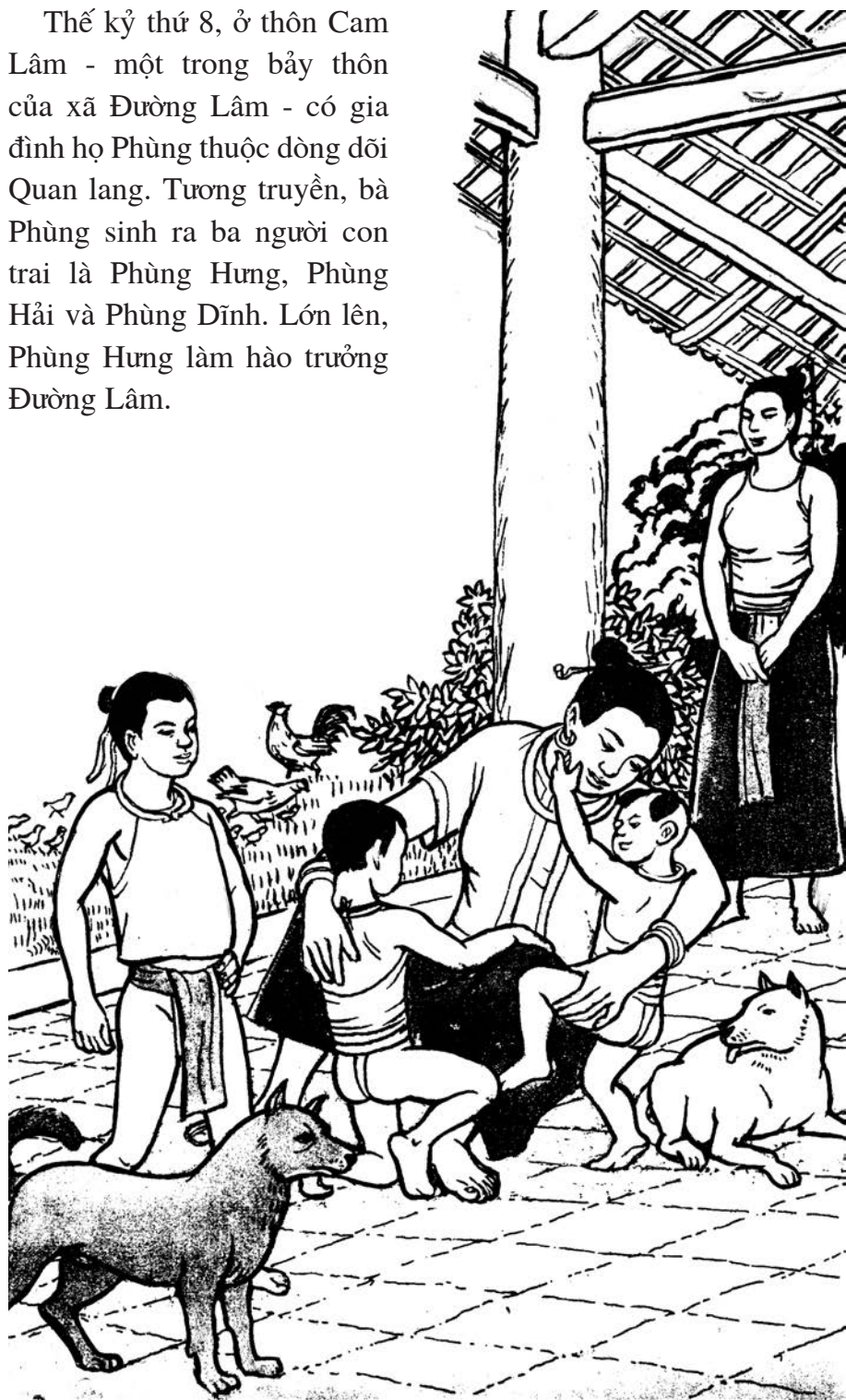
Đường Lâm (nay là xã Đường Lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội) là vùng đất cổ nằm bên hữu ngạn sông Hồng. Nơi đây từng là căn cứ nghĩa quân của bà Man Thiện - mẹ của Hai Bà Trưng.



Đường Lâm còn là quê hương của Chiêu Trung và Đỗ Lý - hai vị dũng tướng dưới thời Hai Bà Trưng, của Bố Cái Đại vương, của Ngô Quyền và của Thám hoa Giang Văn Minh. Vùng đất này mang dáng vẻ cổ kính với các công trình kiến trúc bằng đá ong, từ giếng làng đến cổng làng, từ cổng đình đến nhà thờ họ...



Thế kỷ thứ 8, ở thôn Cam Lâm - một trong bảy thôn của xã Đường Lâm - có gia đình họ Phùng thuộc dòng dõi Quan lang. Tương truyền, bà Phùng sinh ra ba người con trai là Phùng Hưng, Phùng Hải và Phùng Dĩnh. Lớn lên, Phùng Hưng làm hào trưởng Đường Lâm.

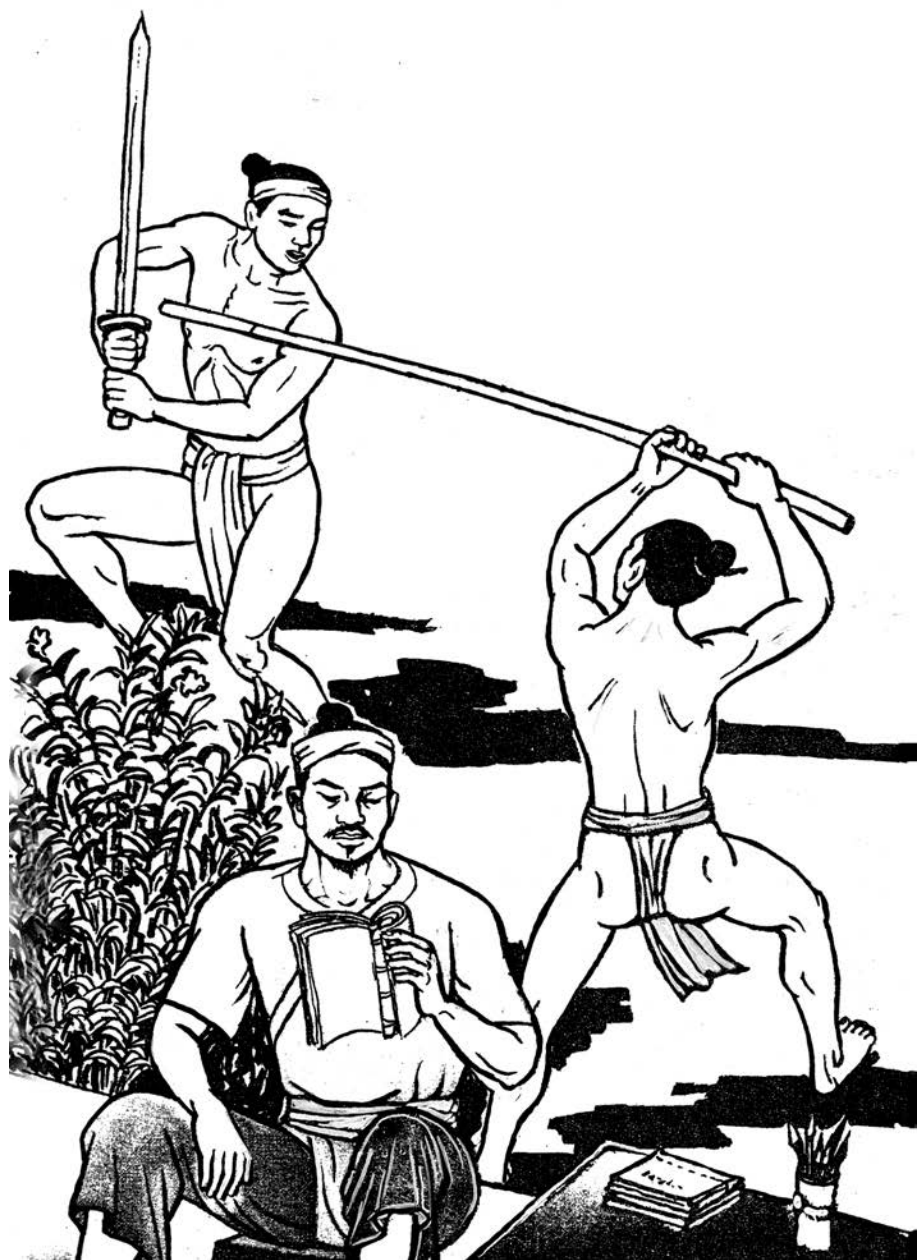






Cả ba anh em đều có sức khỏe hơn người. Phùng Hưng tay không đánh hổ. Phùng Hải vác đá nặng ngàn cân đi xa hơn mười dặm. Phùng Đình một mình vật ngã được cả mười chàng trai cường tráng.

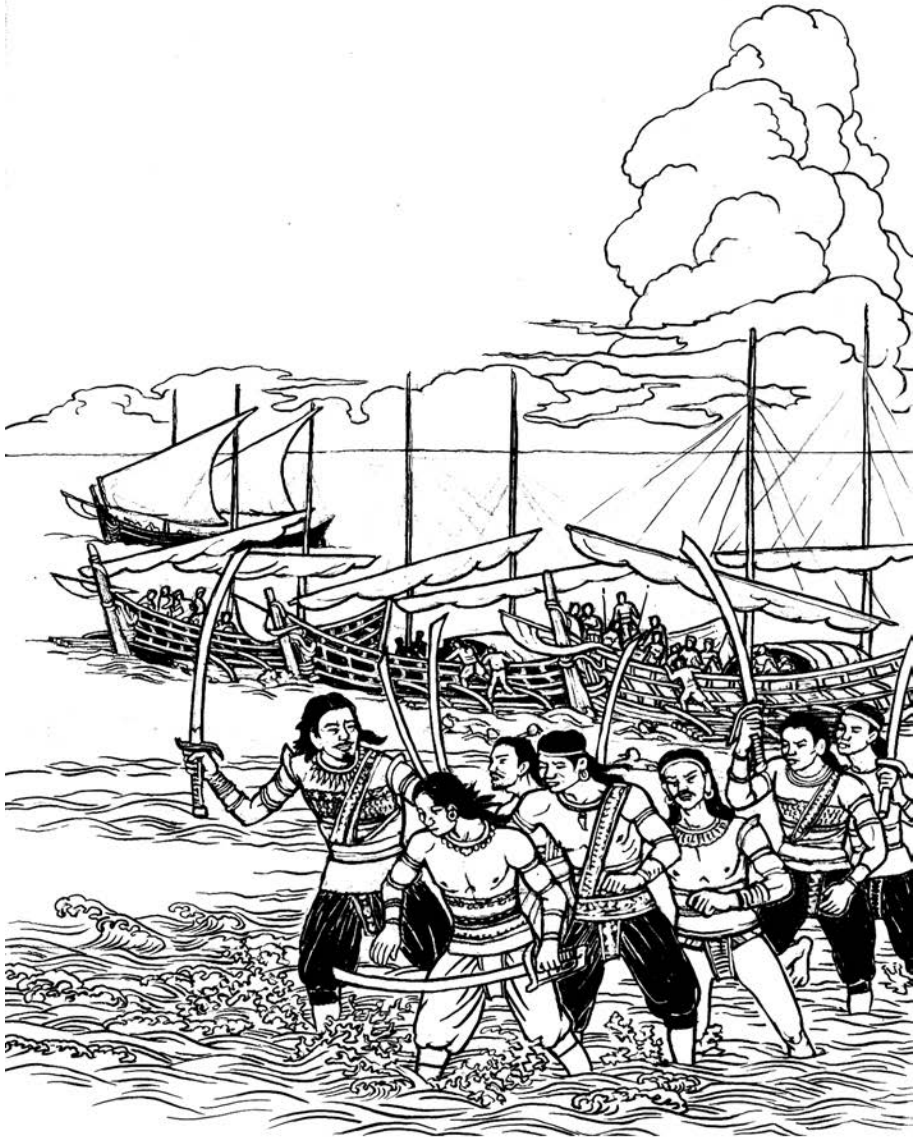
Không chỉ siêng năng học võ, cả ba anh em còn chăm chỉ đọc sách sử, sách binh thư. Họ thường hay đi đó đi đây tìm hiểu dân tình, kết giao hào kiệt.





Đi nhiều, biết nhiều, ba anh em họ Phùng càng cảm giận giặc đô hộ. Họ thường gặp gỡ những người cùng chí hướng bàn chuyện khởi nghĩa. Dần dần, tiếng thơm của ba anh em họ Phùng đã tỏa đến các vùng lân cận khiến nhiều người nể trọng.

Lúc này, nhà Đường đã suy yếu, nước Trung Hoa lâm vào cảnh loạn lạc, cát cứ. Nhân cơ hội đó, nước Trảo Oa (tức Java, thuộc Indonesia ngày nay) vào lấn cướp nước ta.

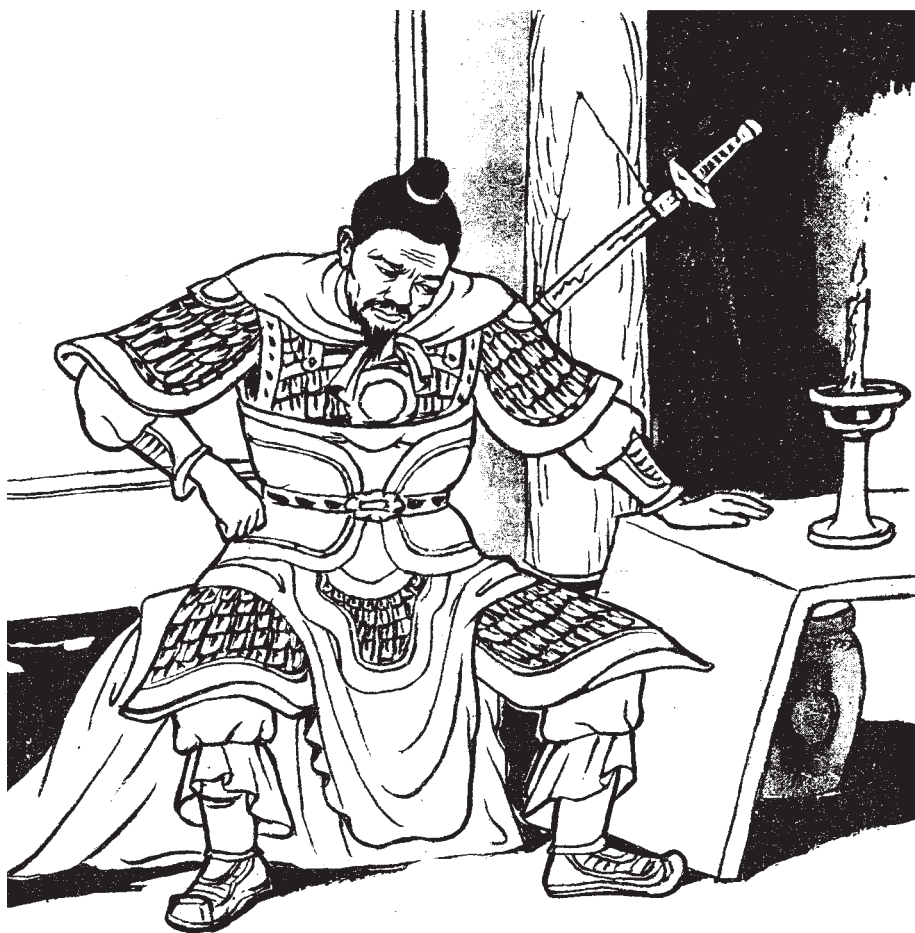


Quan đô hộ nước ta lúc bấy giờ là Trương Bá Nghi phải nhờ Đô úy quận Vũ Định - Cao Chính Bình giúp sức mới đuổi được giặc Trảo Oa. Sau đó, Cao Chính Bình lên thay Trương Bá Nghi làm An Nam đô hộ. Cao Chính Bình ra sức vơ vét của cải khiến trăm họ điêu đứng, lầm than.



Năm 767, họ Phùng phát cờ khởi nghĩa. Phùng Hưng đổi tên là Cự Lão, xưng là Đô Quân; Phùng Hải đổi tên là Cự Lực, xưng là Đô Bảo; Phùng Dĩnh xưng là Đô Tổng. Họ đặt đại bản doanh tại Đường Lâm rồi đem quân đi thu phục các miền lân cận. Chẳng mấy chốc, họ đã làm chủ vùng trung du và miền núi Bắc bộ.





Cao Chính Bình nhiều lần đem quân tiến đánh Đường Lâm nhưng đều thất trận. Trong khi Chính Bình đang bối rối thì anh em Phùng Hưng ngày đêm thao luyện quân sĩ, chuẩn bị đánh thành Tống Bình.

Khi nghĩa quân đã mạnh hơn,
Phùng Hưng khởi binh đánh
thành Tống Bình. Cao Chính
Bình ra sức cố thủ nên Phùng
Hưng không hạ được thành.





Trong lực lượng nghĩa quân có Đỗ Anh Hàn là người gốc Đường Lâm. Thấy không hạ được thành, Đỗ Anh Hàn đến gặp Phùng Hưng hiến kế bao vây, cắt đường tiếp tế của thành Tống Bình.



Phùng Hưng lập tức cho quân vây thành, chặn mọi nẻo đường tiếp tế lương thực của quan đô hộ nhà Đường. Nghĩa quân lại đóng thành hàng hàng lớp lớp khiến Cao Chính Bình sợ đến run người.



Để uy hiếp tinh thần giặc, Phùng Hưng cho quân đốt lửa, khuếch trương, đánh trống vang trời, reo hò không ngớt. Quân của Cao Chính Bình hoang mang, mệt mỏi vì lúc nào cũng phải sẵn sàng chiến đấu. Riêng Cao Chính Bình thì hoảng sợ đến mất ăn mất ngủ.



Phùng Hưng còn cho quân đi khắp nơi thông báo là sắp lấy được thành Tống Bình. Đi đến đâu người dân theo đến đấy, quan lại nhà Đường không dám đem quân trợ giúp khiến Cao Chính Bình ngày càng bị cô lập.





Tương truyền, khi thành bị vây khốn, Chính Bình thường gặp ác mộng khiến hấn sợ hãi mà chết. Chủ tướng chết, quân sĩ mở cửa thành quy hàng, mong được giữ lại mạng sống.

Phùng Hưng kéo quân vào thành Tống Bình rồi cho người đi chiêu an mọi nơi. Phùng Hưng lập Phùng Hải làm Thái úy và giao các chức vụ quan trọng cho người có tài; khuyến khích làm ruộng hai mùa để có đủ lương thực cho cả nước.

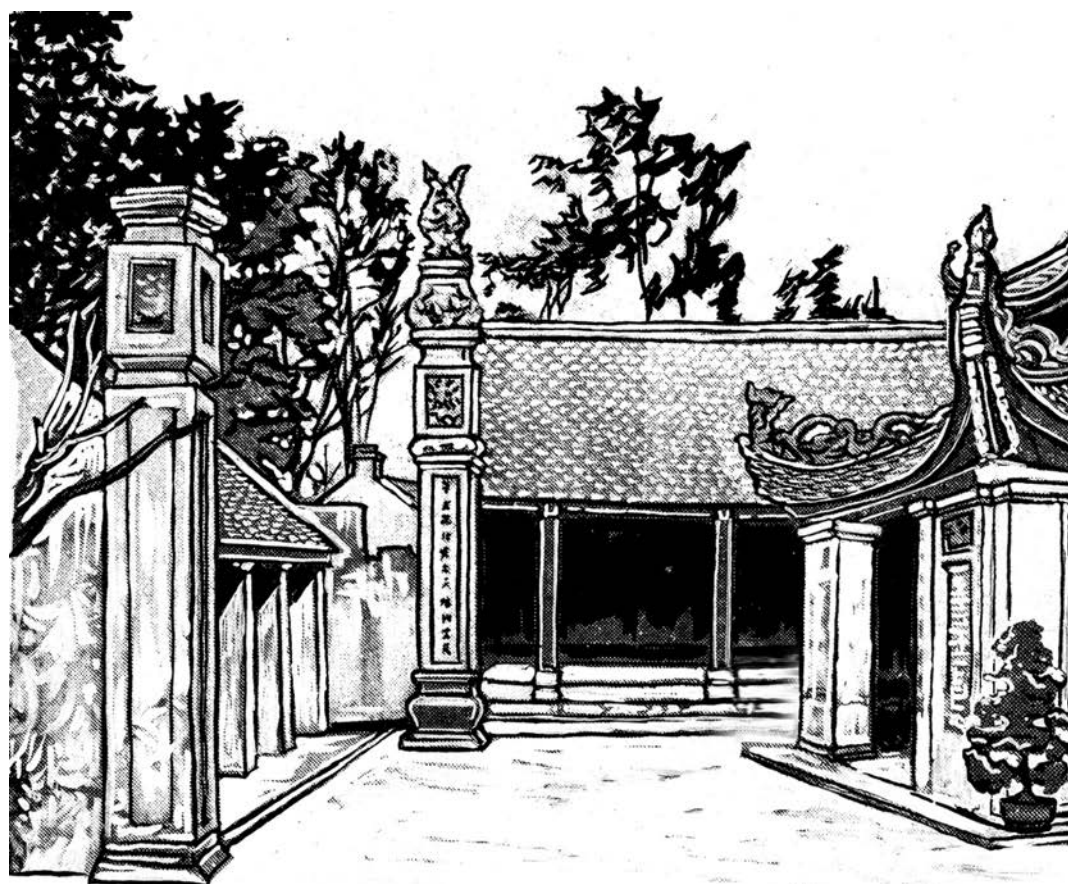


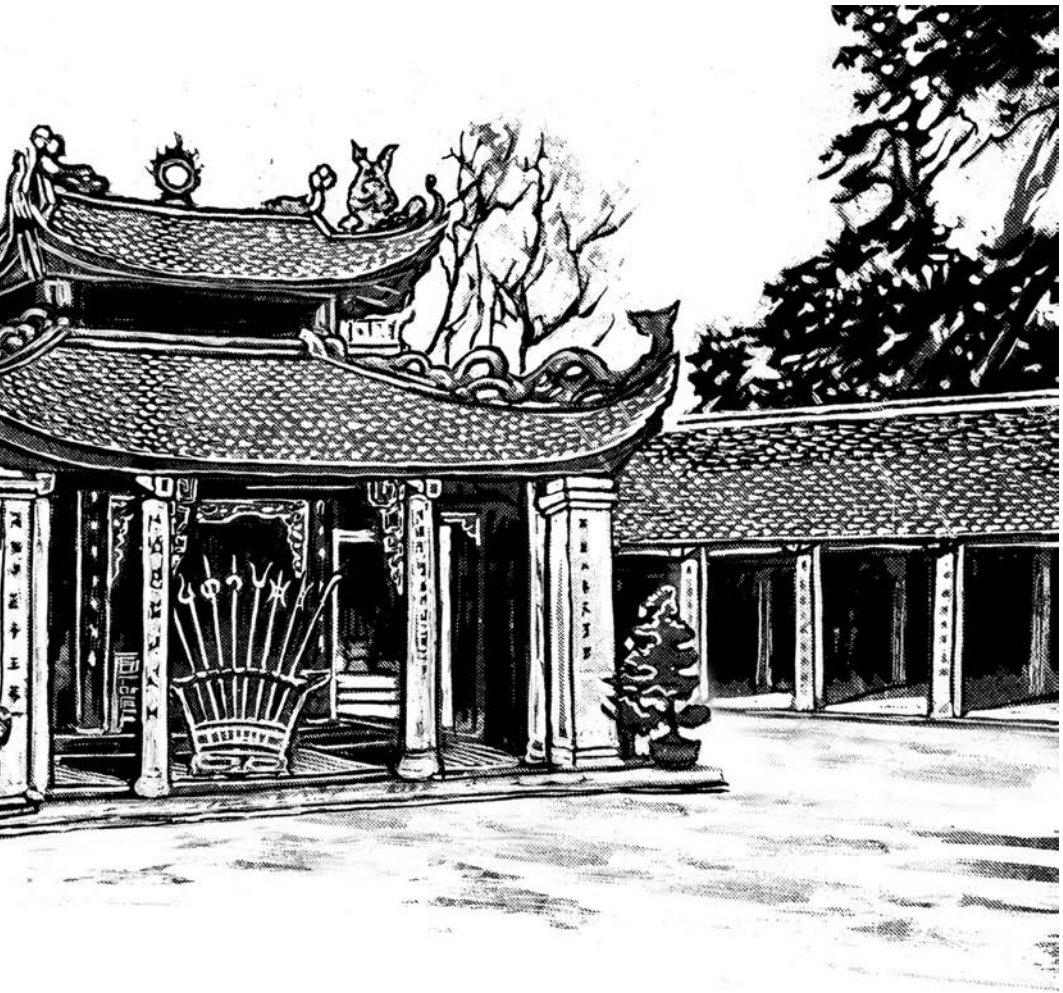
Trong các tướng của Phùng Hưng, Bồ Phá Lạc là người có sức khỏe phi thường. Tương truyền, Bồ Phá Lạc có thể một tay nhấc vạc đồng nặng ngàn cân. Bồ Phá Lạc cũng hết mình giúp đỡ Phùng Hưng đánh giặc và giữ nước. Nhờ có tướng giỏi, anh em đoàn kết, Phùng Hưng trị vì đất nước trong thanh bình.



Phùng Hưng trị vì đất nước được bảy năm thì mất. Dân chúng vô cùng thương tiếc, tôn ông là Bố Cái Đại vương. “Bố” có nghĩa là cha và “Cái” có nghĩa là mẹ, hàm ý rằng công lao của Phùng Hưng đối với đất nước ví như công ơn của cha mẹ đối với con cái.







Khi Phùng Hưng mất, người dân nhiều nơi thờ ông như ở đình Kim Mã (Hà Nội), đình Quảng Bá (Hà Nội)... Đặc biệt ở làng Triều Khúc (tên Nôm là làng Kẻ Đor, quận Thanh Xuân, Hà Nội) thờ ông làm Thành hoàng và đình thờ ông được gọi là đình Lớn.



Hậu cung đền thờ Phùng Hưng ở Đường Lâm.

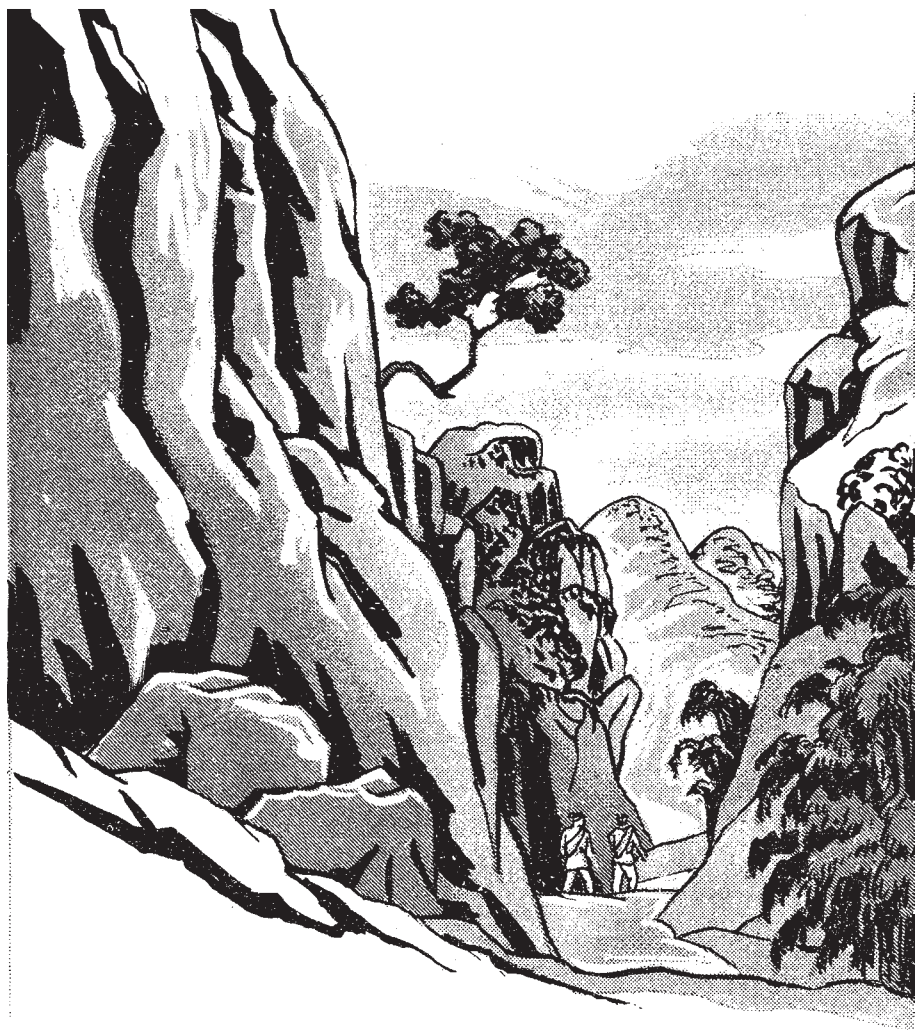
Dân chúng Đường Lâm cũng lập đền thờ ông ngay tại thôn Cam Lâm. Đền tuy nhỏ nhưng có kiến trúc rất tinh xảo và mang dáng vẻ cổ kính.

Sau khi Phùng Hưng mất, trong triều đình bắt đầu xuất hiện mâu thuẫn. Phùng Hải được trăm họ kỳ vọng sẽ lên kế vị Phùng Hưng mà lo cho dân, cho nước.



Còn tướng Bồ Phá Lạc lại muốn đưa Phùng An - con của Phùng Hưng - lên nối nghiệp. Triều đình chia làm hai phe, một bên ủng hộ Phùng Hải, một bên ủng hộ Phùng An. Khi mọi việc chưa ngã ngũ thì Bồ Phá Lạc đã đem quân đi trấn áp Phùng Hải, đưa Phùng An lên ngôi.





Phùng Hải không muốn gây cảnh “nồi da nấu thịt” nên để cháu lên ngôi. Nhưng Bố Phá Lạc vẫn năm lần bảy lượt muốn đem quân đánh Phùng Hải. Để tránh cảnh chiến tranh, Phùng Hải cùng Phùng Dĩnh lui về Nham Động rồi sau đó đi đâu không ai biết.

Phùng An lên ngôi được hai năm thì nhà Đường phong Triệu Xương làm An Nam đô hộ, sai cầm quân đánh dẹp Phùng An.



Triệu Xương cho người đến chiêu dụ rằng nếu Phùng An chịu đầu hàng thì sẽ được tha chết còn nếu không sẽ làm cỏ cả xứ Giao Châu. Hắn còn lập một đạo quân thiện chiến mang tên Nhu viễn quân, cho thẳng tay đánh giết khắp cõi Giao Châu.



Tháng 5 năm Tân Mùi (791), Phùng An đầu hàng nhà Đường. Những người tâm huyết với họ Phùng đi tìm kiếm anh em Phùng Hải và Phùng Dĩnh mong nối lại nghiệp lớn nhưng không gặp, sau rồi họ cũng phân tán hết. Xứ Giao Châu lại bị nhà Đường đô hộ một lần nữa.



**KHÚC THỪA DỤ
KHÚC HẠO
KHÚC THỪA MỸ**



Sau khi Phùng An đầu hàng, người dân Việt đã nhiều lần nổi lên chống nhà Đường nhưng không thành công. Trong đó, có cuộc nổi dậy của Dương Thanh - một hào trưởng ở Hoan châu - là lớn nhất. Năm 819, Dương Thanh chiếm được La thành (thành Tống Bình) nhưng sau thua trận, bị nhà Đường tru di ba họ.



Lúc này nhà Đường đã bước vào suy vong. Các vị hoàng đế nhà Đường chỉ tin dùng bọn hoạn quan, các văn thần, võ tướng bị cô lập. Dần dần, bọn hoạn quan nắm hết mọi quyền hành trong triều.





Thậm chí, việc các vị vua Đường Hiến Tông, Đường Mục Tông, Đường Kính Tông, Đường Văn Tông... được lên ngôi đều do hoạn quan quyết định. Bấy giờ, có những tên hoạn quan còn coi vua Đường chỉ là... học trò của mình mà thôi.

Lúc này, ở Trung Quốc, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổi lên. Lớn nhất là cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào. Hoàng Sào chiếm được kinh đô nhà Đường, tự xưng là hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Tề. Vua Lý Huyền (tức Đường Hy Tông) cho gọi Lý Khắc Dụng đem quân về cứu nguy. Lý Khắc Dụng đánh lui được quân của Hoàng Sào nhưng lại trở thành kẻ lộng quyền, ức hiếp vua Đường.



Vua Đường lại triệu Tiết độ sứ Chu Toàn Trung đem quân đánh Lý Khắc Dụng. Chu Toàn Trung đánh bại Lý Khắc Dụng rồi về kinh đô giết bọn hoạn quan lũng đoạn triều đình. Dẹp được loạn, Chu Toàn Trung ép vua Lý Diệp (tức Đường Chiêu Tông) phải phong cho mình tước Lương vương.



Một thời gian sau, Chu Toàn Trung giết Lý Diệp, đưa Lý Chúc lên ngôi (tức Đường Ai Đế) và tự nhận mình là Tể tướng. Toàn Trung ép Đường Tuyên Đế phong cho anh ruột là Chu Toàn Dục chức Tĩnh Hải Tiết độ sứ - chức quan đô hộ cao nhất ở nước ta lúc bấy giờ - thay cho Tăng Cỗn.

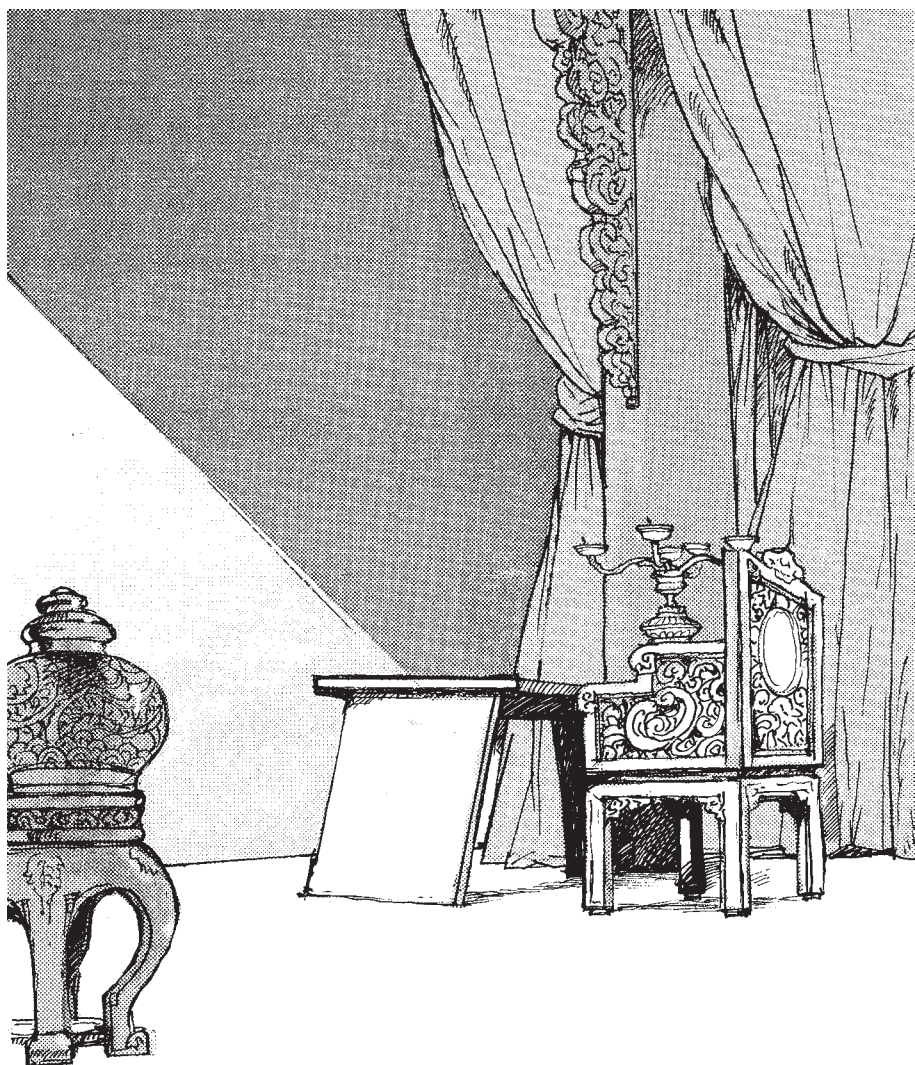




Chu Toàn Dục thẳng tay vợ vết khiến dân ta vô cùng khổ sở. Ai làm trái ý, Chu Toàn Dục cũng tổng giam rồi hành quyết mà không xét xử. Những việc đó khiến Toàn Trung phải xin vua Đường... bái chúc anh mình.

Bãi chức Chu Toàn Dục, nhà Đường cử Độc Cô Tổn làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ. Độc Cô Tổn vốn là Tể tướng triều Đường nhưng vì mâu thuẫn với Chu Toàn Trung nên bị đày ra miền biên viễn.





Hai tháng sau, Độc Cô Tổn lại bị đẩy qua đảo Hải Nam - một hòn đảo hoang vắng trên biển Đông. Khi Độc Cô Tổn bị đẩy sang đảo Hải Nam cũng là lúc Chu Toàn Trung chuẩn bị cướp ngôi nhà Đường. Vì lẽ đó, Toàn Trung không cử ai làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ nữa.

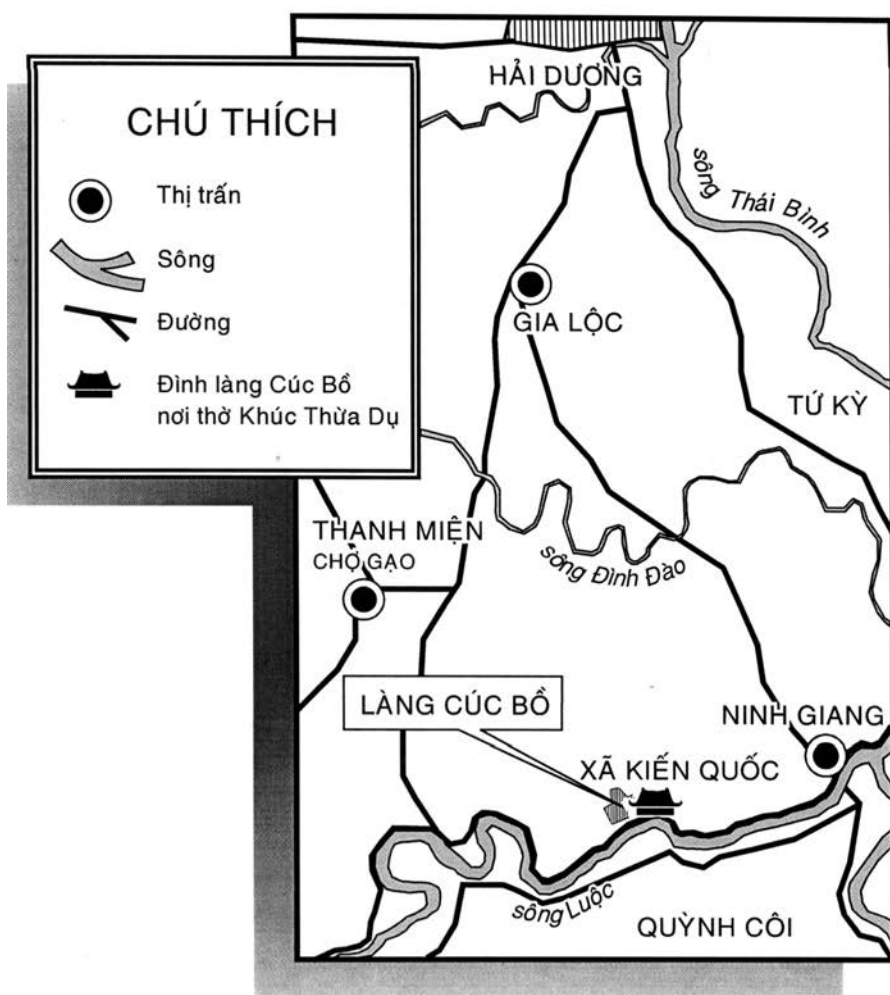
Một khoảng trống hết sức thuận lợi cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta đã xuất hiện. Tình thế lúc này, chỉ cần một người khéo ứng xử là có thể đem lại thành quả mà tất cả các cuộc khởi nghĩa trước đó không giành được.





Và người đã tận dụng được cơ hội ngàn vàng là Khúc Thừa Dụ. Ông là người đặt nền móng cho kỷ nguyên độc lập tự chủ của nước nhà. Năm 905, Khúc Thừa Dụ bắt đầu đi vào lịch sử nước ta.

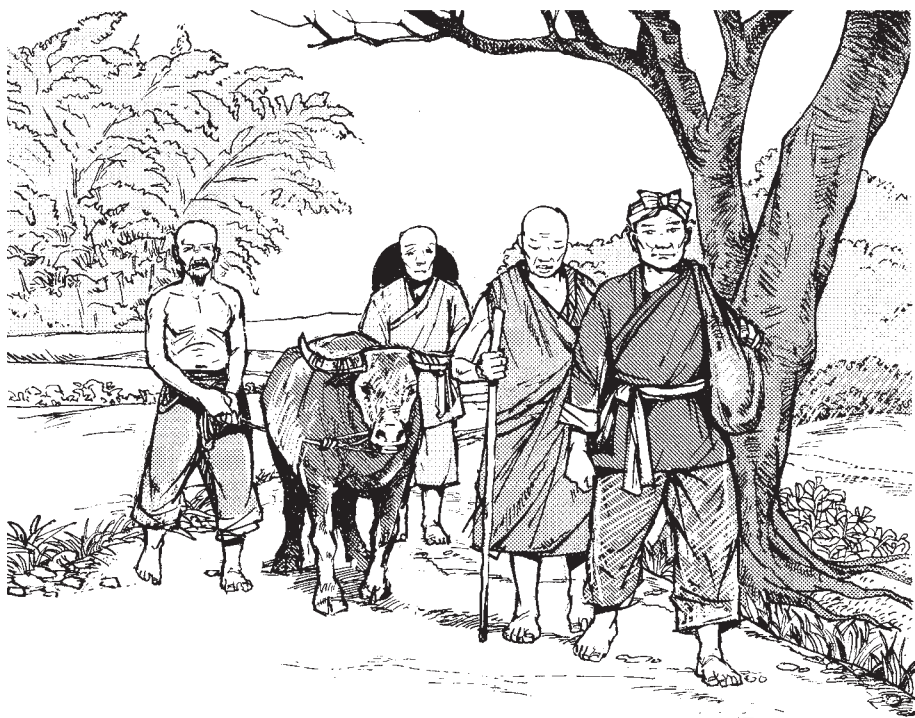




Khúc Thừa Dụ quê ở Hồng Châu (xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương). Khúc Thừa Dụ sinh vào khoảng năm 860. Theo sử gia Ngô Thì Sĩ thì họ Khúc là một đại cự tộc “đất ruộng mênh mông, tôi tớ nhiều vô kể”. Khúc Thừa Dụ là một hào trưởng được nhân dân tin phục.

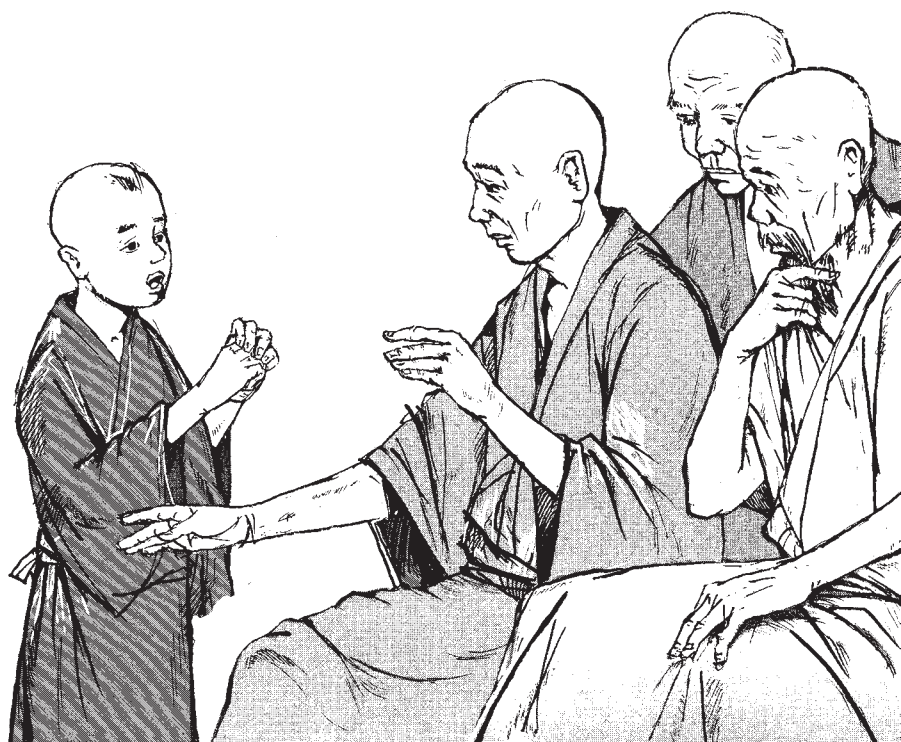


Các bộ chính sử không ghi chép gì về tuổi thơ Khúc Thừa Dụ nhưng bộ dã sử *Bán đại văn* (nửa đời nghe) có chép hai mẩu chuyện về quãng đời này của ông. Chuyện thứ nhất kể rằng, thời ấy, dân Hồng châu đã có tục chọi trâu. Làng nào có trâu thắng cuộc thì vinh dự lắm nên ai cũng chăm chút cho trâu làng mình. Họ còn lòng mua trâu chọi ở những miền rất xa.

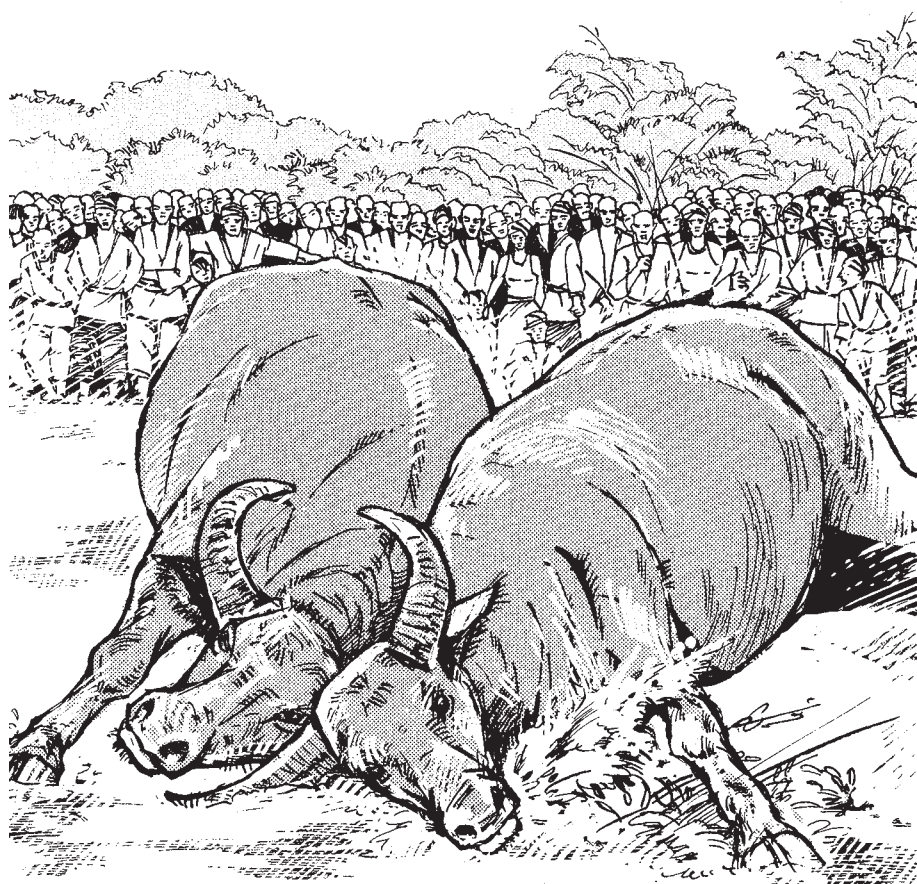


Làng của Khúc Thừa Dụ chưa năm nào giết nổi giải nhất. Dân làng gom tiền đi mua những con trâu thật to, thật khỏe nhưng kết quả cũng chẳng khá hơn.

Thấy làng mình năm nào cũng thua cuộc, Khúc Thừa Dụ, lúc đó mới lên mười, bèn thưa với cha và các bậc chức sắc rằng: “Năm nay làng mình chẳng cần tốn công của đi mua trâu tốt làm gì ạ! Mấy con trâu chọi năm ngoái đã quá đủ để thắng cuộc rồi!”.

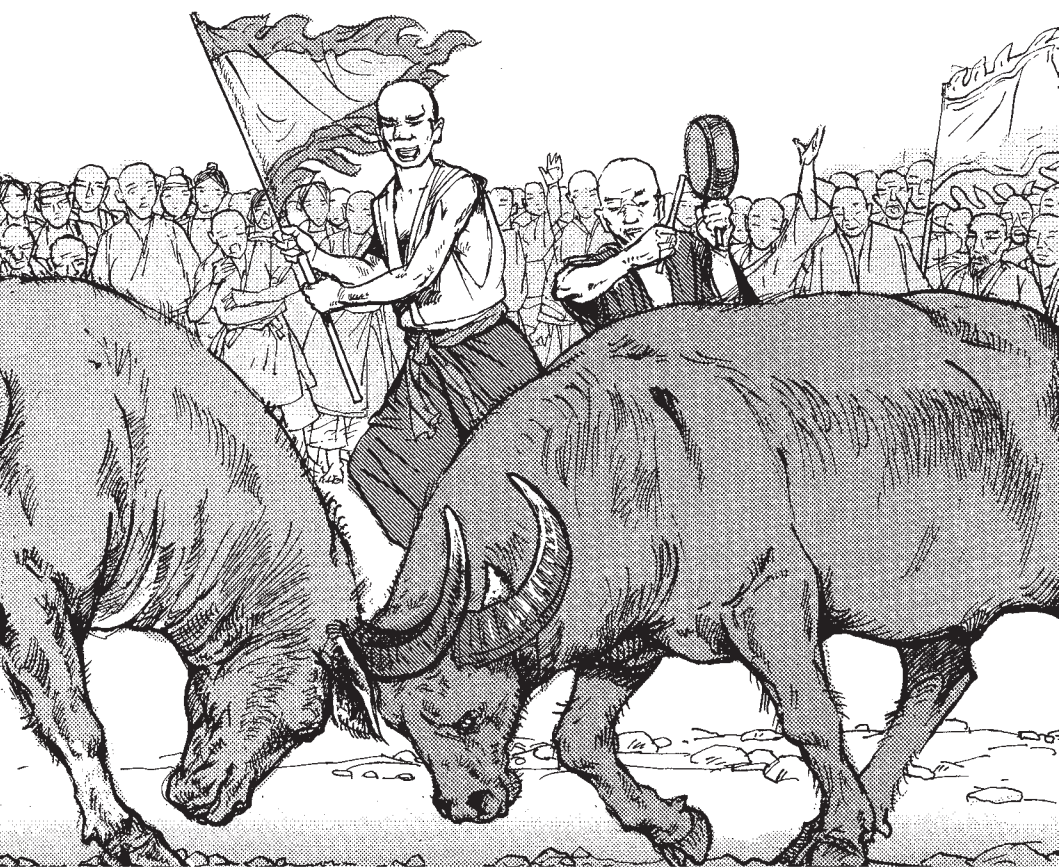


“Năm nào mỗi làng cũng đem đến ba con trâu nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng. Trâu ở đẳng nào thì chọi ở hạng ấy. Nay nếu lấy trâu nhất đẳng của làng ta chọi với trâu nhất đẳng của làng bên thì trâu làng ta thua, trâu nhị đẳng và trâu tam đẳng cũng vậy...”.





“... Nhưng trâu nhất đẳng của làng ta lại thắng trâu nhị đẳng của làng bên, trâu nhị đẳng của làng ta thắng trâu tam đẳng của làng bên. Vậy ta lấy trâu tam đẳng của ta chọi với trâu nhất đẳng của làng bên, dĩ nhiên ta thua. Sau đó, ta lấy trâu nhất đẳng của làng ta chọi với trâu nhị đẳng của làng bên, lấy trâu nhị đẳng của làng ta chọi với trâu tam đẳng của làng bên. Hai trận sau ta thắng, rốt cuộc ta thắng”.



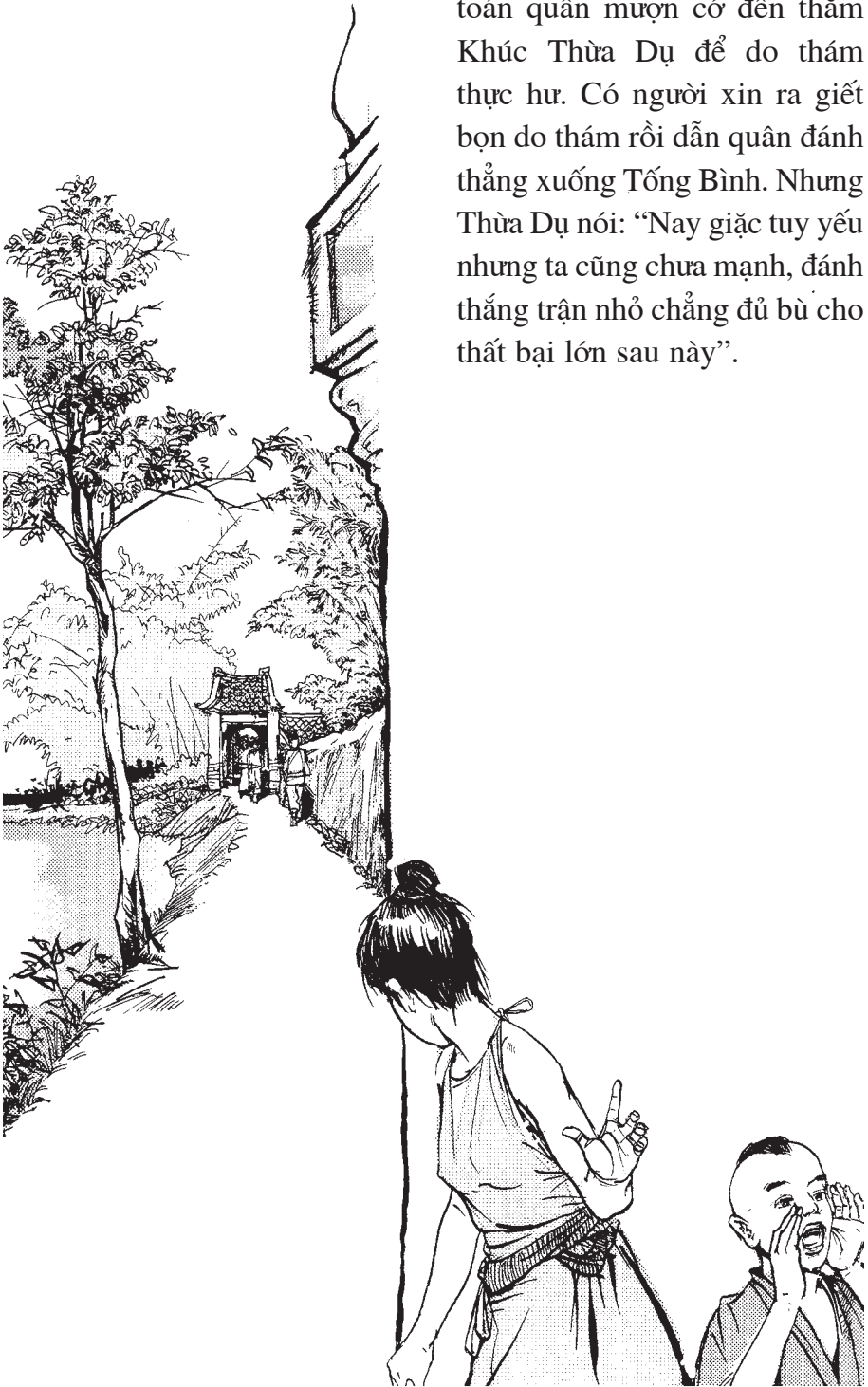
Ai cũng khen đó là diệu kế. Và năm ấy, trâu của làng Khúc Thừa Dụ giết giải. Sau chuyện này, ai cũng tin rằng Khúc Thừa Dụ sẽ lập nên công danh sự nghiệp khiến trăm họ được nhờ.





Chuyện thứ hai kể rằng, bấy giờ, Khúc Thừa Dụ đã là một hào trưởng. Ông mở cửa chiêu nạp hào kiệt, tráng sĩ bốn phương, nhận làm là gia khách để che mắt bọn quan lại nhà Đường, chuẩn bị khởi nghĩa.

Giặc biết chuyện, sai một toán quân mượn cớ đến thăm Khúc Thừa Dụ để do thám thực hư. Có người xin ra giết bọn do thám rồi dẫn quân đánh thẳng xuống Tống Bình. Nhưng Thừa Dụ nói: “Nay giặc tuy yếu nhưng ta cũng chưa mạnh, đánh thắng trận nhỏ chẳng đủ bù cho thất bại lớn sau này”.



Rồi Khúc Thừa Dụ sai người giã ớt hiểm, trộn với muối, bỏ vào một túi vải và đem cột chặt vào hạ bộ mấy con trâu chọi. Sau đó, ông sai người dẫn trâu ra đầu đoạn đường hẹp chờ sẵn.



Khi bọn giặc đến giữa đoạn đường hẹp, ông cho dội nước sôi vào túi muối ớt khiến trâu lồng lên, chạy thục mạng, gặp ai cũng húc. Bị bất ngờ, bọn lính hoảng sợ bỏ chạy. Có kẻ chậm chân, bị trâu húc chết. Bọn lính chạy mất dạng, Khúc Thừa Dụ cho người nhặt xác giặc đem về dinh đô hộ, lại tỏ vẻ xót thương khiến giặc không trách cứ gì được.



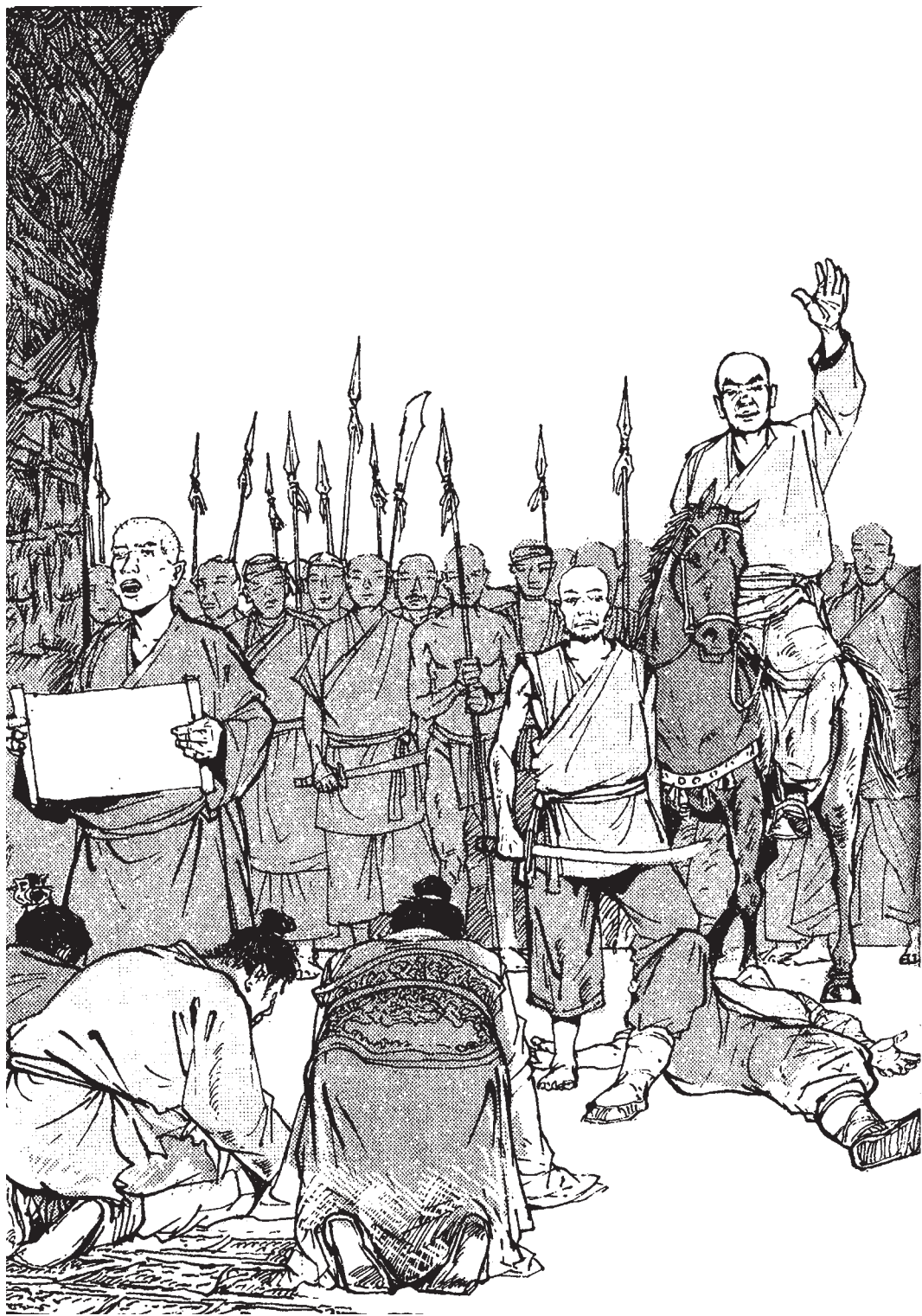




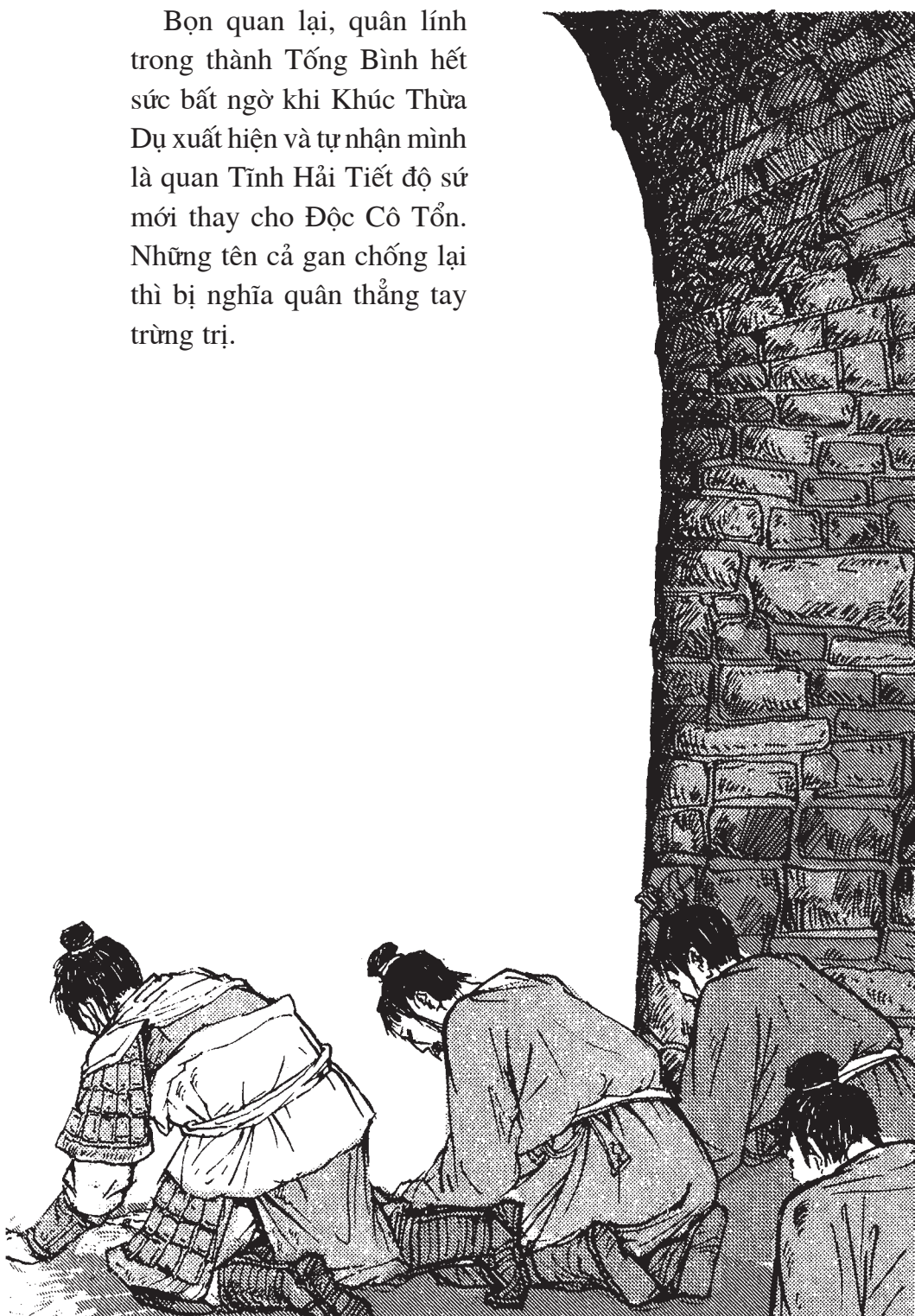
Năm 905, sau khi Độc Cô Tồn bị đẩy ra đảo Hải Nam, chức Tĩnh Hải Tiết độ sứ bị bỏ trống, Khúc Thừa Dụ bèn đem quân đến thành Tống Bình. Bấy giờ, chính quyền đô hộ nhà Đường đã suy yếu còn “thiên triều” thì không thể đưa quân sang nước ta ứng cứu.

Khúc Thừa Dụ căn dặn nghĩa sĩ rằng khi vào thành, kẻ nào dám chống cự thì quyết không tha nhưng những tên sớm biết quy phục thì tha mạng cho chúng, không ai được trái lệnh.

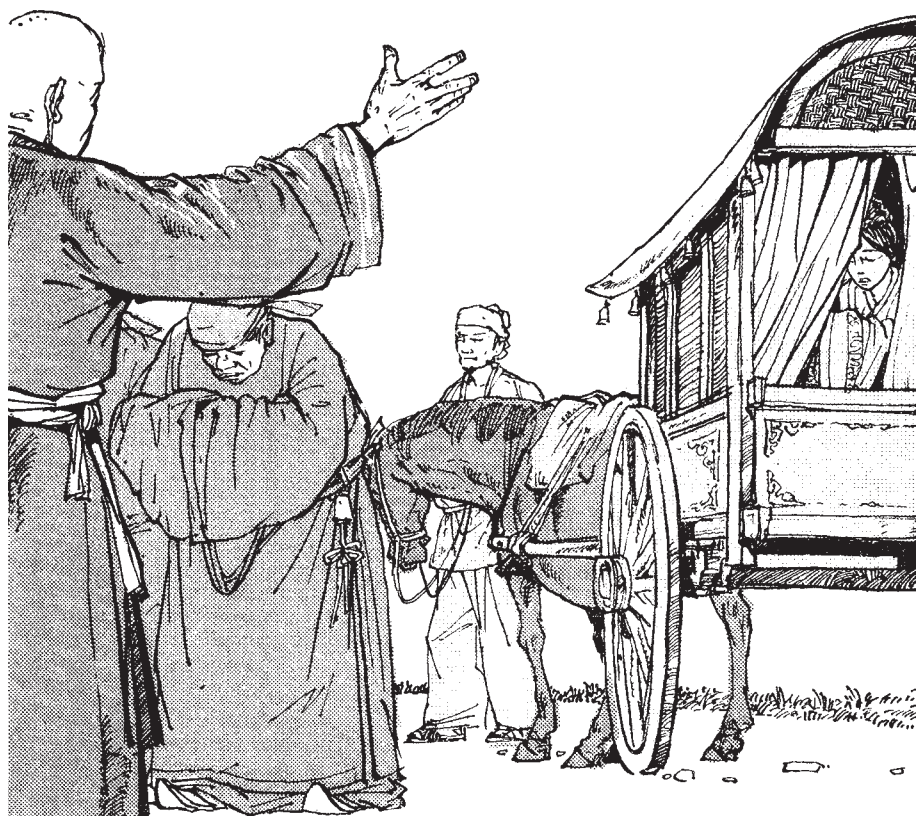




Bọn quan lại, quân lính trong thành Tống Bình hết sức bất ngờ khi Khúc Thừa Dụ xuất hiện và tự nhận mình là quan Tĩnh Hải Tiết độ sứ mới thay cho Độc Cô Tổn. Những tên cả gan chống lại thì bị nghĩa quân thẳng tay trừng trị.



Mất thành Tống Bình, chính quyền đô hộ ở các địa phương lần lượt tan rã. Khúc Thừa Dụ cho phép quan quân nhà Đường được trở về Trung Quốc còn những người Việt bị ép đi lính thì được về quê sinh sống.

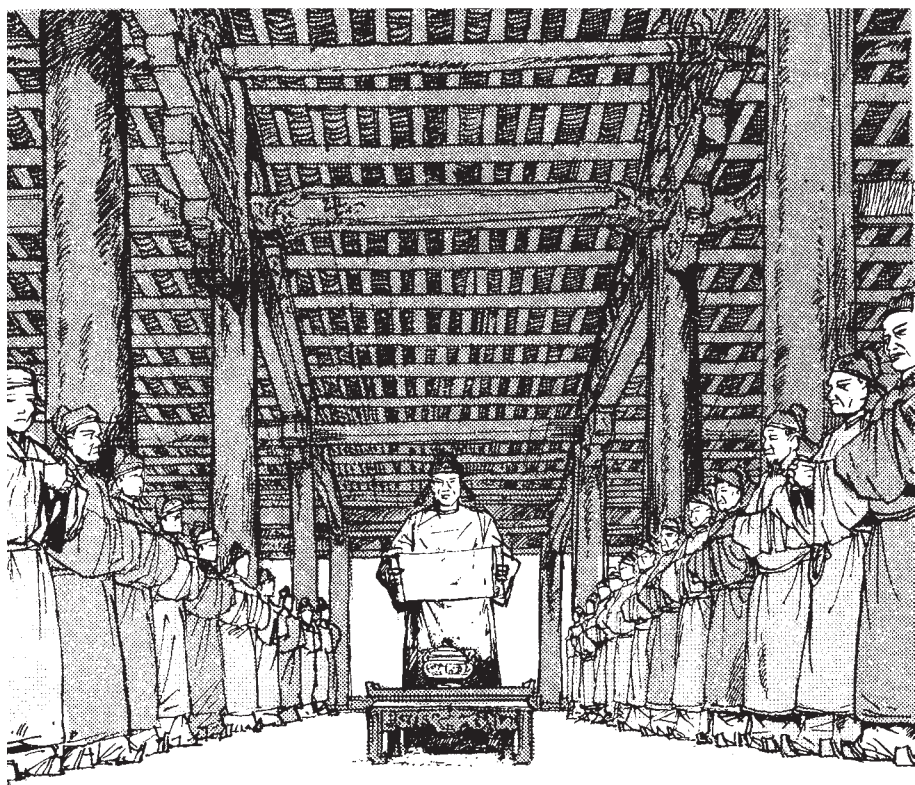


Khúc Thừa Dụ nhanh chóng
cất đặt quan lại người Việt nắm
giữ những chức vụ quan trọng.
Toàn bộ hệ thống chính quyền ở
khắp các địa phương được thay
đổi. Một cơ đồ độc lập, tự chủ
được xây dựng.

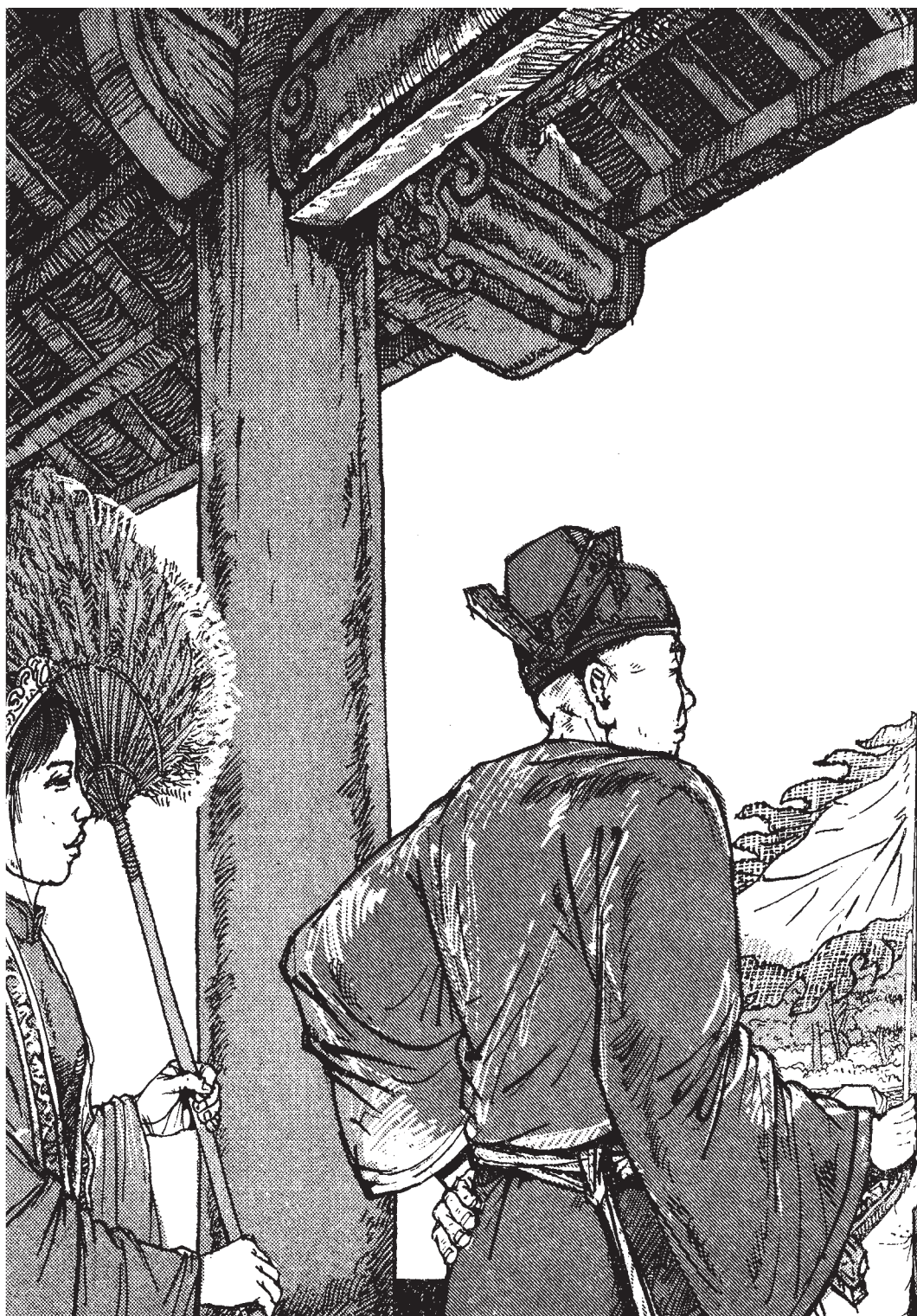


Có người khuyên Khúc Thừa Dụ nên xưng đế, đặt quốc hiệu, niên hiệu để rửa mối nhục ngàn năm mất nước. Nhưng Khúc Thừa Dụ chối từ vì cho rằng điều quan trọng nhất là giữ cho được cơ đồ của tổ tiên chứ: “Xưng đế để rồi gây nguy hại cho cơ đồ thì phỏng có ích gì?”.

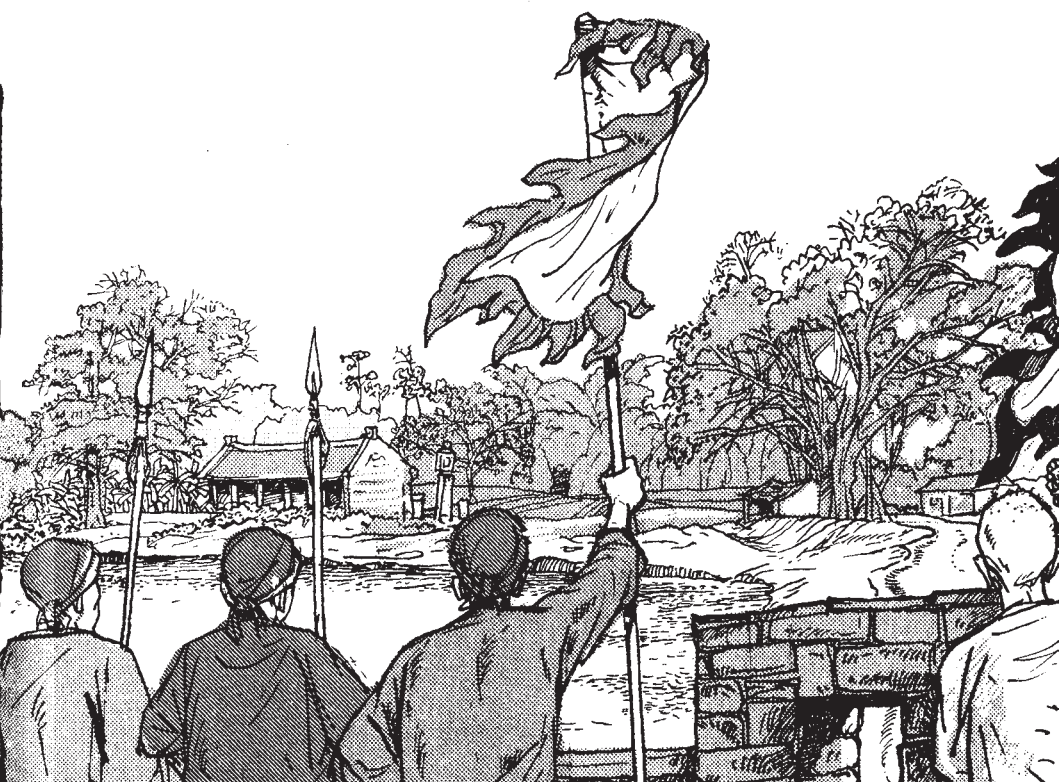


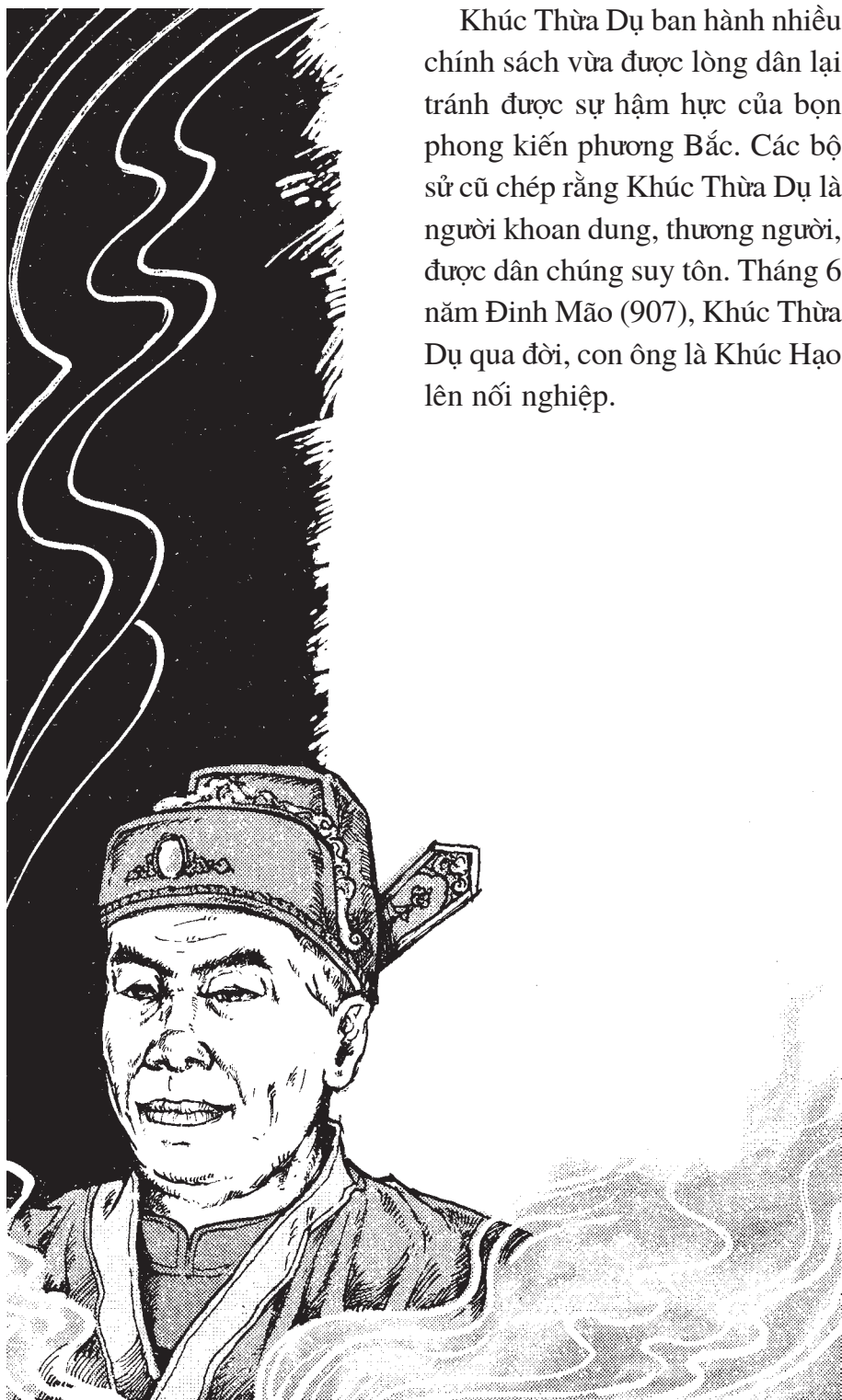


Trước việc đã rồi, tháng Giêng năm Bính Dần (906), nhà Đường buộc phải phong Khúc Thừa Dụ làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ, Đồng bình chương sự. Tĩnh Hải Tiết độ sứ là chức quan đô hộ cao nhất ở nước ta còn Đồng bình chương sự cho phép Khúc Thừa Dụ thay mặt “thiên triều” quyết định mọi việc.



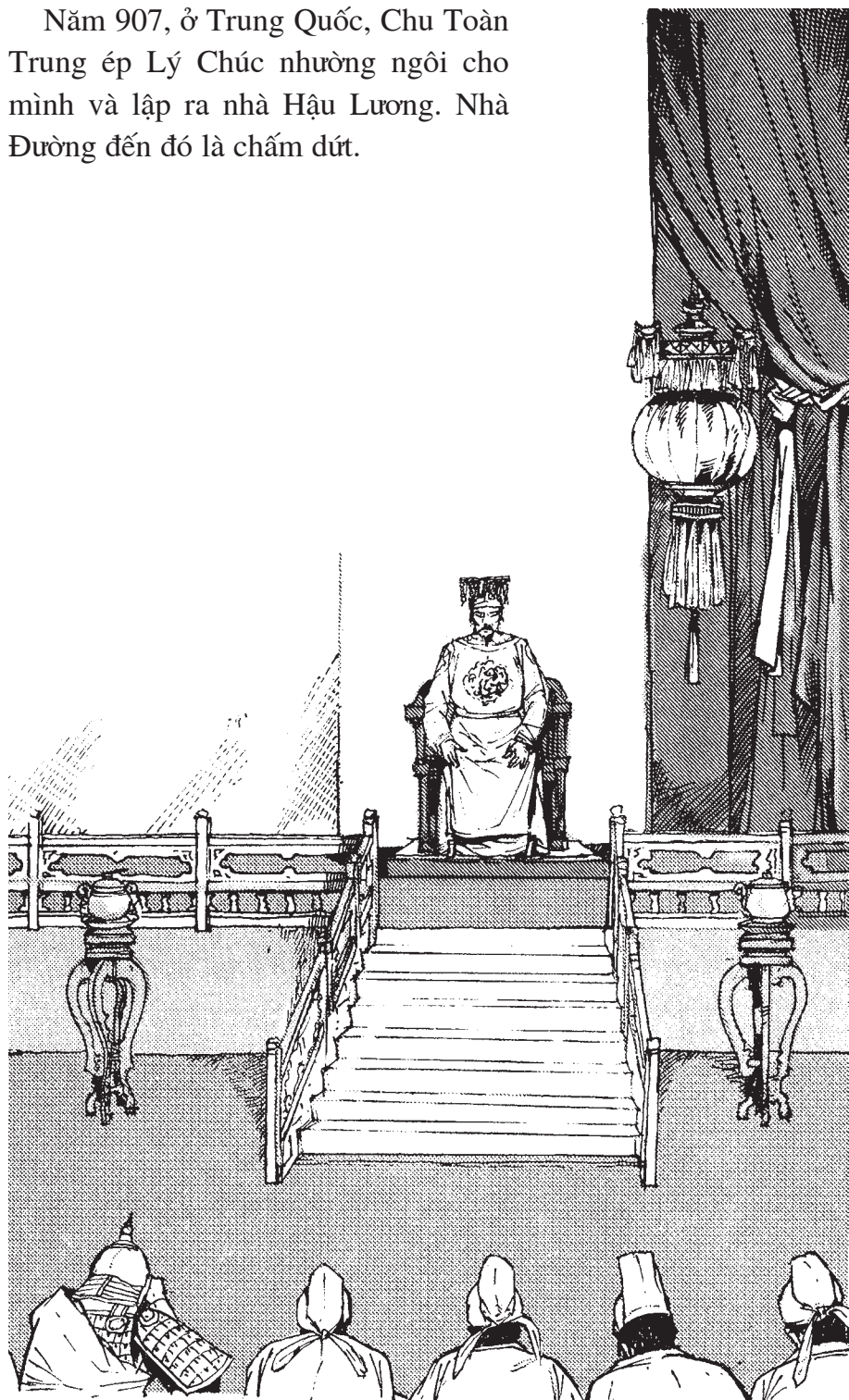
Vậy là dù chưa đặt quốc hiệu hay niên hiệu, chưa xưng đế hay xưng vương, thậm chí trên danh nghĩa, Khúc Thừa Dụ vẫn tự coi mình là một viên quan của nhà Đường nhưng ông đã là người đặt viên đá đầu tiên cho kỷ nguyên độc lập, tự chủ của nước nhà.



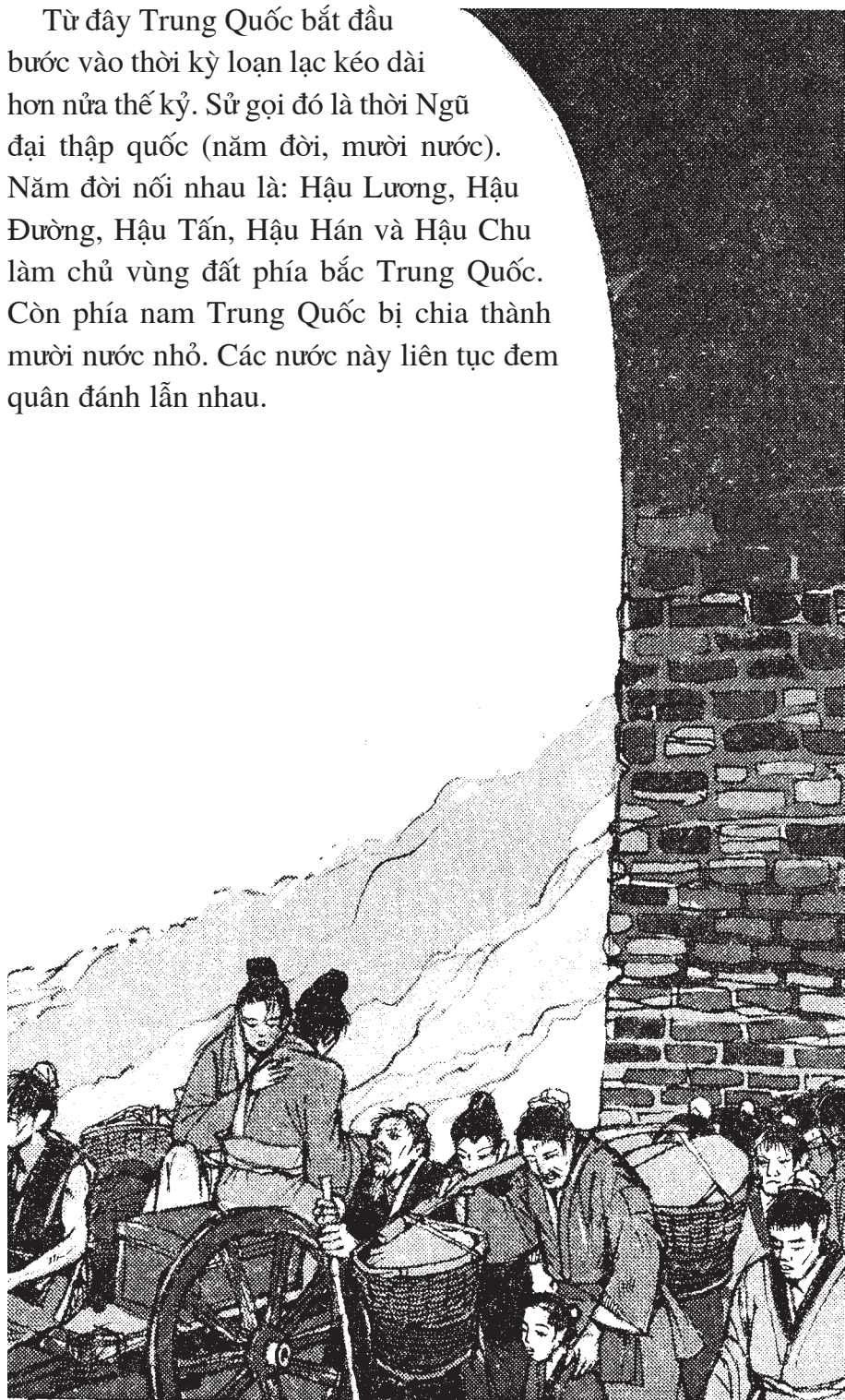


Khúc Thừa Dụ ban hành nhiều chính sách vừa được lòng dân lại tránh được sự hăm hực của bọn phong kiến phương Bắc. Các bộ sử cũ chép rằng Khúc Thừa Dụ là người khoan dung, thương người, được dân chúng suy tôn. Tháng 6 năm Đinh Mão (907), Khúc Thừa Dụ qua đời, con ông là Khúc Hạo lên nối nghiệp.

Năm 907, ở Trung Quốc, Chu Toàn Trung ép Lý Chúc nhường ngôi cho mình và lập ra nhà Hậu Lương. Nhà Đường đến đó là chấm dứt.

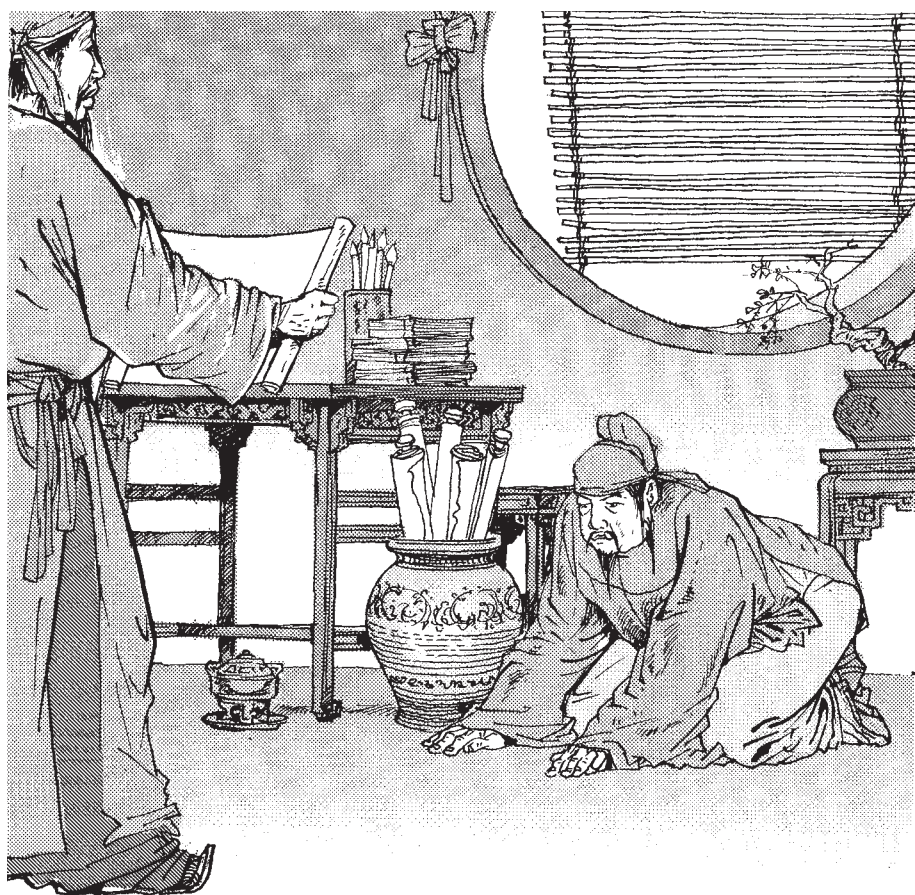


Từ đây Trung Quốc bắt đầu bước vào thời kỳ loạn lạc kéo dài hơn nửa thế kỷ. Sử gọi đó là thời Ngũ đại thập quốc (năm đời, mười nước). Năm đời nối nhau là: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu làm chủ vùng đất phía bắc Trung Quốc. Còn phía nam Trung Quốc bị chia thành mười nước nhỏ. Các nước này liên tục đem quân đánh lẫn nhau.





Tháng 7 năm 907, nhà Hậu Lương sai sứ giả sang phong cho Khúc Hạo làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ. Như vậy, nhà Hậu Lương đã phải thừa nhận quyền tự chủ của dân ta, thừa nhận quyền cha truyền con nối của họ Khúc.



Dù đã phong cho Khúc Hạo làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ, Đồng bình chương sự nhưng nhà Hậu Lương vẫn phong cho quan Quảng Đông Tiết độ sứ Lưu Ẩn thêm chức Tĩnh Hải Tiết độ sứ.

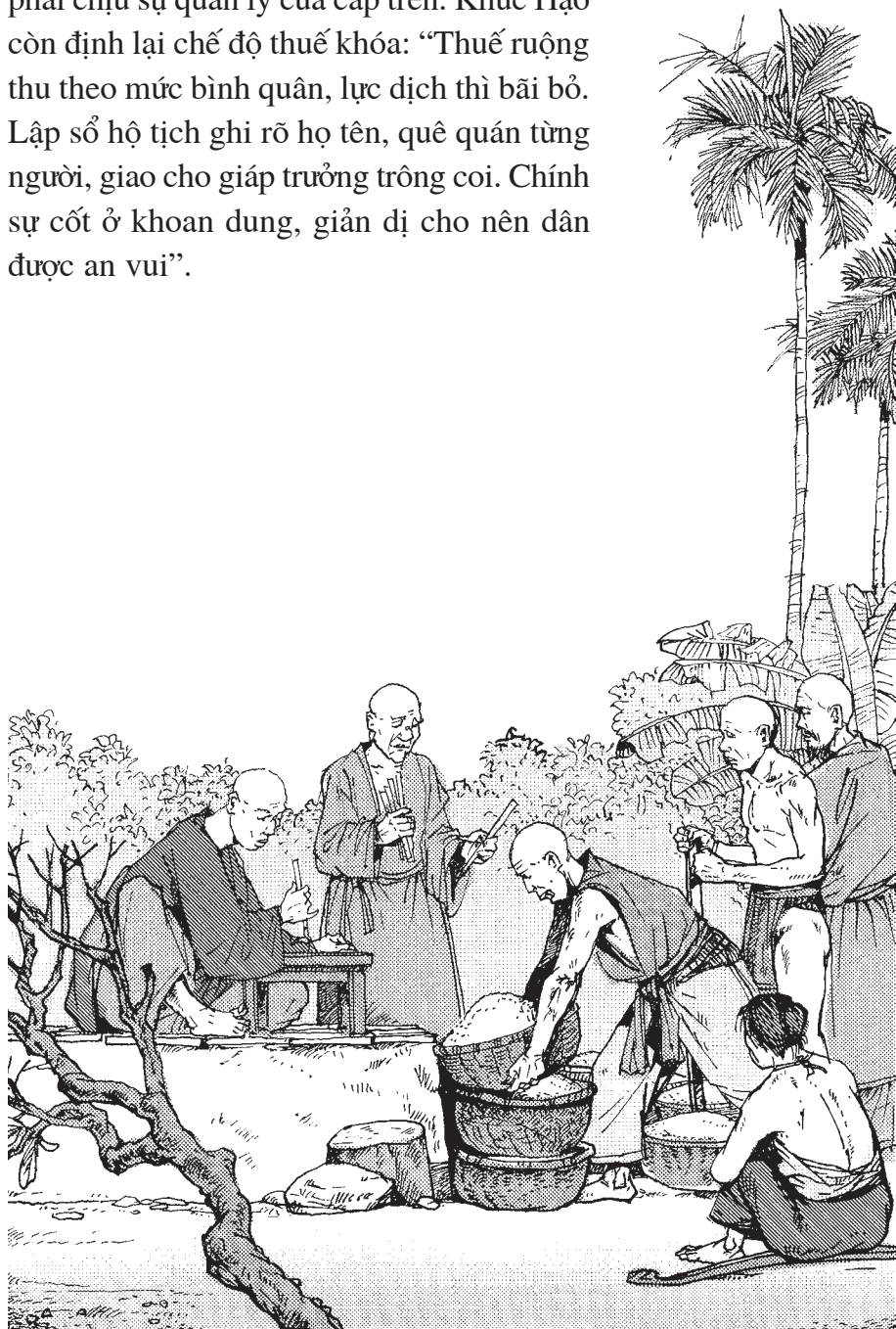
Với việc làm này, nhà Hậu Lương vừa muốn dọn đường cho cuộc xâm lăng nước ta một lần nữa, vừa muốn vỗ về Lưu Ẩn. Nhưng Lưu Ẩn đã biến vùng Quảng Đông thành một vương quốc riêng, đặt quốc hiệu là Nam Hán.



Ở nước ta, Khúc Hạo đã ban hành nhiều chính sách tiến bộ như cải tổ bộ máy hành chính. Cải tổ không chỉ là đưa những người thân tín lên nắm giữ những chức vụ quan trọng mà còn phải chọn đúng người có tài để giúp nước.



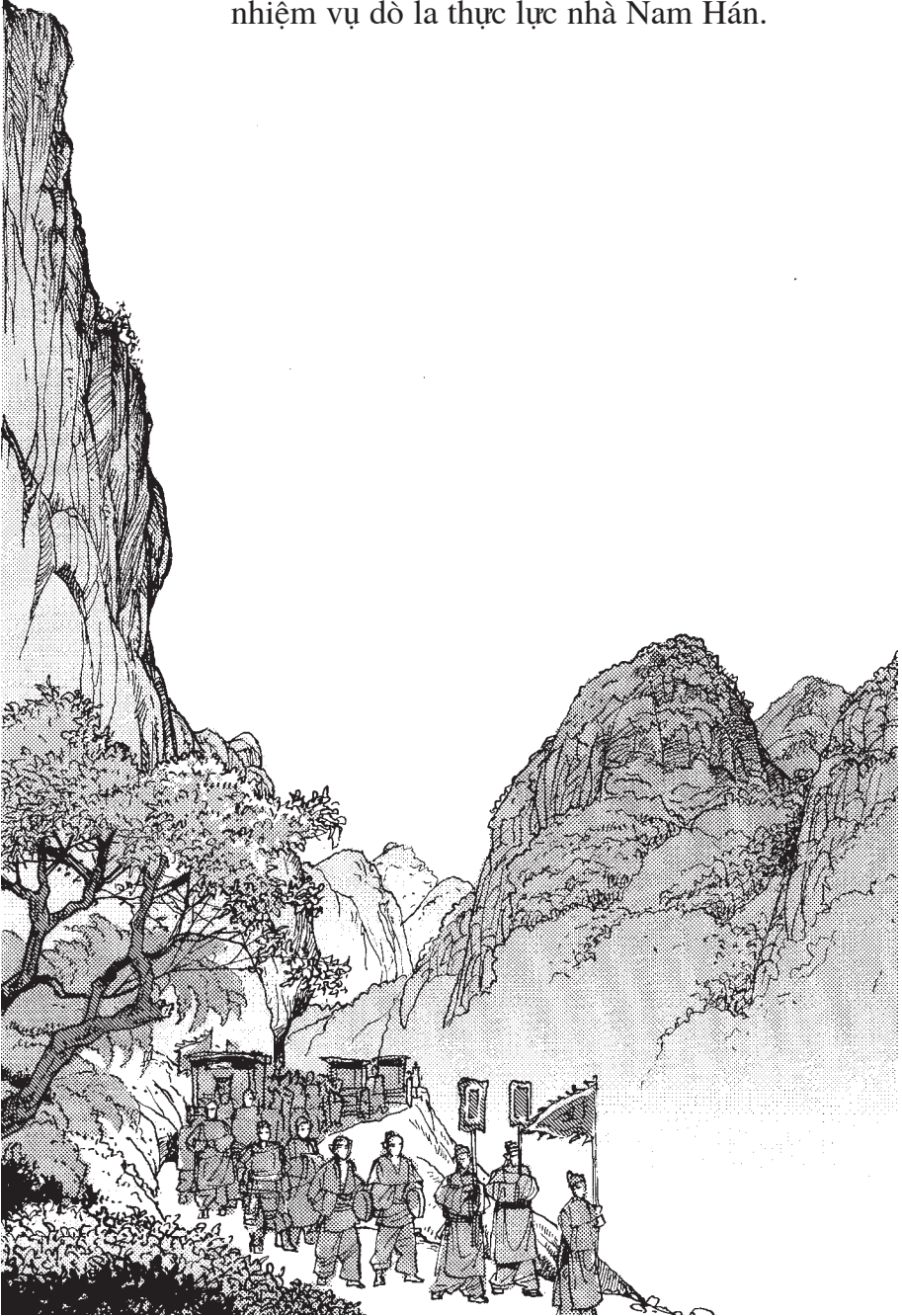
Tất cả các cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương đều được sắp xếp lại. Chức sắc hàng xã tuy vẫn do dân cử nhưng phải chịu sự quản lý của cấp trên. Khúc Hạo còn định lại chế độ thuế khóa: “Thuế ruộng thu theo mức bình quân, lực dịch thì bãi bỏ. Lập sổ hộ tịch ghi rõ họ tên, quê quán từng người, giao cho giáp trưởng trông coi. Chính sự cốt ở khoan dung, giản dị cho nên dân được an vui”.



Về đối ngoại, Khúc Hạo giữ chủ trương thần phục nhà Hậu Lương. Nhưng mặt khác, ông vẫn ứng xử một cách mềm mỏng với nhà Nam Hán ở liền kề biên giới.

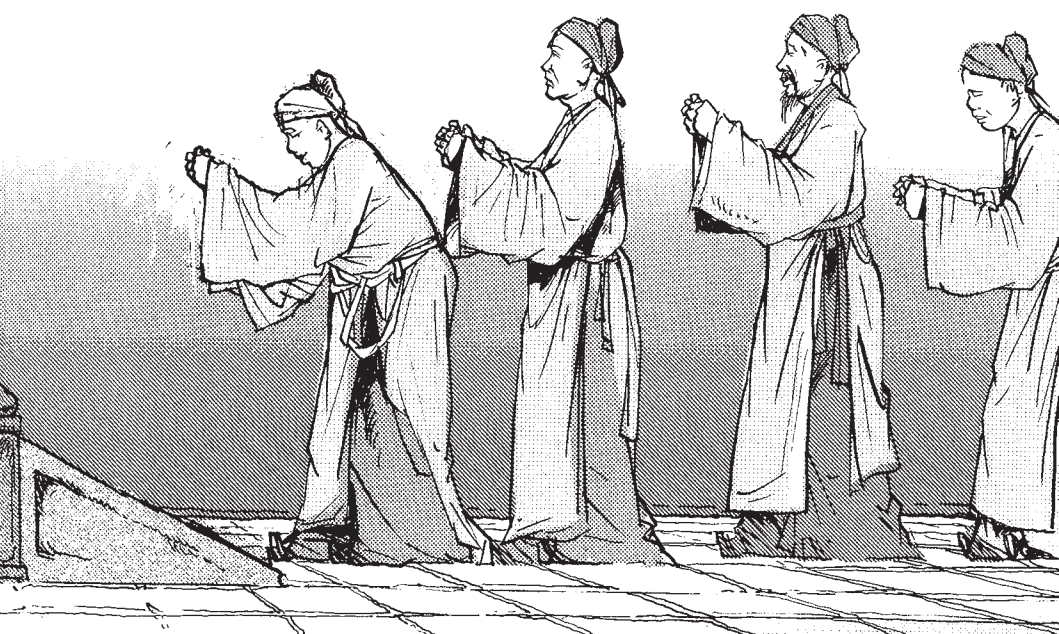


Năm 911, Lưu Ẩn qua đời, em là Lưu Nghiễm lên nối ngôi. Khúc Hạo cho con là Khúc Thừa Mỹ dẫn đầu đoàn sứ giả sang chia buồn và dự lễ đăng quang của Lưu Nghiễm. Đoàn sứ giả còn có thêm nhiệm vụ dò la thực lực nhà Nam Hán.





Giữ chức Tiết độ sứ từ năm 907 đến năm 917, Khúc Hạo có nhiều đóng góp cho đất nước thái bình, dân chúng an vui. Năm Đinh Sửu (917), Khúc Hạo qua đời, con ông là Khúc Thừa Mỹ lên nối nghiệp.



Khúc Hạo đã để lại cho Khúc Thừa Mỹ một sự nghiệp tương đối vững chắc. Nhưng Khúc Thừa Mỹ đã phạm một loạt những sai lầm nghiêm trọng dẫn đến việc nước ta mất quyền độc lập, tự chủ.

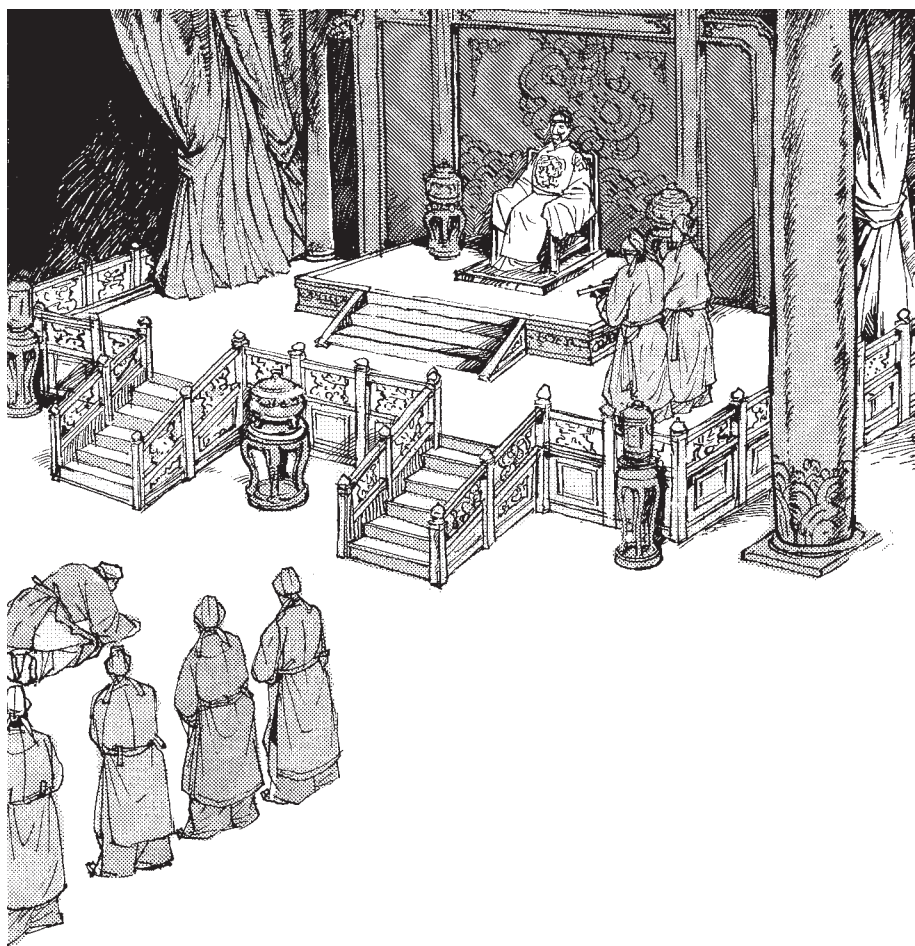


Về đối ngoại, sau khi được cử đi sứ Nam Hán, Khúc Thừa Mỹ tỏ ra lo sợ trước sức mạnh của họ Lưu. Nghe tin Lưu Nhiễm đánh thắng mấy trận ở Giang Đông, chiếm được Dung châu, Quế châu, Ung châu... Thừa Mỹ càng thêm lo sợ.



Trước nguy cơ bị Nam Hán xâm lăng, Khúc Thừa Mỹ cho sứ giả sang nhà Hậu Lương dâng lễ vật, xin cống nạp với mong muốn dựa vào nhà Hậu Lương để giữ nước.





Lúc này, đến vùng đất phía nam Trung Quốc, Hậu Lương cũng không kiểm soát được nữa là giúp nước ta. Tuy vậy, nhà Hậu Lương vẫn trao tiết việt và phong Khúc Thừa Mỹ làm Tiết độ sứ.

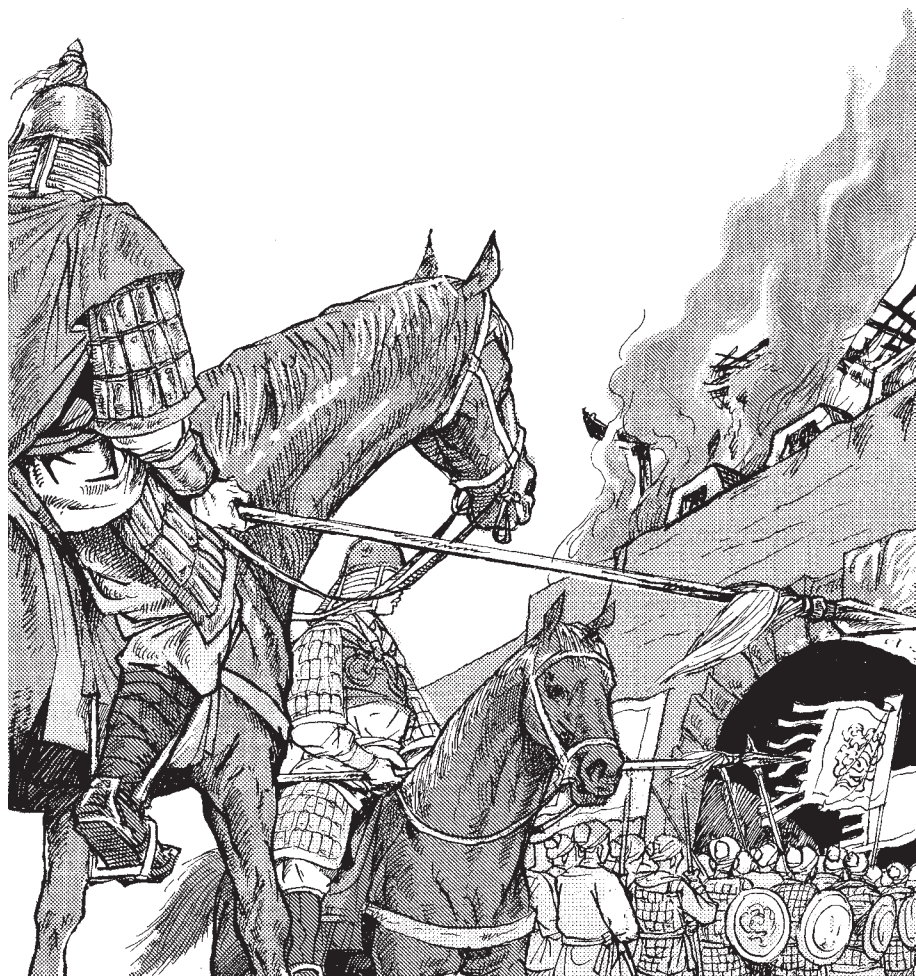
Muốn đến nhà Hậu Lương, sứ giả của Khúc Thừa Mỹ phải đi qua nhà Nam Hán. Nhưng cứ mỗi lần đi qua, thay vì giữ tình thân, họ lại mắng chửi triều đình Nam Hán là “ngụy triều”, là “loạn tặc”. Việc làm này khiến cho Nam Hán càng thêm tức tối.



Điều cần làm nhất là tập hợp sức mạnh toàn dân thì Khúc Thừa Mỹ lại không làm được. Khúc Thừa Mỹ trở nên cô độc trước họa xâm lăng. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến thất bại.



Tháng 10 năm 930, Lưu Nghiễm sai các tướng Lý Thủ Dung, Lương Khắc Trinh đem quân sang đánh nước ta. Chỉ cần đánh một trận, nhà Nam Hán đã bắt được Khúc Thừa Mỹ. Giặc còn tiến vào tận Chiêm Thành, cướp bóc nhiều của cải rồi mới kéo quân về. Sau đó, nhà Nam Hán cử Lý Tiến sang làm quan Đô hộ nước ta, Lương Khắc Trinh làm Phó đô hộ.



Sử Trung Quốc chép rằng Khúc Thừa Mỹ bị Lưu Nghiễm tìm cách hạ nhục. Hấn hỏi: “Thường ngày người vẫn nói ta là nguy triều, nay lại bị quân ta trói quặt tay lại như vậy, nghĩa là thế nào?”. Sau, Khúc Thừa Mỹ buộc phải đầu hàng và lưu vong ở Trung Quốc đến cuối đời.



Sau hai mươi lăm năm tồn tại, chính quyền độc lập, tự chủ do họ Khúc tạo dựng đã bị quân Nam Hán phá hủy. Tuy không còn nắm quyền nhưng mục tiêu mà họ Khúc đã vạch ra là không thể đảo ngược được. Từ đây, nhân dân ta bắt đầu những cuộc chiến mới giành độc lập và tự chủ cho đất nước.



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
Hai Bà Trưng	5
Bà Triệu	69
Lý Nam Đế - Triệu Quang Phục - Lý Phật Tử	123
Mai Hắc Đế	185
Phùng Hưng	207
Khúc Thừa Dụ - Khúc Hạo - Khúc Thừa Mỹ	239

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 2
CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC PHƯƠNG BẮC
TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - GIA TÚ CẦU
Biên tập tái bản: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN
Trình bày: TÔ HOÀI ĐẠT - NGUYỄN VĂN TIẾN
Sửa bản in: GIA TÚ CẦU - ĐÀO THỊ TÚ UYÊN
Kỹ thuật vi tính: NGUYỄN VĂN - NGUYỄN VĂN TIẾN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

HAI BÀ TRƯNG, BÀ TRIỆU TRONG TRANH DÂN GIAN.



Hai Bà Trưng



Bà Triệu



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn